

9

Dịch giả

NGUYỄN - VĂN - MINH

明文院

格

言

寶

錄

CÁCH - NGÔN BẢO - LỤC

- * PHIÊN ÂM
- * DỊCH NGHĨA TỪNG CHỮ
- * DỊCH NGHĨA TỪNG CÂU
- * DỊCH NGHĨA VĂN VẦN

M20024

IN LẦN THỨ NHẤT

DỊCH GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

1961

Độc Sách Cách - Ngôn này
Chóng biết chữ nho tăng trí thức

CÁCH NGŨN BÀO LỤC

9

THƯ VIỆN
HIỆP-THÀNH
KHOA HỌC ĐÀ LẠT
NGÀY 15/05/2010
TRANG 000/01



ĐỨC KHÔNG-TỬ

Cùng Quý vị Độc-Giả thân mến

Thưa Quý vị,

Tư tưởng cao xa, tinh hoa thâm thúy, của các bậc hiền thánh thường phát hiện trong lời nói câu văn, để lưu truyền mai hậu, ai hay thể nhận, ai chỉ hường học hành, tu luyện tâm thân thì phải noi gương học tập những khuôn vàng thước ngọc, cũng như lời hay ý đẹp của cổ nhân, làm phương châm, làm thầy, làm bạn, lĩnh hội được đến chỗ tinh vi, hàm dưỡng nguyên nguyên, tu luyện thành người hữu ích cho mình, và cho xã hội.

Cổ nhân có câu rằng: “Hành nhi thể vi thiên hạ pháp. Ngôn nhi thể vi thiên hạ tắc : Nghĩa là Bậc thánh nhân quân tử thi hành việc gì là đủ làm phép tắc cho thiên hạ đời ấy qua đời khác. Nói lời nào là đủ làm khuôn phép cho thiên hạ đời đời. Thế thì hành động và lời nói giá trị là đường nào ?

Nay đương lúc tân cựu giao thời, phải chăng trong xã hội cũng có một số quá say đắm trong phần hoa danh lợi, hầu như quên hết cái đạo làm người.

Ấu cũng vì trên tám mươi năm, thực dân đô hộ, đem bả vắn minh vật chất, gieo rắc say mê, nhồi sọ cho con em ta, nào tiểu thuyết đầu độc, nào màn ảnh khiêu dâm, đã ru ngủ trong giấc mộng mê ly di-hại ngấm ngấm càng ngày càng thêm khốc liệt. Như vậy nếu không có phương châm cũng như tiếng chuông thức tỉnh con-người, lấy chi diu dắt khuyên răn.

Hiện nay chính-phủ rất quan tâm về điểm đó, nên chỉ đã ra lệnh bài trừ tư đồ tư tưởng, khuyến khích hội bảo-vệ luân lý thật là một chính sách hợp thời.

Chúng tôi tự biết tài hèn học mọn dám đầu khua trống trước lời đình, nhưng sẵn từ xưa, tấm lòng nhiệt huyết, đã gia tâm nghiên cứu, cố gắng sưu tầm, được những tư tưởng quý báu của các bậc hiền thánh, về triết lý cũng như về tinh thần, soạn thành một tập gọi là **CÁCH NGÔN BẢO LỰC**, chú thích phân minh, lại phụ thêm phần vận văn cho dễ nhớ, những tưởng chỉ là để tu luyện lấy mình, hoặc dạy con bảo cháu mà thôi, không dám có ý gì cao vọng khác.

Nhưng đến đây tình thế xui nên, bạn bè thúc giục, và chúng tôi nhận thấy chính sách chấn hưng đạo đức, mở mang không học, cốt để duy-trì nhân tâm thế đạo, thì tập Cách Ngôn Bảo Lực này, cũng không ngoài ý hướng ấy, nên có ý muốn đem góp vào công cuộc, họa may có bổ ích thêm được phần nào trong muôn một vậy. Riêng nghĩ một hòn đá khó chấn được làn sóng dữ một cái cột sao dựng nổi nên nhà. Thế thì góp nhiều sức mới đào thành giếng góp đất đá nhiều mới đắp nổi nên non.

Vậy việc làm quá táo bạo này may ra cũng được nhờ các bậc cao minh lượng xét mà ủng hộ cho, hoặc có chỗ nào sai lầm thiếu sót xin vui lòng chỉ giáo giùm cho, chỉ ước mong sao đến chỗ hoàn toàn, chúng tôi rất lấy làm hân hạnh và cảm tạ.

Nay kính tựa

Saigon, ngày 26 tháng 10 năm 1960.

Canh-Tý Thu

HẠNH-LÂM

BÀI BẠT

Tôi được ông Đông Y HẠNH Lâm NGUYỄN-VĂN-MINH

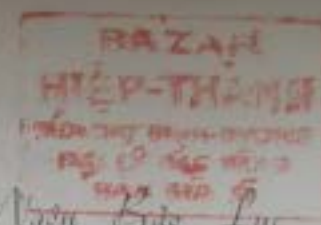
Tôi được ông Đông Y HÀN CẨM THẠCH (韓錦石) viết cho tôi một bài báo, tựa là **Cách Ngôn Bảo Lục** (格言寶錄).
Tiên sinh cho xem quyển **Cách Ngôn Bảo Lục** (格言寶錄). Tôi xem mà ông vừa soạn xong, muốn tôi để một bài báo. Tôi xem khắp nội dung sách này, ông đã khéo lựa chọn những câu cách ngôn của cổ nhân mà ông đã sưu tầm được nhiều, lại dịch nghĩa rõ ràng, và dịch thành ca-đạo, khiến người xem vui tai mà không chán. Sách này về thời đại nào tưởng cũng có thể áp dụng được nhất là về buổi này, cương thường điển đạo, luân lý suy đồi, hằng ngày trên mặt báo thường đã xảy ra biết bao truyện ngang tai chương mắt mà xưa nay chưa từng có, khiến người có lư tâm đến nhìn tâm thế đạo, ai mà không thối mặc, không khác nào trông thấy nhà cháy, không lẽ làm ngơ, trông thấy thuyền đắm, mà không cứu vớt. Nay được quyển sách này ra đời không khác gì nhà cháy lại gặp trần mưa rào, thuyền đắm lại gặp được người cứu. Ông là một nhà Đông Y, chuyên chữa bệnh người, nay ra quyển sách này để chữa cả lòng người, nếu được người đời chú ý, thì có thể chữa được cả tâm bệnh vậy.

Tôi rất mong tập sách này được liệt vào giáo khoa để phổ biến cho các thanh thiếu niên làm bài nhật tụng để thuộc lòng, vì xem ra giới học sinh cũng nhiều người muốn lý hội về Hán học, nhưng thấy Từ truyện ngũ kinh Từ sử, sách vở mênh mông như con thuyền vào bể đại dương, không biết đâu là phương hướng, nay trong lúc phải theo chương trình ở học đường, khó có thì giờ tìm hiểu ở trong bể học những điều hay lẽ phải. Nay được Ông đã chọn lọc khắp trong kinh truyện Từ sử mà lược thành 1 tập sách, không khác gì Ông đã chọn các món ngon trong một bữa tiệc, hái các hoa thơm trong một vườn hoa, để dành cho người xem, HỌC ÍT MÀ BIẾT NHIỀU, những người biết thưởng thức, như ăn được món ngon, ngửi được hoa lạ, tâm hồn hẳn được thỏa mãn vậy. Tiên xin trân trọng giới thiệu cùng hải nội chư quân tử mỗi nhà nên có một quyển **Cách Ngôn Bảo Lược** này, để làm sách gia-đình giáo dục, không khác gì mình đã có sẵn một ông thầy để dìu dắt cho con em lên con đường tri dục đức dục một cách rất giản tiện vậy.

Naykinh bát.
Cử nhân, Thượng Thư Tri Sự
PHAM-VĂN-HANH

— my

讀東醫西林阮先生格言寶錄恭紀
文獻千秋愧暮煙誤人學說各譁然
歎區心病今和扁盡括箴言古聖賢
不許秦灰埋地冷可當端石補天穿
匡時自有名山寶并作青囊活國篇
原教師秀才東溟鄧武藥題贈



Mừng lập Cách Mạng Bảo Lạc
ra đời.

Văn hiến ngàn năm Nước Việt xưa,
Rừng nho nay cảm thấy thừa thừa,
Bao bao lời nói phải người thường trái,
Nhưng tấn trò hề họ dễ ưa,
Sự nghiệp Chu, Trích may sáng tỏ,
Tinh thần Khổng, Mạnh khéo nêu ra,
Một pha Bảo Lạc gương đời mới,
Mong được trưng vào sách giáo khoa,

Ngày 28 tháng 10 năm 1960.
Tuần phủ trí sĩ **VŨ THIÊN KHOÁI**
Kính đề

新書誌喜 杏林先生 雅鑒

白頭慚負老青偏 世道人心最可憐
珠玉滿篇成諷咏 史書新軸溯淵源
竹危言遜希先哲 古往今來感昔賢
台頃頽波誰砥柱 憑君寶筏濟迷川

庚子秋 李維山 敬贈

Kính tặng cụ NGUYỄN-VĂN-MINH
Quê hiệu HẠNH-LÂM là tác-giả
" quyển **CÁCH NGÔN BẢO LỤC** "

" Cách-Ngôn Bảo-Lục " giúp tinh-thần
Sưu tập điều hay của cò-nhân
Chia mục lựa bài xem rõ rệt
Dịch năm giải nghĩa khỏi phần văn
Cương thường buổi mới lo xa nghĩ
Đạo lý gương xưa chiếu sáng dần
Giáo-dục những ai ưu trí đức
Thay lời giới thiệu tỏ tình thân

Đi-Thủy PHẠM-VĂN-THUYẾT.

Saigon 26 tháng mười năm 1960
Mùa thu năm Canh-Tý



Kính gửi Ông Hạnh Lâm

23, Đinh-tiên-Hoàng, 23

ĐAKAO - SAIGON



Từ đậm xa ông đã có lòng đến thăm tôi và cho xem quyển
CÁCH-NGÔN BẢO-LỤC.

Đương nằm dưỡng bệnh, tôi sức nhớ lại các dịp tiếp xúc với ông, biết Ông là một nhà thâm nho. Mắt tôi đã thấy những sách cổ kính đặt trên bàn hoặc trong tủ sách gia-đình, tại tôi đã nghe những khẩu khí một cách tự nhiên ở Ông đầu mùa truyện, khiến tôi có dịp ôn lại các sách nhỏ mà cha tôi là một nhà Thủ-Khoa lão luyện đã nhét vào óc tôi từ thuở khai tâm. Ngẫm lại các câu đó một cách thu vơi " rung đùi " tôi xác nhận chân giá-trị của cuốn sách Ông là một kho quý báu, hăm sức những câu châm ngôn của các bậc Thánh hiền đại triết sáng lập nền luân lý Đông-phương, nhất là các **đức tính** hoàn thiện đời sống con người : Trau dồi trí thức, điều chỉnh tình cảm, rèn luyện kỷ-chí, đến sinh hoạt xã hội cũng như nói : " Cách vật trị trí, thành ý chỉnh tâm, tu thân tề gia, trị quốc bình thiên hạ ", khác nào như một hoa viên có đủ mọi bông thơm là các nhân đức căn bản đạo làm người. Nội dung cuốn sách như thế cũng có thể gọi là hoàn hảo; về hình thức của nó chia ra từng mục thứ tự, in bằng những lối chữ mới, giải nghĩa rõ ràng lại dịch theo lối ca-dao dễ đọc, dễ nhớ, phù hợp với

giáo khoa thư, trình bày sáng sủa dễ coi. Tôi thành tâm khen ngợi chỉ kết của Ông đã hao tốn bao sức lực công của theo đuổi một việc vi-tha-bồ lịch và hợp thời. Tôi nhấn mạnh chữ « Hợp thời » vì ngày nay ai chả biết mối nguy hại của cộng-sản vô thần chà đạp nền luân-lý cổ truyền, hạ bệ những giá-trị thiêng-liêng thần quyền và nhân quyền mà đặt vô học đảng trị độc tôn, lấy duy vật làm luật sống, thoái hóa xã-hội trở lại đòi muốn thủ vô đạo nghĩa. Mặt khác, làn sóng vật chất đối phong bại tục từ ngoài đem lại đang đe dọa đánh chìm mọi nhân đức (lời đức Giáo Hoàng Phao XII) gieo vãi khắp nơi những sách báo phim ảnh khiêu dâm làm hư hỏng thanh thiếu niên, thối nát xã-hội nước nhà và ngăn cản bước tiến của dân tộc.

Chống với những trào lưu đó, sách ông có thể góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng chung, để giáo dục canh cải tất cả những gì xấu xa mục nát và khôi phục lại cái « Hoàng kim thời đại » (âge d'or) biết trọng luân thường đạo lý của nước ngàn năm văn vật ở cõi Á-đông này.

Vốn biết đó là một sự đòi hỏi những phương sách vượt mức cá nhân. Nhưng giữa lúc nhà cháy lửa phi luân bốc lên toan thiêu hủy nền văn-hóa của cha ông chúng ta, thì mỗi người đều phải góp một tay cấp cứu. Chính ông trong bài tựa cũng đã hiểu nghĩa vụ hợp tác « Cộng cộng » trong một nước dân-chủ. Đó là một tinh-thần đáng khen và nêu gương thúc giục kẻ khác trong chiến dịch « Tái xuân đạo-đức » (Renouveau spirituel) mà toàn dân đang mong mỏi.

Là một giáo sĩ tôi ước mong có ngày được Ki-tô-hóa những nguyên tắc luân lý Đông phương ấy không phải tất cả mọi lý thuyết của tam giáo chủ trương thái quá của các nhà truyền giáo đầu tiên từ thế kỷ XVI, hay nhất loạt cho các đạo ấy là dị đoan, tà-thuyết.

Theo phải bắt cặp của những vị thừa sai đòi thực dân. Nhưng ở đây cũng như ở chỗ khác chúng tôi theo đường lối « trung dung » (Virtus stat in medio) cùng với các nhà thần học hữu danh ngày nay. Guardini, Lubac, Danielou v.v.... đã thụ lý những điều hay trong Phật-Khổng-giáo đem thích nghi vào đạo lý Thiên chúa giáo mà đấng Quan-phòng (Providence) đã dùng các đạo ấy làm tiền-phong dọn đường cho đạo Phúc-âm sau này. Đang khi chờ đợi một cuốn sách dung hòa hết các nguyên tắc của Tứ giáo làm nền tảng cho việc đức dục thanh niên. Chúng tôi ước mong đồng bào nhất là các bạn thanh thiếu niên học sinh mau mau sắm lấy cuốn sách **CÁCH-NGỒN BẢO-LỰC** của Ông HẠNH LÂM làm sách gối đầu giường vừa giúp các bạn học chữ nho một cách thực hành dễ dàng, dễ nhớ vui vui, vừa như sấm cho mình được của nuôi tinh thần là thuốc trụ sinh chống với các ý tưởng đầu độc của tà thuyết cộng-sản và vật-chất, hầu luyện cho mình nên « người lý tưởng » xứng đáng với thế-hệ thanh-niên « Cộng-Hòa » ưu tú, hợp với kỳ vọng của NGÔI lãnh tụ và của toàn thể quốc dân đồng bào.

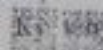
Mong lắm thay.

Tại viện Bác Ái Kiến-Hòa.

Ngày 10 tháng 1 năm 1961

L. M. ĐÌNH - NGỌC - SAN

Triết-học Thần-học Luật-khoa Tiến-sĩ





VĂN-VƯƠNG, VŨ-VƯƠNG

Đề tập Cách Ngôn Bảo Lục
của cụ Hạnh Lâm

Cách ngôn hiền thành để bao đời,
Phiên dịch may sao đã có người,
Lời rất cao xa chia đủ loại,
Nghĩa coi rành rẽ đúng theo thời,
Có chăng góp sức chung xây dựng,
Không phải ham danh muốn vẽ vời,
Cũ mới giữa hồi thay đổi hướng,
Mới mà còn cũ, mới thêm tươi.

Viết tại Saigon sau lễ Quốc-Khánh thứ 5

XUÂN PHONG

第一篇 讀書

ĐỘC THƯ ĐỆ NHẤT THIÊN

讀	書	即	未	成	名	究
Độc	Thư	Tức	Vì	Thành	Danh,	Cứu
Đọc	sách	bèn	chưa	nên	tiếng,	cầu
竟	人	高	品	雅	修	德
Cánh	Nhân	Cao	Phẩm	Nhã,	Tu	Đức
Cánh	người	cao	phẩm	nhã,	sửa	đức
不	期	獲	報	自	然	夢
Bất	Kỳ	Hoạch	Báo,	Tự	Nhiên	Mộng,
chẳng	hẹn	được	báo,	tự	nhiên	chiếm bao, mơ
穩	心	安				
Ổn	Tâm	An				
gên ổn	lòng	gên,				

格 言 聯 璧
Cách — Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Những người đọc sách, tuy chưa thành danh, nhưng cũng đã có một tư cách cao thượng. Những người làm điều thiện tuy không mong gì những sự báo ứng, nhưng tự nhiên thấy trong lòng được khoan khoái.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Sự học dù chưa thành danh
Nhưng xem phần giả cao thanh khác thường,
Làm lành báo ứng chưa tường,
Nhưng mình tự thấy lòng thường yên vui !

泰山喬嶽以立身
鏡止水以澄心
青天白日以應事
和風甘雨以待人

孫叔敖歌

庚子秋

子敏書

讀	書	不	多	膽	不	大
Đọc	Thư	Bất	Đa	Đảm	Bất	Đại,
Đọc	sách	chẳng	hiều	một	chẳng	lớn,
造	理	不	精	心	不	細
Thào	Lý	Bất	Tinh	Tâm	Bất	Tế,
Thào, đến, lẽ		không	tinh	tâm	không	nhỏ,
二 味						

sách Nhị - vị

Dịch nghĩa: Người ta đọc sách không được nhiều thì gan dạ không được vững vàng mà can đảm không được to lớn, lý nghĩa xa xôi không tinh thì tâm địa không, tế nhị.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Những người không đọc sách nhiều,
Gan thường rụt rụt đảm hèn không to,
Lòng không tinh tế dần dà,
Bối chung nghĩa lý xa xôi không tường.

讀	經	傳	則	根	抵	厚
Học	Kinh	Truyền	Tác	Căn	Đề	Hậu,
Đọc	kinh	truyền	thì	gốc	gốc, rễ,	dầy,
看	史	鑑	則	議	論	偉
Khán	Sử	Giám	Tác	Nghị	Luân	Vĩ,
Xem	sách sử	xoi	thì	bàn	bàn	lót,

觀	雲	物	則	眼	界	寬
Quan	Vân	Vật	Tắc	Nhãn	Giới	Khoan,
Xem	mây	vật	thì	mắt	cõi	rộng,
去	嗜	欲	則	胸	懷	淨
Khử	Thị	Dục	Tắc	Hung	Hoài	Tĩnh,
Bỏ	muốn	lòng muốn	thì	bụng	lòng nhớ,	sạch sẽ,
mang						

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa: Có đọc kinh, truyền thì sự học mới có căn bản. Có xem sử giám thì nghị luận mới được dồi dào. Có xem nhiều mây kỳ cảnh lạ thì tâm con mắt mới rộng rãi. Có bỏ được thị dục, thì trong lòng mới được lâng lâng yên tĩnh.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Nên đọc kinh truyền cho nhiều,
Học có căn bản mới hầu ngàn năm.
Chăm xem sử giám ngày đêm
Thì khi nghị luận mới thêm cao kỳ.
Xem mây xem cảnh vật gì,
Buông tâm con mắt xa thì thấy xa,
Bỏ được thị dục lòng ta,
Tự nhiên trong bụng khoan hòa yên vui.

讀	書	貴	能	疑	疑	乃
Độc	Sách	Quý	Năng	Nghi	Nghi	Nãi
Độc	Sách	Quý	hay	ngờ,	ngờ	bên
可	以	啓	信	讀	書	在
Khả	Đĩ	Khởi	Tín	Độc	Thư	Tại
Khả	lấy	mở	tín,	đọc	sách	ở
有	漸	漸	乃	克	底	有
Hữu	Tiêm	Tiêm	Nãi	Khắc	Đề	Hữu
Có	dần,	dần	bên	hay	đầy, đến, có	
成						
Thành						
Nên						
			格	言	聯	璧
			Cách	—	Ngôn	Liên
						Bích

Dịch nghĩa : Đọc sách cần nhất phải biết những chỗ đáng ngờ, dù ngờ thì tất phải tra xét cho ra, thì mới tin được, việc học cần phải kiên nhẫn lâu ngày, dần dần thấm thía mới tới được chỗ thành công.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Đọc sách cần biết chỗ ngờ,
Ngờ mà nghiên cứu bấy giờ mới tin,
Việc học có chí thì nên,
Dần dà thấm thía tự nhiên thành tài.

讀	書	爲	身	上	之	用
Độc	Thư	Vì	Thân	Thượng	Chi	Dụng
Độc	sách	làm	mình	trên	chưng	dùng,
而	人	以	爲	紙	上	之
Nhì	Nhân	Đĩ	Vì	Chi	Thượng	Chi
Mà	người	lấy	làm	giấy	trên	chưng
用	做	官	乃	造	福	之
Dụng	Tổ	Quan	Nãi	Tạo	Phúc	Chi
Dùng,	làm	quan	bên	đựng	phúc	chưng
地	而	人	以	爲	享	福
Địa	Nhì	Nhân	Đĩ	Vì	Hưởng	Phúc
Đất,	mà	người	lấy	làm	hưởng	phúc
之	地		格	言	聯	璧
Chi	Địa		Cách	Ngôn	Liên	Bích
Chưng	đất,					

Dịch nghĩa : Đọc sách để sửa mình nên một người hữu dụng, mà người ta chỉ đem dùng ở trên mặt tờ giấy mà thôi. Làm quan là để có địa vị làm phúc cho đời, mà người ta lại chỉ cho là có địa vị để hưởng phúc.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Đọc sách để học điều hay,
Phải đăn trên giấy khéo tay vẽ vời,
Làm quan cốt để giúp đời,
Phải đăn riêng hưởng một đời ăm no.

讀	未	見	書	如	得	良
Độc	Vì	Kiến	Thư	Như	Đắc	Lương
Độc	chưa	thấy	sách,	bằng	được	tốt

友	見	已	讀	書	如	逢
Hữu	Kiến	Đã	Độc	Thư	Như	Phùng
Bạn,	thấy	đã	đọc	sách,	bằng	gặp

故	人
Cố	Nhân
cũ	người,

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Thấy sách chưa được đọc bao giờ, thì như gặp được người bạn tốt. Thấy sách mình đã đọc rồi, thì như gặp người bạn cũ.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Xem sách chưa đọc bao giờ,
Như được bạn tốt mong chờ khát khao.
Gặp sách xem đã từ bao,
Như gặp bạn cũ biết bao cảm tình.

古	今	來	許	多	世	家
Cổ	Kim	Lai	Hứa	Đa	Thế	Gia
Đời xưa	đời nay	lại	cho	những	đời	nhà.

無	非	積	德	天	地	間
Vô	Phi	Tích	Đức,	Thiên	Địa	Gian
Không	chẳng	phải,	đức,	trời	đất	không

第	一	人	品	還	是	讀
Đệ	Nhất	Nhân	Phẩm,	Hoàn	Thì	Độc
Bậc	một	người	phẩm,	về	ấy	đọc

書	格	言	聯	壁
Thư,	Cách	- Ngôn	Liên	Bích
Sách,				

Dịch nghĩa : Xưa nay những nhà thế gia phát đạt, đều là những nhà tích đức đã lâu đời. Mà những người có phẩm giá cao nhất trên đời, đều là những người có học thức.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Xưa nay phú quý bao nhà,
Cũng do tích đức dần dà mới nên.
Phẩm cao đệ nhất thế gian,
Là người đọc sách thánh hiền xưa nay.

學問第二篇

HỌC VĂN ĐỀ NHỊ THIÊN

古 之 君 子 病 其 無
Cổ Chi Quân Tử Bệnh Kỳ Vô
Đời xưa chúng người quân tử bệnh, lo thừa không

能 也 學 之 今 之 君
Năng Dã Học Chi Kim Chi Quân
Hay vậy học, đây, đời nay chúng người quân

子 恥 其 無 能 也 諱
Tử Tĩ Kỳ Vô Năng Dã Huỵ
Tử, xấu hổ thừa không hay vậy kiêng, tên huỵ

之

Chi
đây,

格 言 聯 璧

Cách Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Người đời xưa biết mình kém, thì chịu đi học hỏi, để thành một người hoàn toàn. Còn những người đời nay, dù biết mình không có tài, nhưng lại hay xấu hổ giấu giếm không muốn cho ai biết.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Đời xưa quân tử lo chi.
Lo vì mình kém chám đi học hành.
Đời nay học đã không thành.
Lại hay xấu hổ giấu quanh quạng ngượng.

書 有 未 曾 經 我 讀
Thư Hữu Vĩ Tăng Kinh Ngã Độc
Sách có chưa từng trải ta đọc.

事 無 不 可 對 人 言
Sự Vô Bất Khả Đối Nhân Ngôn
Việc không chẳng khá đối với người nói

格 言 聯 璧
Cách Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Sách thì cũng có sách ta chưa từng đọc qua. Việc làm thì rất quang minh chính đại, đối với ai cũng có thể nói được, không có việc gì là âm mưu.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Thiên kinh vạn quyển bao la.
Cũng có nhiều sách chưa qua mắt mình.
Việc làm rõ rệt quang minh:
Đời ai cũng nói được mình thẳng ngay.

古 之 學 者 得 一 善
Cổ Chi Học Giả Đắc Nhất Thiện
Đời xưa chúng học ấy được một lành

言 附 於 其 身 今 之
Ngôn Phụ Ứ Kỳ Thân Kim Chi
Lời nói phụ chưng thừa mình, đời nay chúng

學	者	得	一	善	言	務
Học	Giả	Đắc	Nhất	Thiện	Ngôn	Vụ
Học	học	được	một	lành	lời nói	chăm

以	悅	人
Đĩ	Duyệt	Nhân
Lấy	đẹp	người

格	言	聯	璧
Cách	Ngôn	Liên	Bích

Dịch nghĩa : Những bậc học giả đời xưa, được một điều hay thì giữ để giúp cho mình. Còn những người học đời nay, được điều gì hay thì chỉ chăm nói khéo cho người ta ưa mình.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Đời xưa người học chăm lo,
Lời hay lẽ phải giữ cho thân mình,
Đời nay học được điều lành,
Chỉ chăm nói khéo để đánh người yếu.

人	非	無	知	而	真	知
Nhân	Phi	Vô	Tri,	Nhĩ	Chân	Tri
Người	chẳng	không	biết,	mà	thật	biết

爲	難	人	非	無	見	而
Vì	Nan,	Nhân	Phi	Vô	Kiên,	Nhĩ
Làm	khó,	người	chẳng	không	thấy,	mà

真	見	爲	難
Chân	Kiến	Vì	Nan
Thật	thấy	là	khó,

性 理

Sách Tinh — Lý

Dịch nghĩa : Người đời phần nhiều không phải là không biết, nhưng biết được đích đáng là khó, người thường không phải là không có kiến thức, nhưng có chân kiến mới là khó.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Ai mà chẳng biết việc chi,
Biết cho ra biết, biết thì mới hay.
Ai ai cũng kiến thức đầy,
Thấy cho ra thấy mới hay khác thường.

經	濟	出	自	學	問	經
Kinh	Tế	Xuất	Tự	Học	Vấn,	Kinh
Kinh	lẽ	ra	từ	học	hỏi,	kinh

濟	方	爲	本	源	心	性
Tế	Phương	Vì	Bản	Nguyên,	Tâm	Tính
Tế	mới	lành	gốc	nguồn,	lòng	tính

見	之	事	功	心	性	方
Kiến	Chi	Sự	Công,	Tâm	Tính	Phương
Thấy	chúng	việc	công,	lòng	tính	mới

爲 圓 滿
Vi Viên Mãn
Lên tròn đầy.

格 言 聯 璧
Cách Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Kinh-tế mà có học vấn, thì kinh-tế mới có nguồn gốc. Tâm-tinh có suy ra việc làm, thì tâm-tinh mới được đầy đủ.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Kinh doanh bởi học mà ra.
Mới là kinh-tế tinh-hoa gốc nguồn.
Tâm-tinh suy ra việc làm,
Mới hay đầy đủ hoàn toàn khôn ngoan.

收 吾 本 心 在 腔 子
Thu Ngò Bản Tâm Tại Xoang Tử
Thu ta vốn lòng ở bụng con

裡 是 聖 賢 第 一 等
Lý Thị Thánh Hiền Đệ Nhất Đẳng
Trong ấy ông thánh ông hiền thứ đệ nhất bậc

學 問 盡 吾 本 分 在
Học Vấn Tận Ngò Bản Phận Tại
Học hỏi hết ta vốn phận ở

素 位 中 是 聖 賢 第
Tố Vị Trung Thị Thánh Hiền Đệ
Tơ, trắng ngồi trong, ấy ông thánh ông hiền thứ đệ

一 等 工 夫
Nhất Đẳng Công Phu
Một bậc công phu,

格 言 聯 璧
Cách — Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Thu được cái phòng tâm về lòng ta, ấy là cái học vấn cao nhất của bậc thánh hiền. Làm hết bổn phận ở trong chức việc của mình ấy là cái công phu trước nhất của bậc Thánh-Hiền.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Phòng tâm thu ở lòng ta.
Ấy là học vấn cao xa tốt vời.
Làm tròn bổn phận ở đời.
Công phu bậc nhất đời nơi Thánh-Hiền.

明 者 遠 見 於 未 萌
Minh Giả Viễn Kiến ư Vị Mạnh
Sáng ấy xa thấy chung chưa móng, chợi *chưa thấy*

而 智 者 避 危 於 無
Nhi Trí Giả Tị Nguy ư Vô
Mà khôn ấy lánh ngay chung không

形	禍	固	多	藏	於	隱
Hình.	Họa.	Cố	Đa	Tàng	Ư	Ẩn
Hình.	họa.	chín	hiều	đầu	chúng	ẩn

微	而	發	於	人	所	忽
Vi.	Nhì	Phát	Ư	Nhân	Sở	Hốt
Nhỏ.	mà	phát	chàng	người	thừa	quên

者	也
Giả	Đã.
Ấy	vậy.

司馬相如
Tư - Mã - Tương - Như

Dịch nghĩa : Người sáng suốt hay nghĩ rộng trông xa, nên việc tuy chưa xảy ra, mà đã biết rồi. Người khôn ngoan thì tuy sự nguy hiểm chưa tới, mà đã biết lánh xa từ trước. Vì sự tai vạ thường hay ngầm ngầm ở nơi kín đáo, mà phát ra những lúc người ta hay quên, thường không để ý đến vậy.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Việc khi còn chưa phát ra,
Mà người sáng suốt nghĩ xa biết rồi.
Sự nguy đã chưa đến nơi,
Mà người khôn đã lánh rồi trước ngay.
Tai họa tuy chưa rõ bày,
Nhưng hay xảy đến lúc người lãng quên.

學	貴	力	行
Học	Quý	Lực	Hành
Học	quý	sức	làm

不	貴	空	言
Bất	Quý	Không	Ngôn
Chẳng	quý	không	nói

春秋
Sách Xuân - Thu

Dịch nghĩa : Việc học quý ở chỗ phải hết sức đem ra mà thi thử, để phát triển cái năng lực của mình. Chứ cứ nói không mà không làm được việc gì, thì còn quý gì nữa.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Học ta quý ở thực hành.
Nói khác nói không có thành tích gì.
Việc làm, lời nói cùng đi,
Nói sao làm vậy có khi đạt thành.

以	積	貨	財	之	心	積
Dĩ	Tích	Hỏa	Tài	Chi	Tâm	Tích
Dùng	chứa	của	cái	ở	lòng,	chứa,

學	問	以	求	功	名	之
Học	Vấn	Dĩ	Cầu	Công	Danh	Chi
Học	hỏi,	dùng	cầu	công	đanh	ở

心 求 道 德
Tâm Cầu Đạo Đức
lòng cầu đạo đức,

格言

Sách Cách — Ngôn

Dịch nghĩa : Người ta nên đem lòng chứa cùn cái, mà chứa học vấn, nên đem lòng cầu công danh mà cầu đạo đức,

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

*Đem lòng chứa cùn làm giàu,
Mà chứa học vấn ngổ hầu cao-minh,
Đem lòng cầu cạnh công danh,
Mà cầu đạo đức thì thành người hay.*

不 登 山 不 知 天 之
Bất Đăng Sơn Bất Tri Thiên Chi
Chẳng lên núi chẳng biết trời ở

高 不 臨 谿 不 知 地
Cao Bất Lâm Khê Bất Tri Địa
Cao, chẳng tới khe chẳng biết đất
(lạch nước trong núi)

之 厚 不 聞 先 王 之
Chi Hậu Bất Văn Tiên Vương Chi
Nó dày, chẳng nghe đấng tiên vương

道 不 知 學 問 之 大
Đạo Bất Tri Học Vấn Chi Đại
Đạo, chẳng biết học hỏi nó là rộng lớn.

荀子

Lời ông Tuân — Tử

Dịch nghĩa : Không lên núi mà coi, thì không biết trời là cao, không xuống khe mà coi thì không biết đất dày, không được nghe cái đạo của Đức tiên vương, thì không biết học vấn là một việc lớn lao,

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

*Không lên đỉnh núi mà coi,
Biết đâu rộng lớn biết trời là cao.
Không vào khe thăm hang sâu,
Biết đâu sâu lắng biết đâu đất dày,
Không nghe đạo thánh hiền đấng,
Biết đâu học vấn đồ hay thế nào,*

勤 能 補 拙
Cần Năng Bù Chuyết
Siêng hay bù dốt,

儉 以 養 廉
Kiến Dĩ Dưỡng Liêm
Xén để nuôi liêm chính

格 言 聯 璧
Sách Cách — Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Người ta ở đời cần phải có sự siêng năng để bù vào những chỗ mình vụng về. Phải có sự sắn nhứt thì mới giữ được lòng liêm khiết.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Vụng về thì phải cần lao.
Bù vào chỗ kém thì vào cũng thành.
Kiện cần, sắn nhứt khéo dành.
Thường thường giữ được thanh danh trọn đời.

一 時 勸 人 以 口 百
Nhất Thời Khuyển Nhân Dĩ Khẩu Bách
Một thời khuyên người lẩy miệng, trăm

世 勸 人 以 書 蓋 口
Thế Khuyển Nhân Dĩ Thư Cái Khẩu
Đời khuyên người dùng sách, bới miệng

之 勸 人 有 盡 書 之
Chi Khuyển Nhân Hữu Tồn Thư Chi
Chương khuyên người có hết, sách chương

勸 人 無 盡 此 立 言
Khuyển Nhân Vô Tồn Thử Lập Ngôn
Khuyến người không hết, ấy dựng nói

之 所 以 不 朽 也
Chi Sở Dĩ Bất Hủ Dã
Chương thừa lẩy chẳng mục vậy

二 味 韓 愈
Nhị Vị Hàn Dũ

Dịch nghĩa : Dạy người ta trong một thời gian thì dạy bằng miệng, mà dạy người ta hằng trăm đời về sau, thì phải dạy bằng sách, vì nói miệng thì có khi hết, mà làm ra sách để dạy, thì không bao giờ hết, được. Nếu xưa nay những bậc học giả phát ra lời nói mà chép thành sách để dạy đời, thì là một điều bất hủ không bao giờ phai lạt được vậy.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Dạy người bằng miệng chóng quên.
Dạy người bằng sách bao niên vẫn còn.
Vì chương nói miệng chóng mòn,
Dạy người bằng sách vẫn còn như lâu.

立身第三篇

LẬP THÂN ĐỆ TAM THIÊN

知	足	常	足	終	身	不
Tri	Túc	Thường	Túc.	Chung	Thân	Bất
Biết	đủ	thường	đủ.	trọn	minh	không
辱	知	止	常	止	終	身
Nhục.	Tri	Chỉ	Thường	Chỉ.	Chung	Thân
Nhục.	biết	thôi	thường	thôi.	trọn	minh
不	殆					
Bất	Đãi					
Không	nguy.					

格言

Sách - Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Mình biết đủ thì thường đủ, mà trọn đời không bị nhục. Mình nên thôi thì thôi ngay, trọn đời không gặp sự nguy nan.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Ở đời biết đủ mới hay.
Nếu không biết đủ thân này nhục nhằn.
Đang thôi thì phải thôi liền.
Nếu còn tham mãi lại phiền phức chằng ?

居敬以立其本

Cư Kính Dĩ Lập Kỳ Bản
Ở kính cần đề mà dựng chính gốc.

窮理以致其知

Cùng Lý Dĩ Tri Kỳ Tri.
Cùng cừu lẽ đề mà đến sự biết

克己以滅其私

Khắc Kỷ Dĩ Diệt Kỳ Tư.
Sửa mình đề mà tắt thừa riêng

存誠以致其實

Tồn-còn Thành Dĩ Tri Kỳ Thực.
Giữ thực đề mà đến sự thật.

性理黃勉齋

Tính Lý Hoàng - Miên - Trai

Dịch nghĩa : Người ta phải cư kính (hàng ngày lúc nào cũng phải kính cần) đề làm căn bản, phải suy cho cùng lẽ đề biết đến nơi đến chốn. Phải nghiêm khắc đối với mình, đề dứt bỏ lòng riêng, lúc nào cũng phải giữ lòng cho thành thật.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Kính răn dựng gốc ở mình.
Xét cùng lẽ phải đề thành trí trí.
Sửa mình đề tuyệt lòng tư,
Phải chăm thành kính khỏi hư bụng mình.

凡	人	百	藝	好	隨	身
Phàm	Nhân	Bách	Nghệ	Hảo	Tùy	Thân
Phàm	người	trăm	nghề	lời	theo	mình
賭	博	門	中	莫	去	親
Đò	Bác	Môn	Trung	Mạc	Khử	Thân
Cờ	bạc	cửa	trong	đừng	bỏ, đi	bề thân
能	使	英	雄	爲	下	賤
Năng	Sử	Anh	Hùng	Vì	Hạ	Tiền
Hay	khuyến	anh	hùng	làm	thấp	hèn
解	教	富	貴	作	饑	貧
Giải	Giao	Phú	Quý	Tác	Cơ	Bần
Trẻ, cởi	đề cho	giàu	sang	làm	đói	nghèo

Sách

明 心
Minh - Tâm

Dịch nghĩa : Người ta ở đời lúc nào cũng phải có nghề nghiệp, chớ có đem mình vào nơi cờ bạc, vì cờ bạc có thể khiến người anh hùng làm vào cảnh hèn tiếm, người đang phú quý bỗng trở nên nghèo đói.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Khéo khôn trăm nghề theo mình,
Rượu chè cờ bạc đất lành xa.
Nó làm thay đổi người ta,
Đương là phú quý bỗng ra cơ bần.

言	行	擬	之	古	人	則
Ngôn	Hành	Nghĩ	Chi	Cổ	Nhân	Tắc
Nói	làm	ai	chúng	đời xưa	người	thì
德	進	功	名	付	之	天
Đức	Tiến	Công	Danh	Phò	Chi	Thiên
Đức	tiền,	công	tiếng	phò	chúng	trời
命	則	心	間	報	應	念
Mệnh	Tắc	Tâm	Nhân	Báo	Ứng	Niệm
Mệnh	thì	lòng	nhân,	báo	trở	nghĩ
及	子	孫	則	事	平	享
Cập	Tử	Tôn	Tắc	Sự	Bình	Hưởng
Kịp	con	cháu	thì	việc	bằng,	hưởng
受	念	及	缺	乏	則	用
Thu	Niệm	Cập	Khuyết	Phạp	Tắc	Dụng
Chịu	nghĩ	kịp	thiếu	thiếu	thì	dùng
儉						
Kiểm						
Sén						

格 言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Lời nói và việc làm của mình phải vì với cổ nhân thì đức mới tiến được, càng danh cơ tin ở đời mệnh, thì lòng mới thư thái được. Việc báo ứng thường phải nghĩ đến con cháu, thì lòng mới bình thản được. Việc hưởng thụ phải nghĩ đến những lúc thiếu thốn, thì tiêu pha mới sên được.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Nói, làm, so sánh người xưa,
Thì đức mới tiến hơn là đời nay.
Càng danh định mệnh sẵn báo.
Lòng ta đừng nghĩ mới hay được nhàn.
Báo ứng kinh nghiệm lẽ thường,
Nghĩ đến con cháu ta hằng phải lo.
Hưởng thụ những của trời cho,
Nghĩ lúc túng thiếu sên so mới vừa.

聰	明	用	於	正	路	愈
Thông	Minh	Dụng	Ư	Chính	Lộ	Đĩ
Thông	Sáng	đang	chung	ngay (thẳng)	đường.	càng
聰	明	愈	好	而	文	學
Thông	Minh	Đĩ	Hảo,	Nhi	Văn	Học
Thông	Sáng	càng	tốt,	mà	văn	học
功	名	益	成	其	美	聰
Công	Danh	ích	Thành	Kỳ	Mỹ.	Thông
Công	tiếng	càng	nhỏ,	thừa	đẹp tốt.	thông
明	用	於	邪	路	愈	聰
Minh	Dụng	Ư	Tà	Lộ	Đĩ	Thông
Sáng	đang	chung	vạy eo	đường	càng	thông
明	愈	謬	而	文	學	功
Minh	Đĩ	Mạn,	Nhi	Văn	Học	Công
Sáng	càng	nhảm	mà	văn	học	công
名	適	濟	其	奸		
Danh	Thích	Tế	Kỳ	Gian		
Tiếng	đến	giúp	thừa	gian		

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa: Người thông minh mà biết dùng vào đường ngay lẽ thẳng, thì văn học công danh càng tiến càng hay. Nếu đem thông minh ấy mà dùng vào con đường tà, thì càng thông minh càng hại mà thôi.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Thông minh chính đáng đường hoàng.
Công danh văn học tiếng càng cao sang.
Thông minh quý quýt sao đang.
Càng khôn càng hại càng gian dối nhảm.

毋	以	嗜	慾	殺	身	毋
Vô	Đĩ	Thị	Dục	Sát	Thân,	Vô
Chờ	đang	thị	dục	giết	minh,	chờ
以	貨	財	殺	子	孫	毋
Đĩ	Hóa	Tài	Sát	Tử	Tôn,	Vô
Lấy	của	cái	giết	con	cháu,	chờ
以	政	事	殺	百	姓	毋
Đĩ	Chính	Sự	Sát	Pách	Tính,	Vô
Lấy	chính	sự	giết	trăm	họ	chờ
以	學	術	殺	天	下	後
Đĩ	Học	Thuật	Sát	Thiên	Hạ	Hậu
Dùng, lấy, học		thuật	giết	thiên	hạ	sau
世						
Thế						
Đời						

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa: Người ta chớ dễ cho sự thị dục đến nỗi giết mình, chớ dễ cho của cải mà đến nỗi giết con cháu, chớ dễ cho sự hà khắc mà giết dân, chớ dễ cho học thuật sai lầm mà giết thiên hạ hậu thế.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Chớ tham thị dục giết mình.
Chớ tham của cải tội tình cháu con.
Chớ đem chính sự khoe khôn.
Muốn dân vô tội, tội dẫu cho ai.
Chớ đem học thuật rộng dãi.
Đầu độc thiên hạ bao người đời sau.

護	體	面	不	如	重	廉
Hồ	Thể	Diện	Bất	Như	Trọng	Liên
Giúp đỡ	thể	mặt	chẳng	bằng	trọng	trong sách
恥	博	聲	名	不	如	正
Sĩ	Bác	Thanh	Danh	Bất	Như	Chính
Xấu hổ	rộng	tiếng	tên, tiếng	chẳng	bằng	ngay thẳng
心	術	恣	豪	華	不	如
Tâm	Thuật	Tử	Hào	Hoa	Bất	Như
Lòng	chước	buông, dỏng	hào	hoa	chẳng	bằng
樂	名	教	廣	田	宅	不
Lạc	Danh	Giáo,	Quảng	Điền	Trạch	Bất
Vui	tiếng	dạy	rộng	ruộng	nhà	chẳng
如	教	義	方			
Như	Giáo	Nghĩa	Phương			
Bằng	dạy	nhĩa	bài, phương hướng			

格言聯璧

Cách - Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa: Muốn giữ thể diện không bằng trọng điều liêm sỉ. Muốn rộng tiếng tăm, không bằng giữ tâm thuật mình cho được ngay thẳng. Muốn những sự hào hoa, không bằng vui những việc học hành sách vở. Mua nhiều ruộng nhỏ cho con, không bằng dạy con những bài học có nghĩa lý.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Muốn giữ thể diện với đời.
Trọng điều liêm sỉ bằng mười hư danh.
Muốn cho có tiếng có tăm.
Không bằng lòng giữ thẳng bằng mới là.
Muốn phủ trang sức hào hoa.
Không bằng danh giáo vui mà ích hơn.
Cho con làm ruộng nhiều vườn.
Không bằng đem những nghĩa phương tuấn rên.

一	家	之	計	在	於	和
Nhất	Gia	Chi	Kế	Tại	Ư	Hòa
Một	nhà	chưng	chước	ở	chưng	hòa,

一	生	之	計	在	於	勤
Nhất	Sinh	Chi	Kế	Tại	Ư	Cần
Một	sống	chưng	kế hoạch	ở	chưng	siêng năng.

一	年	之	計	在	於	春
Nhất	Niên	Chi	Kế	Tại	Ư	Xuân
Một	năm	chưng	kế hoạch	ở	chưng	mùa xuân

一	日	之	計	在	於	寅
Nhất	Nhật	Chi	Kế	Tại	Ư	Đần
Một	ngày	chưng	kế hoạch	ở	chưng	giờ dần.

孔子四圖計

Khổng - tử Từ đồ Kế

Dịch nghĩa: Cách cư xử trong một gia đình cốt ở chữ hòa. Cách mưu sinh trong một đời cốt ở chữ cần. Cách sinh hoạt trong một năm, cốt ở mùa xuân. Cách tỉnh việc trong một ngày thì cốt ở giờ dần.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Tề gia cốt ở chữ hòa.
Một đời sinh hoạt phải là siêng năng.
Một năm đầu tư mùa xuân.
Một ngày đầu tư giờ dần lo toan.

勤	儉	治	家	之	本	順
Cần	Kiệm	Trị	Gia	Chi	Bản	Thần
Siêng năng	xén	trị	nhà	cái mà	gốc,	thuận

和	齊	家	之	本	謹	慎
Hòa	Tề	Gia	Chi	Hân	Cẩn	Thận
Hòa	Tề	nhà	cái mà	gốc	cẩn	thận

保	家	之	本	詩	書	起
Bảo	Gia	Chi	Bản	Thi	Thư	Khởi
Giữ	nhà	cái mà	gốc,	thi	thư	đấy

家	之	本	忠	孝	傳	家
Gia	Chi	Bản	Trung	Hiếu	Truyền	Gia
Nhà	cái mà	gốc,	trung	hiếu	truyền	nhà

之	本
Chi	Bản
Cái mà	gốc,

格	言	聯	壁
Sách	Cách	Ngôn	Liên
			Bích

Dịch nghĩa : Siêng năng sắn nhứt là gốc trị nhà, thuận hòa là gốc sửa nhà, cẩn thận là gốc giữ nhà, thi thư là gốc khởi nghiệp nhà, trung hiếu là gốc truyền gia hết đời này sang đời khác.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Kiên cần là gốc trị nhà.
 Thuận hòa là gốc sửa nhà yên vui.
 Giữ nhà cẩn thận chớ ngại.
 Thi thư là gốc ở nơi dựng nhà.
 Trung hiếu là gốc truyền gia.
 Ai mà theo được mới là người khôn.

成	名	無	在	窮	居	日
Thành	Danh	Mỗi	Tại	Cùng	Cư	Nhật
Nên	tiếng	hàng	ở	cùng	ở	ngày

敗	事	多	因	得	意	時
Bại	Sự	Đa	Nhân	Đắc	Ý	Thi
Hỏng	việc	nhều	nhân	được	ý	lúc,

格	言
Cách	Ngôn

Dịch nghĩa : Người ta thành danh được, là nhờ ở những lúc khôn cùng, đã trải bao nhiêu việc gian truân, mới vượt qua được. Còn những kẻ thất bại phần nhiều ở những lúc đặc ý, hay sinh kiêu căng, nên đến nỗi hỏng việc.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Làm nên sự nghiệp lẫy lừng.
 Phần nhiều ở lúc khôn cùng mà ra.
 Những người đặc chí kiêu xa.
 Là cơ thất bại khó mà thành công.





Vua NGHIÊU, Vua THUẦN,

Vua VŨ, Vua THANG

觀 察 第 四 篇

QUAN SÁT ĐỆ TỨ THIÊN

觀 天 地 生 物 氣 象
 Quan Thiên Địa Sinh Vật Khí Tượng
 Xem trời đất sinh vật khí tượng,

學 聖 賢 克 己 工 夫
 Học Thánh Hiền Khắc Kỷ Công Phu
 Học ông Thánh ông Hiền được mình công, thợ phu, chồng

格 言 聯 壁
 Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Xem khí tượng sinh vật của trời đất, học công phu sửa mình của Thánh Hiền.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Thử xem trời đất sinh thành,
 Muốn nghìn khí tượng rành rành tự nhiên.
 Sửa mình ta học Thánh Hiền.
 Công phu khắc kỷ cho nên thân người.

炎 凉 之 態 富 貴 更
 Viêm Lương Chi Thái Phú Quý Cảnh
 Nóng lạnh chung thối giàu sang lại

甚	於	貧	賤	妬	忌	之
Tham	ở	bần	Tiền,	Đố	Kỵ	Chỉ
Rất	chương	nghèo	hèn	ghen	ghét	chương

念	骨	肉	更	甚	於	別
Niệm,	Cốt	Nhục	Cách	Thậm	ở	Biệt
Người	xương	thịt	lại	cất	chương	khá

人
Nhân.
Người

格言

Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Cái thói nóng lạnh (thấy người giàu sang thì vô vấp, thấy người nghèo hèn thì lạnh nhạt) thì người phú quý lại quá hơn người bần tiện. Cái lòng ghen ghét, thì người ruột thật lại quá hơn người dưng nước lã.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nhật cũng nóng lạnh lẫn phượng.
Giàu sang lại quá hơn thường bình dân.
Ghét ghen đa kẻ tình thân.
Ruột thật lại quá hơn phần người dưng.

國	有	政	雖	弱	必	彊
Quốc	Hữu	Chính,	Tuy	Nhược	Tất	Cường,
Nước	có	chính trị,	dẫu	yếu	hẳn	mạnh

國	無	政	雖	大	必	弱
Quốc	Vô	Chính,	Tuy	Đại	Tất	Nhược,
Nước	không	chính trị	dẫu	to	hẳn	yếu,

左傳
Tả - Truyện

Dịch nghĩa : Nước mà có chính trị hay, thì dù có hèn yếu nhưng sau này tất mỗi ngày một hùng cường : Nước rạo mà không có chính sách hay, thì tuy nước lớn nhưng rồi cũng đến ngày suy nhược.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nước mà có chính sách hay,
Nay tuy hèn yếu sau đây phú cường.
Nước mà không có kỷ cương,
Dù là nước lớn sau thường suy ối.

父	不	憂	心	因	子	孝
Phụ	Bất	Ưu	Tâm	Nhân	Tử	Hiếu
Cha	chẳng	lo	lòng	bởi	con	hiếu,

夫	無	煩	惱	是	妻	賢
Phu	Vô	Phiền	Não	Thị	Thê	Hiền
Chồng	không	phiền	buồn	là	ợ	giỏi

言	多	過	失	皆	因	酒
Ngôn	Đa	Quá	Thất	Giai	Nhân	Tửu
Nói	nhều	nhảm	lỗi	đều	nhân	rượu

義	斷	親	疎	只	爲	錢
Nghĩa	Đoạn	Thân	Sơ	Chỉ	Vì	Tiền
Nghĩa	đứt	gần	xa	chỉ	vì	tiền

明 心

Sách Minh - Tâm

Dịch nghĩa : Chưa có con hiếu, thì không phải lo lắng gì, chẳng có vợ hiền, thì không phải phiền não gì. Người ta chỉ vì rượu mà nói hay nhầm lẫn, người ta chỉ vì tiền mà mất lòng cả họ xa họ gần.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Chưa mà không phải chuẩn chiến.
 Vì con hiếu thảo, có tiền khôn mua
 Chẳng mà không phải phiền lo
 Vì vợ hiền thảo mọi trò mọi hay.
 Nói cần vì rượu quá say.
 Thân sơ nghĩa đoạn cũng hay vì tiền.

天	下	將	治	則	人	必
Thiên	Hạ	Tương	Trị	Tắc,	Nhân	Tất
Trời	dưới	sắp, hầu	trị	thời	người	hẳn

尚	行	將	亂	則	人	必
Thượng	Hành	Tương	Loạn	Tắc	Nhân	Tất
Chuộng	nết, na,	sắp, hầu	loạn	thời	người	hẳn

尚	言	也	天	下	將	治
Thượng	Ngôn	Đã,	Thiên	Hạ	Tương	Trị
Chuộng	lời, nói	vậy,	trời	dưới	sắp, hầu	trị

則	人	必	尚	義	將	亂
Tắc	Nhân	Tất	Thượng	Nghĩa	Tương	Loạn
Thời	người	hẳn	chuộng	nghĩa,	sắp, hầu	loạn

則	人	必	尚	利	也
Tắc	Nhân	Tất	Thượng,	Lợi	Đã,
Thời	người	hẳn	chuộng	lợi	vậy,

性 理

Sách Tính - Lý

Dịch nghĩa : Thiên hạ lúc sắp thái bình, thì người ta biết chuộng nét tốt. Mà lúc sắp loạn, thì người ta chỉ ưa nói khéo mà thôi. Thiên hạ lúc sắp trị, thì người ta biết chuộng nghĩa, mà lúc sắp loạn, thì người ta chỉ biết vụ lợi mà thôi.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Thiên hạ khi sắp thái bình.
 Người ta chuộng nét dân tình mến yêu.
 Đến khi sắp loạn lý nhiều.
 Chuộng kẻ khéo nói bao nhiêu càng là.
 Nước khi đến vận an hoà
 Đời biết chuộng nghĩa thật thà tin nhau.
 Đến khi biến loạn lời đầu.
 Người tranh chuộng lợi dễ lừa ngụy vọng.

無	正	經	人	交	接	其
Vô	Chính	Kinh	Nhân	Giao	Tiếp,	Kỳ
Không	chính	sử, trị	người	giao	tiếp,	nó

人	必	是	奸	邪	無	窮
Nhân	Tất	Thì	Giân	Tà,	Vô	Cùng
Người	hẳn	là	gian	tà,	không	cùng

親	友	往	來	其	家	必
Thân	Hữu	Vãng	Lai	Kỳ	Gia	Tất
Thân	bạn	đi	lại	nó	nhà	hẳn
然	勢	利				
Nhiên	Thế	Lợi				
Vậy	thế	lợi.				

格言聯璧
Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Người nào mà không có những người dưng dần đến chơi thì chắc người ấy là người gian tã. Nhà nào mà không có lá con nghèo đi lại, thì chắc nhà ấy là nhà chỉ chuộng thế lợi.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Người không bạn tốt đến chơi,
Tất nhiên người ấy là người gian ngoan.
Càng thân ư kẻ bán hoán,
Chắc nhà thế lợi khó toàn được lâu.

古	人	愛	人	之	意	多
Cổ	Nhân	Ái	Nhân	Chi	Ý	Đa
Xưa	người	yêu	người	ở	ý	nhiều.

故	人	易	於	改	過	而
Cố	Nhân	Dị	Ư	Cải	Quá	Nhi
Cho nên	người	dễ	chưng	đổi	lỗi	mà

視	我	也	常	親	我	之
Thị	Ngã	Đã	Thường	Thân	Ngã	Chi
Coi	ta	vậy	thường	thân,	ta	đến

教	益	易	行	今	人	惡
Giáo	Ich	Dị	Hành	Kim	Nhân	Ó
Dạy	thêm	dễ	làm	ay	người	ghét

人	之	意	多	故	人	甘
Nhân	Chi	Ý	Đa	Cố	Nhân	Cam
Người	ở	ý	nhiều	cho nên	người	cám

於	自	棄	而	視	我	也
Ư	Tự	Khí	Nhi	Thị	Ngã	Đã
Chịu	tự	bỏ	mà	coi	ta	vậy

常	仇	我	之	善	言	必
Thường	Cừu	Ngã	Chi	Thiện	Ngôn	Tất
Thường	thù hận.	ta	chưng,	khéo	nói	hẳn

不	入
Bất	Nhập
Chẳng	vào

格言聯璧
Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Người xưa hay yêu người, nên người ta dễ dãi lỗi, mà coi ta thường thân mật, nên dễ dạy dễ làm. Người đời nay hay ghét người, nên người ta chịu bỏ phí cả đời người, mà coi ta như kẻ thù, thì những lời nói phải của ta họ không chịu để vào tai nữa.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Người xưa giàu bụng yêu người,
Nên người thân mật, bảo thời nghe ngay.
Đời nay ghét đồng ghét cay,
Nên người chán nản không hay đến gần.
Coi nhau như kẻ thù hận,
Thì lời nói phải khó khăn lọt vào.

貧	不	足	羞	可	羞	是
Bần	Bất	Túc	Tu.	Khả	Tu	Thị
Nghèo	chẳng	đủ	hỗ.	khá	hỗ	ấy

貧	而	無	志	賤	不	足
Bần	Nhi	Vô	Chi.	Tiền	Bất	Túc
Nghèo	mà	không	chí,	hèn	chẳng	đủ

惡	可	惡	是	賤	而	無
Ô.	Khả	ý	Thị	Tiền	Nhi	Vô
Ghét,	khá	ghét	ấy	hèn	mà	không

能	老	不	足	嘆	可	嘆
Năng	Lão	Bất	Túc	Thán,	Khả	Thán
Tài năng	già	chẳng	đủ	than,	khá	than

是	老	而	虛	生	死	不
Thị	Lão	Nhi	Hư	Sinh	Tử	Bất
Ấy	già	mà	hư	sinh,	chết	chẳng

足	悲	可	悲	是	死	而
Túc	Bi.	Khả	Bì	Thị	Tử	Nhi
Đủ	thương,	khá	thương	ấy	chết	mà

無	補
Vô	Bổ
Không	bổ ích

二 味 呂 坤
Sách Nhị vị Lữ - Khôn

Dịch nghĩa : Sự nghèo không đáng xấu hổ, chỉ đáng thẹn, ấy là những người nghèo mà không có chí.

Sự hèn không đáng thẹn, chỉ đáng thẹn ấy là những người hèn là không có tài mà lại lười biếng.

Sự già không đáng phàn nàn, chỉ đáng phàn nàn, ấy là những người già mà không làm nên được công việc gì.

Sự chết không đáng cho là buồn, cái đáng buồn ấy là cả một đời người cho đến lúc chết mà cũng không có bổ ích gì cho đời.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nghèo nàn đâu đáng hổ người,

Hổ vì không chí kèm người ta xa.

Kẻ hèn ai có ghét a.

Ghét không tài trí còn ra biếng lười.

Tuổi già đâu phải than đời.

Than vì không khéo kịp thời làm nên.

Phàn nàn sự chết sao nên.

Chết không bổ ích mới nên phàn nàn.

忠	言	逆	耳	利	於	行
Trung	Ngôn	Nghịch	Nhĩ	Lợi	Ư	Hành.
Ngay thực	nói	trái	tai	lợi	ở	việc làm.

良藥	苦口	利於	病
Lương Dược	Khổ Khẩu	Lợi ư	Bệnh,
Lành hay thuốc	đắng miệng	ở	ốm đau.
	漢書	蕭何	
	Hàn Thư	Tiêu Hà	

Dịch nghĩa : Lời nói thẳng hay trái tai, nhưng lại lợi cho việc làm. Liều thuốc hay thì đắng miệng, nhưng chữa được khỏi bệnh.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Lời ngay nói thẳng trái tai.
Lợi cho công việc thì hay đường nào.
Thuốc đủ đắng miệng uống vào.
Nhưng bệnh liền khỏi thì sao không dùng.

賢才	出國	將昌
Hiền Tài	Xuất Quốc	Tương Xương,
Bậc hiền	ra nước	hậu thịnh
子孫	才族	將大
Tử Tôn	Tài Tộc	Tương Đại,
Con cháu	giỏi họ	hậu lớn

性理
Tinh - Lý

Dịch nghĩa : Trong nước mà sinh nhiều người hiền tài, thì biết là nước sắp có cơ thịnh vượng. Trong họ mà có con cháu giỏi, thì biết là họ ấy ngày một to lớn thêm.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Trong nước có lắm hiền tài.
Thì biết vận nước đến hồi vinh xuy, quang.
Trong nhà con cháu giỏi giang.
Thì chắc họ hưng ngày một to ra.

觀富	貴人	當觀	其
Quan Phú	Quý Nhân,	Đương Quan	Kỳ
Xem giàu	sang người,	xem nên	thưa

氣慨	如溫	厚和	平
Khí Khái,	Như Ôn	Hậu Hòa	Bình
Khí khái,	như ôn	hậu hòa	binh

者則	其榮	必久	而
Giả Tác	Kỳ Vinh	Tất Cửu	Nhi
Người ấy hẳn	nó sang	hẳn lâu	mà

其後	必昌	觀貧	賤
Kỳ Hậu	Tất Xương,	Quan Bần	Tiện
Nó sau	hẳn thịnh,	xem nghèo	hèn

人當	觀其	度量	如
Nhân Đương	Quan Kỳ	Độ Lượng,	Như
Người nên	xem nó	độ lượng,	như

寬宏	坦蕩	者則	其
Khoan Hoành	Thản Đãng	Gia, Tác	Kỳ
Rộng rãi rộng	bằng phẳng	người, ấy	nó

福	必	臻	而	其	家	必
Phúc	Tất	Trần,	Nhĩ	Kỳ	Gia	Tất
Phúc	hẳn	đến,	mà	nó	nhà	hẳn

裕
Dư, đủ,
Rộng rãi, thong thả.

格	言	聯	壁
Cách	Ngôn	Liên	Bích

Dịch nghĩa : Xem người giàu sang thì nên xem chỗ khi khải của họ, như là người có vẻ ôn hòa, tính khí hòa bình, thì tất là được vinh hiển lâu, mà con cháu cũng được thịnh vượng. Xem người nghèo hèn thì nên xem độ lượng của họ, như là người ấy có bụng rộng rãi thẳng thắn, thì phúc lộc sẽ đến, mà nhà lúc nào cũng được dồi dào.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Người phú quý nên xem khi khải.
Tính hòa bình con cái tốt hay.
Những người bản tiện xưa nay.
Nên xem độ lượng thẳng ngay thế nào.
Bụng mà bằng phẳng dồi dào.
Phúc kia sẽ đến lúc nào khôn hay.

座	有	嘉	賓	家	雖	貧
Tòa	Hữu	Gia	Tân,	Gia	Tuy	Bần
Nhà	có	tốt	khách,	nhà	tuy	nghèo

吾	知	其	必	興	門	無
Ngô	Tri	Kỳ	Tất	Hưng,	Môn	Vô
Ta	biết	ngô hầu	hẳn	thịnh,	cửa	không

國	士	國	雖	大	吾	知
Quốc	Sĩ,	Quốc	Tùy	Đại	Ngô	Tri
Quốc	sĩ,	nước	đầu	to	ta	biết

其	必	敗
Kỳ	Tất	Bại
Ngô hầu	hẳn	bại

二	味
Sách	Nhị
	Vị

Dịch nghĩa : Nhà nào mà có những bạn tốt hay đi lại, thì nhà ấy dù nghèo, nhưng sau này thế nào rồi cũng hưng vượng. Nước nào mà không có nhân tài, thì dù nước lên rồi cũng suy kém.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Trong nhà thường có bạn hiền.
Nay tuy nghèo túng hay liền giàu mai.
Nước mà không có nhân tài.
Nước tuy nước lên sau này suy vì.



慎行第五篇 THẬN HẠNH ĐỆ NGŨ THIÊN

一 念 不 謹 或 以 貽
Nhất Niệm Bất Cẩn Hoặc Dĩ Di
Một Niệm ỷ nghĩ không cần thận, hoặc để để

四 海 之 憂 一 日 不
Tứ Hải Chi Ưu Nhất Nhật Bất
Bốn bể chương lo, một ngày chẳng

周 或 以 致 百 年 之
Chu Hoặc Dĩ Trí Bách Niên Chi
Chu, Chu tất hoặc để đến trăm năm chung

患
Hoạn,
lo lắng.

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Một sự nghĩ không cần thận, có khi dễ lo cho cả bốn bể. Một ngày làm không được chu đáo, có khi dễ đi họa đến trăm năm.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Một điều bất cần xảy ra.
Đề cho bốn bể xót xa đời đời.
Một ngày công việc không rồi.
Đề cho sau đó ngàn đời tại ương.

言 必 慮 其 所 終 而
Ngôn Tất Lự Kỳ Sở Chung Nhi
Nói hẳn nghĩ thừa chỗ, Nơi trọn, mà

行 必 稽 其 所 敝 則
Hành Tất Kê Kỳ Sở Tệ Tác
làm hẳn xét thừa nơi tệ hại, thời

民 謹 於 言 而 慎 於
Dân Cẩn ư Ngôn Nhi Thận ư
Dân cần thận ở lời nói, mà cần thận ở

行
Hạnh,
việc làm.

禮 記 緇 衣
Lễ - Kỳ Tri - Y.

Dịch nghĩa : Khi nói mình phải nghĩ sau này có thể làm được như lời nói không ? Mà làm việc gì tất phải xét xem việc mình định làm liệu sau này có khỏi sinh tệ hại không ? Thì dân mới thông cảm mà cần thận, từ lời nói cho đến việc làm.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nói sao lo trước nghĩ sau.
Làm thì nghiên cứu ngày lâu khỏi nhảm.
Trị dân dân khốc hóa dân.
Nói làm cần thận lâu thành thói quen.

惡 莫 大 於 縱 己 之
 Ác Mạc Đại ư Tòng Kỷ Chi
 ác chẳng gì lớn ở không mình của

欲 禍 莫 大 於 言 人
 Dục Họa Mạc Đại ư Ngôn Nhân
 Dục, họa chẳng gì lớn ở nói người

之 非
 Chi Phi,
 Chương lời,

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Ác không gì lớn bằng làm thỏa mãn cái dục vọng của mình. Họa không gì to bằng cái tội hay nói xấu người khác.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Ác chỉ bằng sự nuông mình,
 Kiêu xa dám dặt dề thành hại thân,
 Và gì bằng sự bất nhân,
 Nói xấu người khác có lẫn nguy to.

行 欲 徐 而 穩 立 欲
 Hành Dục Tìu Nhi Ôn, Lập Dục
 Đi muốn thông thả mà yên, đứng muốn

定 而 恭 坐 欲 端 而
 Định Nhi Cung, Tọa Dục Đuan Nhi
 Định mà cung kính, ngồi muốn ngay mà

正 聲 欲 低 而 和
 Chính, Thanh Dục Đê Nhi Hòa
 Chính, tiếng muốn thấp mà hòa,

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Đi cần phải thông thả mà êm dềm, đứng cần phải đứng đắn và phải kính cần, ngồi cần phải ngay thẳng và chính định, nói cần phải thấp tiếng và khoan thai.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Đi nên thông thả chắc chắn,
 Đứng nên đứng đắn lại cần khiêm tốn,
 Ngồi nên đoan chính uy nghi,
 Nói nên êm giọng tỉnh trí khoan hòa.

無 儒 者 之 行 而 爲
 Vô Nho Giả Chi Hành Nhi Vi
 Không nho giả chúng tiết, mà làm

儒 者 之 服 無 儒 者
 Nho Giả Chi Phục Vô Nho Giả
 Nho giả chúng mặc, không nho giả

之 實 而 盜 儒 者 之
Chi Chưng
Giả Nho
Đạo
Nhĩ mà trộm
Thật, thật, mà

名
Danh.
tiếng.

禮 記
Sách Lễ Kỳ

Dịch nghĩa : Không có cái nết của người nho giả, mà lại ăn mặc như người nho giả. Không có cái thực học, của bậc nho giả, mà lại trộm cái danh nghĩa của nho giả.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nết na không phải nhà nho.
Ăn mặc ra dáng học trò lạ thay.
Nho không thực học mảy may.
Trộm tiếng nho giả còn hay nổi gì.

禮 義 生 於 富 足 盜
Lễ Nghĩa Sinh ở Phú Túc, Đạo
Lễ nghĩa sinh ở giàu đủ, trộm

賊 出 於 貧 窮 增 廣 賢 文
Tặc Xuất ở Bần cùng, Tăng Quảng Hiền Văn
Giặc ra ở nghèo cùng tăng

Dịch nghĩa : Ăn ở giữ được lễ nghĩa là do sự giàu có đầy đủ. Dân sinh ra trộm cướp là do sự nghèo hèn cùng túng.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Quốc dân giàu có, phong lưu.
Tự nhiên ăn ở biết điều phải chông.
Nếu mà nghèo đói khó khăn.
Sinh ra trộm cướp lẽ hằng xưa nay.

慢 藏 誨 盜 冶 容 誨
Mạn Tàng, Hối Đạo Dã Dung Hối
Đối đầu, để, dạy trộm, trưng diện làm dáng dạy
khinh thường

淫
Dâm
Dâm

易 繫 辭
Dịch - Hệ - Từ

Dịch nghĩa : Đồ của một cách trống trải, thì không khác gì dây kẻ ăn trộm cho nó lấy. Con gái mà hay làm dáng, thì không khác gì khiến sự dâm dăng cho những kẻ trai to.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Có của mà để hở hèn.
Bằng dạy cho kẻ trộm rình thút cơ.
Con gái làm dáng trai lơ.
Là mồi cho sự dâm ó hay gì.

公 事 不 私 議
Công Sự Bất Tư Nghị
Chung việc riêng bàn

春 秋
Kinh Xuân Thu

Dịch nghĩa : Việc công thì không nên bàn riêng.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Việc công không nên bàn riêng.
Sợ khi thiên lệch phải kiêng mới là.
Khởi sinh dư luận kêu ca.
Nói trước công chúng tỏ ra công bằng.

爽 口 食 多 偏 作 病
Sảng Khẩu Thực Đa Thiên Tác Bệnh
Thèm, miệng ăn nhiều lệch làm bệnh.

快 心 事 過 恐 生 殃
Khoái Tâm Sự Quá Khủng Sinh Ung,
Sướng lòng việc quá sợ sinh tai vạ.

增 廣 賢 文
Bái Tăng Quảng Hiên Văn

Dịch nghĩa : Thấy ngon miệng mà ăn nhiều quá, thì hay sinh bệnh. Những việc khoái chí đã qua rồi, thì thường hay sinh tai vạ. Nên trong lúc ăn lúc chơi, mình phải biết đề phòng để tránh những sự bệnh hoạn và rủi ro.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Ngon miệng ăn phải có chừng.
Ăn nhiều quá dễ bệnh hằng sinh ra.
Sướng thân, ước đạt quá đa.
Ôm đau tai vạ sau là khổ thân.

喜 時 之 言 多 失 信
Hỷ Thời Chi Ngôn Đa Thất Tín
Mừng lúc chừng nói nhiều mất, lỗi tin

恕 時 之 言 多 失 言
Nộ Thời Chi Ngôn Đa Thất Ngôn
Giận lúc chừng nói nhiều lỗi nói,

粹 語 錄
Tây Ngũ Lục

Dịch nghĩa : Những lời nói trong khi mừng, thì phần nhiều thường hay thất tín. Mà những câu nói trong khi giận thì thường hay lỗi nhời.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Lúc mừng nói phải giữ gìn.
Chớ nên để mất lòng tin mới là.
Lúc giận nóng nảy nói ra.
Nhớ mà vội giận ấy là mất khôn.

交 淺 而 言 深 者 愚
Giao Thiển Nhữ Ngôn Thâm Giả Ngụ
Giao nông mà nói sâu ấy ngu,

未 信 而 納 忠 者 謗
 Chưa tin mà nạp nộp Trong Giả Bàng
 Chưa tin mà nạp nộp ngay ấy nhạo báng,

格言

Sách Cách — Ngôn

Dịch nghĩa : Những người chưa chơi thân mà đã nói những truyện quan hệ ấy là người ngu. Người ta chưa tin mình, đã nói thẳng thì tất bị cô kẻ dèm pha.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Sợ giao nói quá mồm má.
 Phải chăng người ấy cũng là người ngu,
 Chưa tin can gián lắm ra.
 Chỉ thêm lần truyện kẻ thù dèm pha.
 Nên chẳng cũng phải dằn dả.
 Thục hư cần nhắc thì ta mới làm.

見 人 不 是 諸 惡 之
 Kiến Nhân Bất Thị Chư Ác Chi
 Thấy người chẳng phải, mọi ác chường

根 見 已 不 是 萬 善
 Căn Kiến Kỳ Bất Thị Vạn Thiện
 Gốc, thấy mình chẳng phải, muôn lành

之 門

Chi Môn
 chường cửa,

格言聯璧

Sách Cách — Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Kẻ nào chỉ chăm thấy những điều không phải của người khác, ấy là cái gốc muôn điều ác, ta chớ nên theo. Kẻ nào hay xét những điều không phải của mình, ấy là cái gốc muôn điều thiện, thì ta nên bắt chước.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Kẻ hay soi bói lỗi người.
 Ấy là gốc ác ta thời nên khinh.
 Kẻ hay xem xét lỗi mình.
 Ấy là gốc thiện thực tình nên theo.

爪 田 不 納 履
 Qua Điền Bất Nạp Lý.
 Dừa ruộng chẳng xỏ giầy.

李 下 不 整 冠
 Lý Hạ Bất Chính Quan
 Mạn dưới chẳng sửa mũ

太 公
 Lối ông Thái - Công
 Sách Minh - Tâm

Dịch nghĩa : Khi đi qua ruộng dưa, thì dù giầy có hỏng cũng không nên cúi xuống sửa giầy. Đi qua cây mận sai quả thì dù mũ có lệch cũng không nên giơ tay lên chỉnh mũ. (Ý nói là để người ta khỏi ngờ là mình bẽ dưng, bẽ mặt, cũng là một cách tự hiềm vậy. Đây là câu nói ý : nghĩa là ở đời việc gì cũng thế, lòng mình tuy thực nhưng tại sao mình lại đi vào chỗ hồ nghi thì không nên).

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Vườn dưa gặp lúc đi qua,
 Không nên cúi xuống lần la chữa giầy,
 Khi qua cây mận chín đầy,
 Mũ lệch chớ có giơ tay sửa mũ,
 Tự hiềm sự việc xảy ra,
 Vô tình dễ khiến người ta nghĩ ngờ.

窮 寇 不 可 追 也 遁
 Cánh Khẩu Bất Khả Truy Dĩ Độn
 Cánh giặc chẳng khả đuổi vậy, quân quanh

辭 不 可 攻 也 貧 民
 Từ Bất Khả Công Dĩ Bần Dân
 Lời chẳng khả công kích vậy, dân nghèo dân

不 可 威 也
 Bất Khả Uy Dĩ,
 Chẳng khả uy hiếp vậy.

格言聯璧

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Giặc khi cùng thì không nên đuổi, Nhời nói loanh quanh thì không nên chỉ trích, Dân nghèo thì không nên uy hiếp.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Chờ đuổi khi giặc cùng đường,
 Bị trong nước bị nó thường lừa thân,
 Quanh co lời nói tiêu nhân,
 Chờ nên công kích thêm phần giờ giương,
 Dân nghèo cùng khổ đừng thương,
 Không nên uy hiếp gây đường oan gia.

徑 路 窄 處 留 一 步
 Kinh Lộ Trích Xứ Lưu Nhất Bộ
 Tắt, hẻm đường hẹp chốn, để một bước

與 人 行 滋 味 濃 時
 Dĩ Nhân Hành Tư Vị Nùng Thời,
 Cho người đi, ngon mùi đậm lúc,

減 一 分 讓 人 嗜
Giảm Nhất Phần Nhường người Thích
Giảm Một Phần Nhường người Thích

格言
Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Đường gấp chỗ hẹp thì ta nên để ra một phần cho người khác đi, ăn gấp món ngon, thì ta nên bớt ra một phần, nhường cho người khác thích.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Đường đi gấp chỗ hẹp hời,
Dành ra một bước để người cùng đi.
Miếng ngon gấp gắp có khi,
Bớt ra nhường để người thì cũng vui.

心 術 不 可 得 罪 於
Tâm Thuật Bất Khả Đắc Tội ư
Lòng Chước Chẳng Khá Phải Phải Đối với
天 地 言 行 要 留 好
Thiên Địa Ngôn Hành Yếu Lưu Hảo
Trời Đất Nói Nết Cần Để Tốt
樣 與 子 孫
Dạng Dữ Tử Tôn
Dạng Cho Con cháu.

格言聯璧
Cách - Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Người ta chớ để tâm thuật mình mang tội với trời đất, lời nói và việc làm, phải thế nào đáng làm khuôn mẫu cho con cháu.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Tâm thuật chớ có gian tham,
Đối với trời đất khỏi mang tội tình.
Nói làm phải hợp chính Kinh.
Làm gương con cháu nhà mình noi theo.

- 66 -

爲 善 如 負 重 登 山
Vi Thiện Như Như Phụ Trọng Đăng Sơn
Làm Lành Như Như Đội Nặng Lên Núi.

志 雖 已 確 而 力 猶
Chi Tuy Dĩ Xác Nhi Lực Do
Chí Tuy Đã Chắc Nữa Sức Còn

恐 不 及 爲 惡 如 乘
Khủng Bất Cập Vi Ác Như Thừa
Sợ Chẳng Kịp Làm Ác Như Cưỡi

駿 走 坂 鞭 雖 不 加
Tuân Tẩu Phấn Tiên Tuy Bất Gia
Ngựa mạnh chạy sườn núi, roi tuy chẳng thêm.

而 足 不 禁 其 前
Nhi Túc Bất Cấm Kỳ Tiên
Mà chân chẳng cấm thừa trước

格言聯璧
Sách Cách Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Làm điều thiện như đội nặng trèo núi, chỉ tuy đã quyết, mà còn sợ không trèo nổi. Làm điều ác như cưỡi ngựa mạnh qua sườn núi dốc, roi tuy không phải đánh thêm, mà chân ngựa vẫn khó kim.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Làm lành đội nặng lên non.
Chỉ tuy đã quyết sức còn lữ nghĩ.
Làm ác như cưỡi ngựa thì.
Qua sườn núi dốc chân phi khó kim.

- 67 -

不	貴	速	成	而	圖	全
Bất	Quý	Tốc	Thành	Nhì	Đồ	Toàn
Chẳng	quí	chóng	thành,	mà	lo	toàn

於	其	終	不	志	小	利
Ư	Kỳ	Chung	Bất	Chí	Tiểu	Lợi
ở	thừa	trộn	chẳng	chí	nhỏ	lợi

而	慮	患	於	其	遠
Nhì	Lự	Hoan	Ư	Kỳ	Viễn
Mà	ngĩ	lệ	ở	thừa	xa

增	廣	賢	文
Tăng	Quảng	Hiền	Văn

Dịch nghĩa : Việc không cần chống xong, chỉ cần làm thế nào cho về sau có kết quả hoàn toàn. Làm việc không nên để trí vào lợi nhỏ, chỉ cần lo xa, về sau khỏi xảy ra tai vạ.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Quí chỉ công việc chống thành.
Lo cho chu tất tốt lành mai sau.
Những điều lợi nhỏ chớ cầu.
Chỉ lo toan đề về sau hoàn toàn.

凡	事	要	好	須	問	三
Phàm	Sự	Yếu	Hảo	Tu	Vấn	Tam
Phàm	việc	muốn	tốt,	nên	hỏi	ba

老	若	爭	小	可	便	失
Lão,	Nhược	Tranh	Tiểu	Khả,	Tiện	Thất
Lão thành,	bằng	tranh	nhỏ	được,	bèn	mất

大	道
Đại	Đạo,
Lớn	đạo,

增	廣	賢	文
Tăng	Quảng	Hiền	Văn

Dịch nghĩa : Mọi việc muốn có kết quả tốt, thì nên hỏi những bậc già cả, đã từng trải việc đời, có nhiều kinh nghiệm, và đừng chăm cái lợi nhỏ. Nếu chỉ lo được cái lợi nhỏ thì hỏng đạo lớn.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Làm việc muốn được tốt lành.
Hỏi người già cả mới thành việc hay
Nhỏ nhen mảnh lợi riêng tây,
Tham nhỏ bỏ lớn có ngày hỏng to.

一	言	既	出
Nhất	Ngôn	Kỷ	Xuất
Một	lời nói	đã	nói ra,

駟	馬	難	追
Tứ	Mã	Nan	Truy
Xe bốn ngựa	ngựa	khó	đuổi,

增 廣 賢 文
Tăng Quảng Hiền Văn

Dịch nghĩa : Một lời đã nói ra khỏi miệng, thì đến xe từ mã (xe bốn ngựa kéo) cũng không đuổi kịp nữa, là ý răn người tu phải nghĩ cẩn thận rồi sẽ nói, chớ nên nói cẩu.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Thành hiền dạy phải thận ngôn.
Câu hay câu dở rất quan hệ má.
Một lời đã trót nói ra.
Đuổi xe bốn ngựa khó mà kịp thay.
Của kia không cánh mà bay.
Lời kia không cánh mà bay là thường.

慎 風 寒 節 飲 食 是
Thôn Phong Hàn Tiết Âm Thực Thị
Cẩn thận gió rét tiết độ uống ăn ấy là

從 吾 身 上 卻 病 法
Tòng Ngô Thân Thượng Khước Bệnh Pháp.
Theo ta mình trên bỏ, lui bệnh phép.

寡 嗜 慾 戒 煩 惱 是
Quá Thị Dục Giới Phiền Nảo Thị
Ít thị dục răn phiền buồn, ấy là

從 吾 心 上 卻 病 法
Tòng Ngô Tâm Thượng Khước Bệnh Pháp.
Theo ta lòng trên bỏ đi bệnh phép.

格 言 聯 壁
Cách — Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Phải cẩn thận những lúc gió rét, phải ăn uống có tiết độ, ấy là cách giữ cho mình ta khỏi sinh bệnh. Phải ít thị dục, phải răn những điều phiền não, ấy là cách giữ cho lòng ta tránh được bệnh.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Kiểm gió rét, ăn uống vừa.
Giữ cho khỏi bệnh phòng ngừa thân ta.
Ít thị dục, bớt phiền là.
Khỏi sự đau ốm để mà dưỡng tâm.

好 訐 人 者 身 必 危
Hiếu Kiết Nhân Giả Thân Tất Nguy.
Muốn bới móc người ấy thân mình hẳn nguy.

自 甘 爲 愚 適 成 其
Tự Cam Vi Ngụ Thích Thành Kỳ
Tự chịu là ngu, đót, thích đi, đến nên thừa

保 身 之 智
Bảo Thân Chi Trí.
Giữ thân mình chừng khôn.

好 自 誇 者 人 多 笑
 Hiếu Tự Khoa Giả Nhân Đa Tiếu,
 Muốn tự khoe ấy người nhiều cười

自 舞 其 智 適 見 其
 Tự Vũ Kỳ Trí Thích Tiển Kỳ
 Tự múa thừa khôn, đi đến, thấy chính

欺 人 之 愚
 Khi Nhân Chi Ngu
 Đối người đó ngu.

格言聯璧
 Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Những kẻ hay xoi bói người khác, tất nguy đến thân mình ? Thà chịu là ngu lại thành ra người biết giữ mình. Những kẻ hay thích khoe mình, thường bị người ta cười. Nếu cứ cậy khôn mà làm càn để dối người, thì thật là một kẻ ngu.

GIẢI NGHĨA VẦN VẦN

Người hay xoi bói tất nguy.
 Chịu là ngu đại hơn khi giữ mình.
 Khoe mình chỉ tỏ người khinh.
 Dối người lại tỏ ra mình quá ngu.



CHU-THÁI-TỔ HÂN-CAO-TỔ TẤN-CAO-TỔ
 ĐƯỜNG-TRANG-TÔN LƯƠNG-THÁI-TỔ

節操第六篇

TIẾT THẢO ĐỀ LỤC THIÊN

芝蘭生於深林不
Chi Lan Sinh ở rừng sâu chẳng

以無人而不香君
Dĩ Vô Nhân Nhi Bất Hương Quân

子修道立德不為
Tử Tu Đạo Lập Đức Bất Vi

窮困而改節
Cùng Khốn Nhi Cải Tiết

擴識

Khoảng Thước

Dịch nghĩa : Cô chi, cô lan ở nơi rừng sâu, dù không hay có người tới mà vẫn thơm. Người quân tử chăm về đạo đức, không vì hoàn cảnh cùng khổ mà thay đổi tiết tháo

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Chi lan sinh ở rừng sâu,
Dù không người tới thơm lâu như thường
Người quân tử chăm đường đạo đức,
Dẫu cho rằng khổ cực không thay,
Trăm năm tiết tháo khôn lay.

富貴無令人笑我
Phú Quý Vô Lành Nhân Tiếu Ngã

肉食貧賤無令人
Nhục Thực Bần Tiến Vô Lành Nhân

薄我無聞
Bạc Khinh Ngã Vô Văn

陸生二味
Lục Sinh Nhị Vị

Dịch nghĩa : Ở vào cảnh giàu sang, thì mình phải làm thế nào cho tỏ ra là một người có ích cho nhân quần xã hội, chứ đừng để cho người ta cười mình là hạng ăn thịt (Tả truyện có câu : (thực nhục giả bỉ, bất năng viễn mưu,) nghĩa là hạng người chỉ chăm ăn thịt thì đáng khinh vì không biết lo xa). Ở vào cảnh nghèo hèn, thì phải làm thế nào cho người ta khỏi khinh mình là người không có kiến văn gì.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Giàu sang chớ để người cười.
Là hạng ăn thịt không thời lo xa
Nghèo hèn chớ để người ta
Khinh mình không phải con nhà kiến văn.

酒 色 財 氣 四 堵 牆
 Tầu Sắc Tài Khí Tứ Đố Tường
 Rượu sắc dục của cải khí khái bốn cái tường, dậu che

多 少 賢 愚 在 內 箱
 Đa Thiểu Hiền Ngũ Tại Nội Tương
 Nhiều ít hiền giỏi ngu ở trong rương, tủ

若 有 世 人 跳 得 出
 Nhược Hữu Thế Nhân Khiêu Đắc Xuất
 Nếu có đời người nhảy được ra

便 是 神 仙 不 死 方
 Tiện Thị Thần Tiên Bất Tử Phương
 Đến ấy là thần tiên chẳng chết phương thuốc

明 心
 Minh - Tâm

Dịch nghĩa : Bạc bẽ trai gái rượu chè, Hung hăng khí khái nhiều bề hại thân. Ai mà nhảy được khỏi chân. Qua bức tường ấy cũng thần tiên thay.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Khí tài tầu sắc bốn tường cao.
 Khôn dại bao người đã mắc vào.
 Ai biết lánh mình ra khỏi cửa,
 Thần tiên cảnh giới thoát tù lao.

人 能 碎 千 金 之 璧
 Nhân Năng Sỏi Thiên Kim Chi Bích
 Người hay đập vỡ nghìn vàng châu ngọc bích,

而 不 能 無 失 聲 於
 Nhi Bất Năng Vô Thất Thanh ư
 Mà chẳng hay không mất tiếng chuông

破 釜 能 搏 猛 獸 而
 Phá Phủ Năng Bạt Mãnh Thú Nhi
 Vỡ cái chõ, hay bắt lấy, đánh, mạnh con thú mà

不 能 無 變 色 於 蜂
 Bất Năng Vô Biến Sắc ư Phong
 Chẳng hay không biến nét mặt chuông con ong

蠶
 Mai, sái
 Con bò cạp.

司 馬 相 如
 Lối ông Tư Mã Tương Như

Dịch nghĩa : Người ta có thể đập vỡ được ngọc quý bằng giá ngàn vàng, nhưng khi thỉnh liếc chợt nghe thấy tiếng cái chõ sành rơi vỡ, cũng không khỏi kêu vội lên. Người có sức bắt được hùm, beo, nhưng khi bị con ong, con bò cạp đốt cũng không khỏi thay đổi nét mặt.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Ngọc kia đập vỡ không sao.
 Chợt nghe chõ vỡ khỏi nào không kêu.
 Sức kia bắt được hùm beo,
 Đến khi ong đốt mặt meo xam chi.

仁 者 不 以 盛 衰 改
 Nhân Giả Bất Dĩ Thịnh Suy Cải
 Chân người chẳng lấy thịnh suy thay đổi

節 義 者 不 以 存 亡
 Tiết Nghĩa Giả Bất Dĩ Tồn Vong
 Tiết tháo nghĩa người chẳng lấy còn mất

易 心
 Dịch Tâm
 Đổi lòng

二 味
 Sách Nhị - Vị

Dịch nghĩa : Người nhân giả không bao giờ lấy thịnh suy mà thay đổi uất tháo. Người nghĩa giả không bao giờ lấy còn mất mà thay đổi lòng. (Nghĩa là lúc nào cũng vẫn giữ được thủy chung).

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Người nhân ăn ở thủy chung.
 Thịnh suy dầu khước lòng trung chẳng rời.
 Người nghĩa đứng trên cõi đời,
 Mặc dầu còn mất bụng thời không hai.

應 變 第 七 篇

ỨNG BIẾN ĐỆ THẤT THIÊN

謙 美 德 也 過 謙 者
 Khiêm Mỹ Đức Ỡ Quá Khiêm Giả
 Khiêm tốt đức Ỡ quá khiêm giả

懷 詐 默 懿 行 也 過
 Hoài Trá. Mặc Ý Hạnh Dĩ. Quá
 Hoài nghi, dối, im lặng tốt nét Ỡ quá

默 者 藏 奸
 Mặc Giả Tàng Gian,
 Im lặng ấy giấu gian.

格 言 聯 璧

Sách Cách - Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Khiêm tốn là một đức tốt, nhưng kẻ quá khiêm tốn sợ có mang lòng giả dối. Tiềm mặc cũng là một nét tốt, nhưng những kẻ cứ nghiêm nghiêm, sợ chứa chất bụng gian.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Khiêm là một đức tốt, xưa nay.
 Quá khiêm người ấy sợ thay gian ngầm.
 Mặc là có nét mực trầm.
 Những người nghiêm nghiêm lại thêm hiểm hiểm.

Không để tâm hại người.

害 人 之 心 不 可 有
Hại Nhân Chi Tâm Bất Khả Hữu
Hại người ở lòng chẳng khá có

防 人 之 心 不 可 無
Phòng Nhân Chi Tâm Bất Khả Vô
Phòng người ở lòng chẳng khá không

Không để phang người hai - 二 味
Sách Nhị - Vị

Dịch nghĩa : Lòng làm hại người không bao giờ nên có, nhưng lòng phòng giữ cho người ta khỏi làm hại mình, cũng không nên không.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Không nên có bụng hại người.
Hại người người hại đạo trời không sai.
Nhưng lòng gìn giữ chớ ngại.
Phòng người hãm hại ta thời phải lo.

雖 有 至 潔 弗 慎 則
Tuy Hữu Chí Khiết Phất Thận Tác
Dẫu có rất sạch, chẳng cần thận thì

污 雖 有 上 智 罔 念
Ô, Tuy Hữu Thượng Trí Vãng Niệm
Nhơ, dẫu có trên khôn, chẳng nghĩ
則 愚
Tắc Ngu,
Thì ngu.

空 峒 子

Lời Ông Không - Động - Tử

Dịch nghĩa : Người ta dù trong sạch đến đâu, nhưng không cần thận thì cũng có lúc bị ô uế. Những bậc thượng trí dù khôn ngoan đến đâu, nhưng không chịu đề ý suy nghĩ, lỡ xảy ra việc, cũng không khỏi mang tiếng là một người ngu.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Dẫu rằng trong sạch đến đâu.
Nếu không cần thận ngộ hầu bị nhơ.
Người dù thượng trí hãy hờ.
Không đề ý nghĩ thất cơ thì dơ.

人 無 遠 慮 必 有 近
Nhân Vô Viễn Lự Tất Hữu Cận
Người không xa nghĩ, hẳn có gần

憂

Ưu
Lo.

明 心

Minh - Tâm

Dịch nghĩa : Việc đời không biết nghĩ xa, thì tất có sự phải lo gần.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Việc đời cần phải tính xa.
Chiều hôm ban sớm xảy ra ai ngờ.
Nước đời như thể nước cờ.
Không lo xa trước, thất cơ nào ngờ.

荆 棘 滿 野 而 望 收
Kính Cúc Mãn dã Nhi Vọng Thu
Cổ gai đầy đồng ruộng mà trông thu

嘉 禾 者 愚 私 念 滿
Gia Hòa Giả Ngụ Tư Niệm Mãn
Tốt lúa ấy ngu, riêng nghĩ đầy

胸 而 欲 求 福 應 者
Hung Nhi Dục Cầu Phúc Ứng Giả
Lòng mà muốn cầu phúc ứng ấy

悖

Bối.
Trái

格言聯璧

Sách Cách — Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Cỏ chà đầy đồng, mà mong được gặt lúa tốt ấy là người ngu, tham lam đầy bụng, mà muốn cầu được trời cho phúc lộc ấy là trái lẽ.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Đầy đồng gai góc cỏ chà,
Lại mong lúa tốt sao mà quả ngu.
Riêng tây đầy bụng oán thù,
Lại mong hưởng phúc có mà quảng không ?

龍 遊 淺 水 遭 蝦 戲
Long Du Thiển Thủy Tào Hả Hí
Rồng chơi nông cạn nước gặp tôm

虎 落 平 原 被 犬 欺
Hổ Lạc Bình Nguyên Bị Khuyển Khỉ
Hùm rơi bằng đồng bị chó khinh,

增 廣 賢 文

Bài Tăng - Quảng Hiền Văn

Dịch nghĩa : Rồng tuy là linh nhưng khi đã vào ngòi, thì loài tôm tép cũng coi thường, hổ tuy oai hùng nhưng khi đã lạc về đồng bằng, thì con chó cũng coi khinh.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Anh hùng lỡ bước sa cơ.

Rồng chơi ngòi lạch tôm kia coi thường.

Hổ lạc tới bình dương.

Bị đàn chó dữ xem thường xem khinh.

君 子 之 身 可 大
Quân Tử Chi Thân Khả Đại
Người quân tử chưng mình khá lớn

可 小 丈 夫 之 志 能
Khả Tiều Trương Phu Chi Chi Năng
Khả nhỏ, bậc trưởng phu chương chí hay

屈 能 伸
Khuyết Năng Thân
co hay đuổi.

幼 學 瓊 林
Sách Ấu Học Quỳnh Lâm

Dịch nghĩa : Người quân tử lập thân, phải biết tùy thời, gặp việc lớn việc nhỏ đều làm được cả. Người trưởng phu lập chí, phải biết xử thế, lúc co lúc đuổi, cũng xử được cả.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Từ xưa quân tử lập thân.
Lúc lớn, lúc nhỏ, kinh luân tùy thời.
Trưởng phu lập chí ở đời.
Hay co hay đuổi hợp thời mới hay.

可 憎 者 人 情 之
Khả Tăng Giả Nhân Tình Chi
Đáng ghét ấy người lòng chương

冷 煖 可 厭 者 世 態
Lãnh Noãn Khả Yếm Giả Thế Thái
Lạnh nóng, đáng chán ấy đời vẻ

之 炎 凉
Chi Viêm Lương
Chương nóng mát

幼 學 瓊 林

Sách Ấu - Học Quỳnh - Lâm

Dịch nghĩa : Nhân tình đáng ghét là ở chỗ nóng lạnh. Thời đời đáng chán là ở chỗ viêm lương. (là ý nói thấy người giàu sang thì xu phụ, thấy người nghèo bèn thì lạnh nhạt).

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nhân tình nóng lạnh khác thường.
Khiến người đáng ghét, đáng thương nổi đời.
Viêm lương chuyện đã chán rồi.
Khi đến tâng bốc, khi thời hững hờ.

禦 寒 無 如 衣 重
Ngữ Hàn Vô Như Ý Trọng
Chống rét không bằng mặc lông

裘 止 謗 莫 若 自 修
Cừ Chỉ Bàn Mạc Nhược Tự Tu
áo cừ, tắt dèm pha chẳng gì bằng tự sửa mình

囊 賸 徐 幹 中
Nang - Thặng Từ - Cán - Trung

Dịch nghĩa : Muốn chống rét thì không gì bằng mặc nhiều áo cừ. Muốn tắt lời dèm pha thì không gì bằng mình tự sửa mình.

Lời Ông Từ Cán Trung sách NANG-THÔNG

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Chống rét có khó gì đâu.
Mặc lông hai áo bông hầu đã ngay.
Dèm pha lắm chuyện không hay.
Chỉ bằng sửa đổi mình này là yên.

任 天 下 事 易 成
 Nhậm Thiên Hạ Tự Di Thành
 Đảm nhiệm trời việc dễ nên

天 下 事 難 在 乎 忠
 Thiên Hạ Sự Nan Tại Hờ Trung
 Trời dưới việc khó ở bằng ngay

與 智 者 焉
 Dữ Trí Giả Yên
 cùng khôn ngoan ấy vậy.

性 理 Tinh - Lý

Dịch nghĩa : Đảm nhiệm việc thiên hạ thì dễ, nhưng làm thành được việc thiên hạ thì khó. Cần phải có hai chữ Trung và Trí, mới mong thành công được.

Sách Tinh-Lý.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nhận việc thiên hạ dễ dàng.
 Nhưng thành được việc lấy làm khó khăn.
 Có trung có trí mới xong.
 Không trung không trí khó mong công thành.

一 星 之 火 能 燒
 Nhất Tinh Chi Hỏa Năng Thiêu
 Một sao chưng lửa, Nặng hay thiếu đốt

萬 頃 之 薪 半 句 非
 Vạn Khoản Chi Tân Bán Câu Phái
 Muôn khoảnh củi nửa câu trái

言 誤 損 平 生 之 福
 Ngôn Ngộ Tồn Bình Sinh Chi Phúc
 Nói nhầm tồn bình sinh phúc

明 心

Sách Minh - Tâm

Dịch nghĩa : Một tàn lửa nhỏ (chỉ bằng hình bóng một vì sao) mà có thể đốt được muôn khoảnh rừng. Một nửa câu nói cần, có thể hại đến hạnh phúc cả một đời người.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Một tàn lửa nhỏ là bao.
 Cháy tiêu muôn khoảnh biết bao cửa nhà.
 Nửa lời phi nghĩa nói ra.
 Tồn thương phúc đức sâu xa trọn đời.

自 家 過 惡 自 家
 Tự Gia Qua Ác Tự Gia
 Từ nhà lỗi ác từ nhà

省 待 禍 敗 時 省 己
 Tỉnh Đãi Họa Bại Thời Tỉnh Dĩ
 Tu tỉnh, đợi vạ bại lúc tu tỉnh

遲	矣	自	家	病	痛	自
Trì	Hì	Tự	Gia	Bệnh	Thống	Tự
Chậm	vậy	từ	nhà	bệnh	đau	từ
家	醫	待	死	亡	時	醫
Gia	Y	Đãi	Tử	Vong	Thời	Y
Nhà	chữa,	đợi	chết	mất	lúc	chữa
已	晚	矣				
Đĩ	Vãn	Hì.				
Đã	muộn	vậy.				

格 言 聯 璧
Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Nhà mình có lỗi gì, thì mình phải cần sửa chữa ngay, chờ đợi đến lúc tai vạ mới tỉnh ngộ, thì đã quá chậm rồi. Khi nhà mình có bệnh tật gì, thì mình phải lo thuốc thang ngay, nếu để đến lúc sắp chết mới chữa thì đã quá muộn rồi.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Tự mình nhầm lỗi xét đi.
Đến khi tai vạ xét thì kịp chẳng.
Ôm thì mau liệu thuốc thang.
Sắp chết mới chữa thầy lang muộn rồi.

用 人 第 八 篇

DỤNG NHÂN ĐỆ BÁT THIÊN

當	多	事	之	秋	用	
Đương	Đa	Sự	Chi	Thu	Dụng	
Đương	nhều	việc	chúng	lúc,	dùng	
無	才	之	君	子	不	如
Vô	Tài	Chi	Quân	Tử	Bất	Như
Không	tài	chúng	quán	tử,	chẳng	bằng
用	有	才	之	小	人	
Dụng	Hữu	Tài	Chi	Tiểu	Nhân	
Dùng	có	tài	chúng	nhỏ	người	

擴 識
Khoảng Thức

Dịch nghĩa : Gặp buổi đời đương lúc nhiều việc, dùng kẻ tiểu nhân có tài cán, thì còn được việc hơn là những người chỉ có tư cách tồi, mà không có tài năng gì.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Việc đời đương lúc rối ren.
Dùng người quân tử hơn hẳn kẻ tồi.
Tiểu nhân tuy chẳng ra gì.
Nhưng có tài cán dùng thì mới nên.

Đùng người - 89 - sai chỗ là sai.
Đùng nhân như dùng nước.

聞	謗	而	怒	者	讒
Văn Nghe	Bàng lời chê, bàng bở	Nhĩ mà	Nộ, giận	Giả ấy,	Sàm dèm
之	因	也	見	譽	而
Chi chưng	Ngoan chím mỗi	Dĩ, vợ,	Kiến thấy	Dự khen	Nhĩ mà
者	佞	之	媒	也	
Giả, Ấy,	Nịnh nịnh	chưng chưng	Môi mỗi	Dĩ, vợ,	
文 中 子					
Văn - Trung - Tử					

Dịch nghĩa : Người ta nghe thấy lời chê mà vội giận, ấy là dễ làm mỗi cho kẻ sàm báng. Thấy ai khen mình mà vội mừng, ấy là dễ là mỗi cho kẻ hay nịnh hót vậy.

Lời ông Văn-Trung-Tử.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Nghe chê mà vội giận ngay,
Thà lời sàm báng dễ hay lọt vào.
Thấy ai khen vội mừng sao,
Mỗi cho kẻ nịnh ngọt ngào đưa hơi.

面	諛	之	辭	知	之
Diện Mặt	Du nịnh	Chi chung	Từ, lời	Tri biết	Chi đấy
者	未	必	感	情	背
Giả Ấy	Vị chưa	Tất đắc	Cảm cảm	Tình, hình	Bối lưng
之	議	銜	之	者	嘗
Chi Chưng	Nghị bàn	Hàm cầm	Chi đấy	Giả ấy	Thường thường
刻	骨				
Khắc Ghi	Cốt xương.				

二 味

Sách Nhị - Vị

Dịch nghĩa : Những lời nịnh hót trước mặt, biết rõ ràng chưa chắc đã có cảm tình, mà những lời nói xấu sau lưng, người ta hay ghi xương để dạ không bao giờ quên được.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Lời nịnh hót trước mặt ta,
Người nghe chưa chắc tỏ ra cảm tình.
Sau lưng lời nói xấu mình,
Ghi xương để dạ in hình khó quên.



ĐƯỜNG - THÁI - TÔN

樂天第九篇

LẠC THIÊN ĐỆ CỬU THIÊN

富 貴 福 澤 將 厚
Phù Quý Phúc Trạch Tương Hậu
Giàu sang phúc ơn hầu hậu

吾 之 生 貧 賤 憂 戚
Ta Chi Sinh Bần Tiếu Ưu Thích
Ta cái má sống, nghèo hèn lo

庸 玉 汝 於 成
Dung Ngọc Nhữ ư Thành
Dùng mài dũa mài ở nên

性 理 張 橫 渠
Tinh Lý Trương Hoành Cừ

Dịch nghĩa : Sự phú quý phúc Trạch, là trời để hậu cái đời sống cho ta. Sự nghèo bần lo buồn là trời để cho ta mài dũa đến được chỗ thành công.

Sách Tinh lý lời ông Trương Hoành Cừ.

GIẢI NGHĨA VĂN VÂN

Giàu sang phúc Trạch trên đời.
Là trời dành để cho người hậu thoy.
Nghèo hèn lo lắng đêm ngày.
Là một hoàn cảnh dũa mài nên thán.

無	病	之	身	不	知
Vô	Bệnh	Chi	Thân,	hết	Tri
Không	Như		thân	chẳng	hiết
其	樂	也	生	始	知
Kỳ	Lạc	Đã	Sinh	Thủy	Tri
Nó	vui	vậy,	sinh	mới	biết
無	病	之	樂	事	之
Vô	Bệnh	Chi	Lạc,	Sự	Chi
Không	bệnh	chưng	vui,	việc	ở
家	不	知	其	福	也
Gia	Bất	Tri	Kỳ	Phúc	Đã
Nhà	chẳng	biết	nó	phúc	vậy,
至	始	知	無	事	之
Chi	Thủy	Tri	Vô	Sự	Chi
đến	mới	biết	không	việc	nó
格	言	聯	璧		

Sách Cách — Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Mình không có bệnh thì không biết những lúc vô bệnh là vui. Đến khi có bệnh mới biết cái lúc không có bệnh là vui. Nhà không xảy ra việc gì, thì không biết vô sự là phúc. Đến lúc có việc, mới biết những lúc vô sự là phúc.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Không bệnh không biết là vui.
Đến khi có bệnh biết hồi khổ hay.
Không việc không biết là may.
Xảy ra làm việc biết ngày trước vui.

謀	事	在	人	成	事
Mưu	Sự	Tại	Nhân	Thành	Sự
Mưu	việc	ở	người,	thành	việc
在	天	人	願	如	此
Tại	Thiên,	Nhân	Nguyên	Như	Thử
Tại	trời,	người	xin	như	thế
此	天	理	未	然	未
Thử,	Thiên	Lý	Vị	Nhiên	Vị
thế,	trời	lẽ	chưa	vậy	chưa
					phải thế,

諸葛亮 明心

Chư - Cát - Lượng

Minh - Tâm

Dịch nghĩa : Việc làm thì ở người, nhưng việc được hay hỏng là ở trời. Bụng người ta thì nghĩ như thế, nhưng lẽ trời chưa chắc đã phải thế.

Lời ông Chư-Cát-Lượng sách Minh-Tâm

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Mưu toan công việc ở người.
Nhưng thành hay bại ở trời chủ trương.
Người đời nghĩ thế là thường.
Lẽ trời chưa chắc đã đúng thế đâu.

天	非	私	富	一	人
Thiên	Phi	Tư	Phú	Nhất	Nhân
Trời	chẳng	riêng	giàu	một	người
托	以	衆	貧	者	之
Thác	Dĩ	Chúng	Bần	Giả	Chi
Gửi	lấy	mọi người	nghèo	ấy	chúng
天	非	私	貴	一	人
Thiên	Phi	Tư	Quý	Nhất	Nhân
Trời	chẳng	riêng	sang	một	người
托	以	衆	賤	者	之
Thác	Dĩ	Chúng	Tiền	Giả	Chi
Gửi	lấy	mọi người	hèn	ấy	chúng
托	以	衆	賤	者	之
Thác	Dĩ	Chúng	Tiền	Giả	Chi
Gửi	lấy	mọi người	hèn	ấy	chúng

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Trời không phải dành sự giàu có riêng cho một ai, dù có cho người ấy giàu, là nhờ để cứu tính mạng cho nhiều người nghèo. Trời không phải dành sự sang trọng riêng cho một ai, dù có cho người ấy sang trọng là để mong cứu cho bao nhiêu người hèn.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Trời đâu giàu riêng một ai.
Dành cho mình giúp bao tai nạn nghèo.
Trời không riêng sang ai nào.
Nhờ mình để cứu biết bao dân hèn.

休	怨	我	不	如	人
Hưu	Oán	Ngã	Bất	Như	Nhân
Đừng	giận	ta	chẳng	bằng	Người
不	如	我	者	尚	衆
Hất	Như	Ngã	Giả	Thượng	Chúng
Chẳng	bằng	ta	ấy	còn	nhiều
誇	我	能	勝	人	勝
Khoa	Ngã	Năng	Thắng	Nhân	Thắng
khoe	ta	hơn	hơn	người	hơn
我	者	更	多		
Ngã	Giả	Cánh	Đa		
Ta	ấy	cũng	nhiều		

囊 膺

Nang - Thưng

Dịch nghĩa : Không nên oán là ta không được bằng người, thử xem thiên hạ còn nhiều người kém ta, không nên khoe là ta hơn người, thử xem thiên hạ còn nhiều người hơn ta.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Oán chỉ ta chẳng bằng người.
Thử xem còn biết bao người kém người.
Đừng khoe ta giỏi hơn người.
Thiên hạ còn biết bao người hơn ta.

兄 弟 和 其 中 自 樂
 Huyết Đệ Hòa Kỳ Trung Tự Lạc,
 Anh em hòa thừa trong tự vui.

子 孫 賢 此 外 何 求
 Tử Tôn Hiền Thử Ngoại Hà Cầu,
 Con cháu hiền ấy ngoài gì cầu.

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Trong gia đình anh em mà hiền hòa thì trong đó đủ vui rồi. Con cháu mà hiền thảo, thì ngoài đó còn cầu gì.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Anh em hòa thuận hằng ngày,
 Trong đường luân lý vui vầy biết bao,
 Con cháu thảo hiền quí sao?
 Ngoài ra con có vui nào đang mong.

自勉第十篇

TỰ MIỄN ĐỆ THẬP THIÊN

行 路 難 不 在 水
 Hành Lộ Nan, Bất Tại Thủy,
 Đi đường khó chẳng ở nước

不 在 山 只 在 人 情
 Bất Tại Sơn, Chỉ Tại Nhân Tình,
 Chẳng tại núi, chỉ tại người lòng

反 覆 間
 Phản Phức Gian,
 Đổ phúc khảo.

二 味

Sách Nhị - Vị

Dịch nghĩa : Đường đời đi khó khăn, không phải là tại sông hay tại núi ngăn trở, mà chỉ tại lòng người ta hay dở giáo mà thôi.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Đường đời đi lại khó khăn,
 Núi cao sông lớn chẳng ngăn được nào,
 Ngăn vì bụng dạ hiền ác,
 Lòng người phản phúc chớ nào khó thay.

弓	調	而	後	求	勁
Cung	Điều	Nhĩ	Hậu	Cầu	Kinh
Cung	uấn	má	sau	cầu	cứng
馬	馬	服	而	求	良
Yên,	Mã	Phục	Nhĩ	Hậu	Lương
Vệ,	ngựa	rèn	má	sau	lành
馬	士	必	慤	而	多
Yên,	Sĩ	Tất	Khác	Nhĩ	Đa
Vệ,	kế sĩ	đi	tốt	má	sau
智	能	不	慤	而	多
Tri	Năng	Bất	Khác	Nhĩ	Đa
Khôn	hay,	chẳng	tốt	má	nhiều
譬	之	豺	狼	不	可
Thị	Chi	Sái	Lang	Bất	Khả
Vi	chương	hùm	beo	chẳng	khá

Dịch nghĩa : Cái nỏ biết uốn nắn luôn, thì mới cứng, Con ngựa có rèn luôn thì mới hay. Người học trò có hạnh kiểm tốt thì mới nên khôn ngoan, nếu hạnh kiểm không tốt mà quả khôn thì cũng như loài hùm beo không ai dám đến gần.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nỏ kia cứng bởi sửa sang,
Ngựa kia rèn mãi vào hàng ngựa hay.
Học trò cần tốt mới hay,
Nét hư, tài giỏi giống bầy sái lang.

士	大	夫	三	日	不
Sĩ	Đại	Phu	Tam	Nhật	Bất
Bậc sĩ	đại	phu	ba	ngày	chẳng
讀	書	對	人	則	言
Độc	Thư	Đối	Nhân	Tắc	Ngôn
Độc	sách,	đối	người	thì	nói
無	味	照	鏡	亦	面
Vô,	Vị,	Chiếu	Kính	Diệc	Diện
không	mùi,	soi	gương	cũng	mặt
可	憎				
Khả	Tăng,				
Khả	tăng,				

黃山谷

Hoàng Sơn Cốc

Dịch nghĩa : Bậc sĩ đại phu ba ngày mà không đọc sách, thì đối với ai ăn nói cũng không có ý vị gì, mà soi gương coi mặt mày cũng đáng ghét.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Kia xem các bậc sĩ phu,
Ba ngày sách vở không qua (chưa được) xem tường.
Ra đời ăn nói dở (đang) dang.
Soi gương mặt mũi trông dường trâu trơ.

(Lời ông Hoàng Sơn Cốc)

終 日 說 善 言 不
 Chung Nhật Thuyết Thiện Ngôn Bất
 Tron ngày nói lành lời nói, chẳng

如 做 了 一 件 終 身
 Như Tổ Liễn Nhất Kiện, Chung Thân
 Bằng làm xong một cái, việc trọn đời mình

行 善 事 須 防 錯 了
 Hành Thiện Sự, Phòng Thác Liễn
 Làm lành việc, nên phòng nhầm rồi

一 件
 Nhất Kiện.
 Một việc.

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Suốt đời nói việc thiện, không bằng thực hành lấy một việc còn hơn, suốt đời làm việc thiện, nên phòng có khi cũng có việc nhầm.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Cả ngày nói những điều lành,
 Không bằng một việc thực hành thì hơn.
 Trọn đời làm thiện làm ơn,
 Nên phòng có sự nhớ nhầm về sau.

休 謗 罪 於 氣 化
 Hưu Ủy Tội Ỗ Khí Hóa
 Đừng suy ăy tội đối với khí hóa

一 切 責 之 人 事 休
 Nhất Thiết Trách Chi Nhân Sự Hưu
 Một cần trách ở nhân sự việc dừng

過 望 於 世 間 一 切
 Quá Vọng Ỗ Thế Gian Nhất Thiết
 Quá trông ở đời khoảng, nhất thiết

求 之 我 身
 Cầu Chi Ngã Thân.
 Cầu ở ta mình.

格言聯璧

Sách Cách - Ngôn Liễn - Bích

Dịch nghĩa : Việc đời không nên đổ cho khí hóa, hay đổ nhất thiết phải coi ở nhân sự, việc đời không nên quá mong ở người khác, Thành bại nhất thiết phải coi ở mình.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Việc đời cứ trách ở ta,
 Đổ cho khí hóa ăy là hồ người.
 Chớ nên trông ngóng ở người.
 Muốn cho được việc chắc nơi thân mình.

Nông giản

以	處	女	之	自	愛
Dĩ	Sở	Nữ	Chi	Tự	Ài
Lấy	ở nhà	con gái	chúng	tự	yêu

者	愛	身	以	嚴	父	之
Giả	Ài	Thân	Dĩ	Nghiêm	Phụ	Chi
Ấy	yêu	thân,	dùng	ng nghiêm	phụ	cái mà

教	子	者	教	士
Giáo	Tử	Giả	Giáo	Sĩ.
Dạy	con	ấy	dạy	học trò.

格言聯璧

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Ta đem cái lòng con gái trinh giữ mình, để giữ mình ta, đem cái lòng cha dạy con để dạy học trò, mới là bậc quân-tử.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Gái tơ chăm giữ chữ trinh.
Ta đem lòng ấy giữ mình mới nên,
Dạy con cha cố cần chừa.
Ta đem lòng ấy tập rèn trò kìa.

欲	求	生	富	貴
Dục	Cầu	Sinh	Phù	Quí
Muốn	cầu	sống	giàu	sang,

須	下	死	工	夫
Tu	Hạ	Tử	Công	Phu,
Nên	dưới	chết	công	phu

增	廣	賢	文
Tăng	Quảng	Hiền	Văn

Dịch nghĩa : Người ta muốn cầu sự giàu sang tươi sáng, tất phải dùng hết sức công phu, thì mới có thể thu được kết quả.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Người ta muốn sống sang giàu.
Học hành tử lực mới hẳn thành công.
Những người lười biếng viễn vọng.
Không bền chí hướng nên nông nổi gì.

此	生	不	學	一	可	惜
Thử	Sinh	Bất	Học	Nhất	Khả	Tích,
Ấy	sống	chẳng	học	một	đáng	tiếc,

此	日	間	過	二	可	惜
Thử	Nhật	Nhân	Quá	Nhị	Khả	Tích,
Ấy	ngày	nhân	qua	hai	đáng	tiếc,

此 身 一 敗 三 可 惜
 Thử Thân Nhất Bại Tam Khả Tịch
 Ấy mình một thất bại ba đáng tiếc.

格言

Sách Cách — Ngôn

Dịch nghĩa : Đời mình không được học là một điều đáng tiếc, một ngày bỏ qua mà không làm được việc gì là hai điều đáng tiếc. Cái thân mình để đến nỗi thất bại là ba điều đáng tiếc.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Đời mình không được học hành.
 Những ngày nhân rồi đã đánh bỏ đi,
 Thân mình thất bại có khi,
 Ba điều đáng tiếc ấy thì nên răn.

富 貴 家 不 肯 從
 Phú Quý Gia Bất Khổng Tông
 Giàu sang nhà chẳng chịu theo

寬 必 遭 橫 禍 聰 明
 Khoan Tất Tao Hoành Họa Thông Minh
 Rộng, hẳn gặp ngang vạ, thông minh

人 不 肯 學 厚 必 夭
 Nhân Bất Khổng Học Hậu Tất Yểu
 Người chẳng chịu học hậu, hẳn chết non
 (khoan hậu)

天 年
 Thiên Niên
 trời tuổi.

格言聯璧

Sách Cách - Ngôn Lián Bích

Dịch nghĩa : Nhà giàu sang mà không chịu ăn ở cho khoan hậu, thì tất gặp những sự tai bay vạ gió.
 Người thông minh mà không chịu học hỏi cho rộng, cho hẳn hậu, thì tất không được hưởng hết tuổi trời

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Giàu sang chẳng chịu khoan dung.
 Tai bay vạ gió khó lòng tránh qua.
 Thông minh trí tuệ tính hoa.
 Nếu không học rộng ắt là chết non.



處世十一篇

XU THẾ THẬP NHẤT THIÊN

聰明聖智守之

Trong Minh Thánh Trí. Thủ Chi
Thông sáng thành khôn, giữ đầy

以愚功蓋天下守

Dĩ Ngụ, Công Cái Thiên Hạ. Thủ
Lấy ngu, Công trùm giới dưới, giữ

之以讓勇力振世

Chi Dĩ Nhượng Dũng Lực Chân Thế,
đầy lấy nhường mạnh sức nhưc đời,

守之以怯富有四

Thủ Chi Dĩ Khiếp Phú Hữu Tứ
giữ đầy lấy nhát giàu có bốn

海守之以謙

Hải Thủ Chi Dĩ Khiêm,
bề giữ đầy lấy nhường.

家語

G - Ngữ

Dịch nghĩa : Những bậc thông minh thánh trí, thì nên giữ gìn như một người ngầy. Những người công to trùm cả thiên hạ, thì nên giữ gìn một thái độ khiêm nhường. Những người sức mạnh có tiếng ở đời, thì nên tỏ vẻ nhát nhát nhường nhịn. Những người giàu có cả bốn bề, thì nên tỏ vẻ khiêm tốn,

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Thông minh thánh trí khác đường,
Giữ gìn tỏ vẻ bình thường thì hơn.
Công to trùm cả bốn phương.
Giữ gìn tỏ vẻ khiêm nhường khó chi,
Trên đời sức mạnh ai bì.
Giữ gìn tỏ vẻ rụt rè ung dung.
Giàu có khắp non sông,
Giữ gìn tỏ vẻ khiêm cung làm đầu.

攻人之惡當思

Công Nhân Chi Ác. Đương Tư
Công kích người chướng điều lỗi nên nghĩ

其堪受揚人之善

Kỳ Kham Thu Dương Nhân Chi Thiện
Thừa chịu được chịu người chướng điều hay

原 要 於 可 稱
 Nguyên Yêu ở Khả Xưng.
 Nguyên cốt ở khả khen.

二 味
 Nhị Vị

Dịch nghĩa : Muốn trách những điều lỗi của người ta, nên dẫn bảo thế nào ? cho người ta có thể chịu được. Chứ không nên nói quá lời. Muốn khen bao điều hay của người ta, thì phải khen những điều đích đáng, cho đúng sự thực, để khuyến khích, thì lời khen mới có giá trị.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Trách người những truyền lời lầm.
 Sao cho chịu được đùng nên quá nhời.
 Khen ai khen phải đáng nơi
 Phải có sự thực thì nhời mới hay.

忍 得 一 時 之 氣
 Nhẫn Đắc Nhất Thời Chí Khí,
 Nhịn được một lúc chương khí.
 免 得 百 日 之 憂
 Miễn Đắc Bách Nhật Chí Ưu,
 Khỏi được trăm ngày chương lo.

增 廣 賢 文

Bái Tăng Quảng Hiền Văn

Dịch nghĩa : Người ta ở đời bề nên nhịn được cái khí tức giận trong một lúc, thì có thể đỡ được cái lo trong trăm ngày.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Chữ nhẫn là chữ tương oàng.
 Trong khi nóng nảy ta càng phải răn.
 Nhịn được một lúc lung hăng.
 Trăm ngày ta khỏi lo gần lo xa.

面 前 的 理 路 要
 Diện Tiền Dịch Lộ Yêu
 Mặt Trước Ich Lễ Đường cốt

放 得 寬 使 人 無 不
 Phóng Đắc Khoan Sử Nhân Vô Bất
 Phóng được rộng khiến người không chẳng

平 之 歎 身 後 的 惠
 Bình Chí Thán Thân Hậu Dịch Huệ
 Bằng chỉ than thân sau đích ơn

澤 要 流 得 遠 令 人
 Trạch Yêu Lưu Đắc Viễn Linh Nhân
 Thấm cần chảy được xa khiến người

有 不 匱 之 思
 Hữu Bất Quý Chí Tư
 Có chẳng thiếu chương nhó

格 言 聯 壁

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Lễ phải cũng như đường lối ở đời, trước mặt nên ở sao cho đúng, cho được rộng rãi, để người ta khỏi phải than phiền. Đời mình nên có ơn trách, để về sau, cho được sâu xa, khiến người ta có lòng nhớ đến mình mãi mãi.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Ở đời ăn ở khoan hồng.
 Để người khỏi sự mệnh lòng thổ than.
 Trách sau gây để công ơn.
 Dà mình đã thác mà ơn vẫn còn.

女	無	美	惡	入	宮
Nữ	Vô	Mỹ	Ác,	Nhập	Cung
Con gái	không	đẹp	xấu	vào	cung

見	妬	士	無	賢	不	肖
Kiến	Đố,	Sĩ	Vô	Hiền	Bất	Tiểu
Thấy	ghen	hề sĩ	không	hiền	chẳng	hiền giống

入	朝	見	嫉
Nhập	Triều	Kiến	Tật,
Vào	triều đình	thấy	hét

鄒 陽

Lời ông Trâu - Dương

Dịch nghĩa : Con gái không cứ đẹp xấu, đã vào cung là có sự ghen tuông. Kẻ sĩ không giỏi hay không, đã vào Triều là có sự ghen ghét.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Gái kia dù đẹp hay không,
Vào cung lắm chuyện ghen tuông khó chiều,
Sĩ kia đã tới trong Triều,
Dù hay dù dở lắm điều ghét ghen.

近	處	不	能	感	動
Cận	Xứ	Bất	Năng	Cảm	Động,
Gần	chỗ	chẳng	hay	cảm	động

未	有	能	及	遠	者	小
Vị	Hữu	Năng	Cập	Viễn	Giả,	Tiểu
Chưa	có	hay	kịp	xa	ấy	nhỏ

處	不	能	調	理	未	有
Xứ	Bất	Năng	Điều	Lý,	Vị	Hữu
Chỗ	chẳng	hay	điều	lý,	chưa	có

能	治	大	者
Năng	Trị	Đại	Giả,
Hay	trị	lớn	ấy,

格言聯璧
Sách Cách - Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Ở nơi gần còn không cảm động được ai, nữa là nơi xa. Gặp việc nhỏ còn không làm được, nữa là việc lớn.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Ở gần còn chẳng thấy gì,
Hà rằng xa nữa chắc gì ai mong,
Việc nhỏ còn chẳng làm xong,
Nữa là việc lớn còn mong nổi gì.

居	家	戒	爭	訟	訟
Cư	Già	Giới	Tranh	Tung,	Tung
Ở	nhà	đàn	tranh	kiện,	kiện

則	終	凶	處	世	戒	多
Tắc	Chung	Hung,	Xử	Thế	Giới	Đa
Thời	kết cục	tại hại	xử	đời	đàn	nhều

言 言 多 必 失
Ngôn, Ngôn Đa Tất Thất.
Lời nói nói nhiều hẳn nhầm lẫn.

朱 子 格 言
Bài Chu Tử Cách Ngôn

Dịch nghĩa : Ở trong gia đình, phải dũa việc tranh tụng, nếu dũa xảy ra việc tranh tụng, thì kết cục rất là tai hại. Ở đời chớ nên nói nhiều, nói nhiều thì tất có câu nói nhỡ nhời.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nhà dũa tranh tụng xảy ra,
Nếu không tránh được tất là tai yếu.
Ở đời chớ có nói nhiều,
Nói nhiều khó giữ những điều thất ngôn.

先 去 私 心 而 後
Tiên Khử Tư Tâm, Nhi Hậu
Trước bỏ riêng lòng mà sau

可 以 治 公 事 先 平
Khả Dĩ Trị Công Sự, Tiên Bình
Đáng dũa chỉnh đốn việc chung việc trước bằng phẳng

己 見 而 後 可 以 中
Kỷ Kiến, Nhi Hậu Khả Dĩ Trung
Mình thấy mà sau đáng được đở Thịch nghi

人 言
Nhân, Ngôn.
Người ta nói.

格 言 聯 璧

Sách Cách — Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Trước hết bỏ lòng riêng của mình, thì sau mới xử được việc công. Trước hết dũa có thiện về ý kiến của mình, rồi sau hãy nghe lời nói của người khác, thì mới mong có sự công bằng được.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Tư tâm trước hãy bỏ đi.
Việc công xử đoán điều gì chớ hay.
Kiến thức chớ có riêng tây.
Thì nghe người nói mới hay công bằng.

血 氣 之 怒 不 可 有
Huyết Khí Chi Nộ Bất Khả Hữu
Máu hơi chưng giận chẳng khá có

義 理 之 怒 不 可 無
Nghĩa Lý Chi Nộ Bất Khả Vô
Nghĩa lý nhẹ chưng giận chẳng khá không

擴 識
Khoảng Thức

Dịch nghĩa : Người ta không nên giận về những khi huyết khí còn nóng nảy. Nhưng sự giận mà có nghĩa lý thì không thể không được.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Giận mà nóng nảy không nên.
Giận có nghĩa lý chớ quá vội vã.
Sự giận cũng phải nghĩ xa.
Việc gì phải lẽ thì ta phải làm.

狎	甚	則	相	簡	莊
Hiệp	Thâm	Tác	Tương	Giản,	Trang
Nhàn	lâm	thì	càng	coi thường	trang
					nghiêm

甚	則	不	親
Thâm	Tác	Bất	Thân,
lâm	thì	chẳng	thân

陸 生
Lục - Sinh

Dịch nghĩa : Sự giao tế nếu tiết mạn quá thì tất đến chỗ khinh nhờn. Nếu nghiêm khắc quá thì mất cả tình thân.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Quen thân quá hóa nên nhờn.
Vị sớm sờ quá nên hờn đối nhau.
Giữ gìn lễ độ mực dẫu.
Nếu quá nghiêm khắc dễ hầu mất thân.

對	失	意	人	莫	談
Đối	Thất	Ý	Nhân	Mạc	Đàm
Đối	mất	ý	người	đừng	bàn

得	意	事
Đắc	Ý	Sự,
được	ý	việc

格 言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Đối với người đương gặp những việc thất ý, thì mình không nên nói những việc mình vừa đắc ý.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Đối người đương lúc rủi ro.
Đừng đem thắng lợi mình so sánh gì.
Khiến người tủi hổ có khi.
Hoặc sinh ghen ghét cũng vì đây chăng.

善	用	威	者	不	輕	怒
Thiện	Dụng	Uy	Giả,	Bất	Khinh	Nộ
Khéo	dùng	uy	ấy,	chẳng	khinh	giận

善	用	恩	者	不	妄	施
Thiện	Dụng	Ân	Giả,	Bất	Vong	Thi
Khéo	dùng	ơn	ấy,	chẳng	cán	ra

擴 識
Khoảng Thức

Dịch nghĩa : Người khéo dùng uy, thì không bao giờ khinh dể mà giận ai. Người khéo dùng ơn thì có ai đáng giúp mới giúp, chứ không nên thì ơn một cách không đáng mực.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Khéo dùng uy cũng ở người.
Không nên vội giận ấy thời mới hay.
Làm ơn cũng khéo ở tay.
Nên giúp mới giúp chớ hay giúp bừa.
Ân uy đáng mực thì vừa.

人	好	剛	我	以	柔
Nhân	Hiếu	Cương	Ngã	Dĩ	Như
Người	muốn	cương	ta	đáng	mềm

勝	之	人	用	術	我	以
Thắng	Chi,	Nhân	Dụng	Thuật	Ngã	Dĩ
thắng	đó	người	dùng	thuật	ta	đáng

誠 感 之 人 使 氣 我
 Thành Cảm Chi Nhân Sử Khí Ngã
 thực thả cảm nó người khiến hách khí ta

以 理 屈 之 天 下 無
 Dĩ Lý Khuất Chi Thiên Hạ Vô
 lấy lẽ phải khuất trời hạ không

難 處 之 事 矣
 Nan Xử Chi Sự Hĩ
 khó xử việc vậy.

擴 識 Khoáng Thức

Dịch nghĩa : Người ta muốn cưỡng, thì ta lấy nhu mà thắng. Người ta hay dùng thuật, thì ta lấy lòng thành mà còn. gặp người hách khí thì ta lấy lý mà vận. Nếu biết việc đời mà đối phó được như thế, thì không có việc gì là khó cả.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Người ta dù muốn cưỡng cưỡng.
 Ta cứ mềm dẻo thì thường thắng ngay.
 Người dùng trí thuật hàng ngày.
 Ta lấy thành của thì hay thắng người.
 Kẻ hay hách khí ở đời.
 Ta thất vào lẽ tất thời chịu ngay.
 Bỏ điều mềm rắn ở tay.
 Việc đời cư xử nào hay khó gì.



HOÀNG-ĐẾ THẦN-NÔNG PHỤC-HY

自立第十二篇

TỰ LẬP ĐỀ THẬP NHỊ THIÊN

智 欲 圓 而 行 欲 方
 Trí Ức Viên Nhi Hành Ức Phương
 Trí muốn tròn mà nét muốn vuông.

胆 欲 大 而 心 欲 小
 Dám Ức Đại Nhi Tâm Ức Tiểu
 Dám muốn lớn mà tim muốn nhỏ.

幼 學 尋 源

Sách Ấu - Học Tâm - Nguyên

Dịch nghĩa : Trí khôn muốn cho tròn vẹn, mà nét na muốn cho bằng phẳng. Can đảm mình muốn sao cho to tát, mà con tim muốn cho được cẩn thận tinh vi.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Trí tròn mà hành muốn vuông.
 Tròn thì thông suốt vuông thường thẳng ngay.
 Có to can đảm mới hay.
 Tâm càng cẩn thận mỗi ngày mỗi lành.

宇 宙 內 事 乃 已
 Vũ Trụ Nội Sự Nãi Kỳ
 Không gian thời gian trong việc bên mình

分 內 事 己 分 內 事
 Phân Nội Sự Kỳ Phân Nội Sự
 Phần trong việc mình phần trong việc

乃 宇 宙 內 事
 Nãi Vũ Trụ Nội Sự
 Bên, là bờ cõi trong việc.

格 言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Việc trong vũ trụ cũng là việc trong bốn phần của mình. Mà việc bốn phần của mình cũng tức là việc trong vũ trụ vậy.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Bốn phương trời đất xa nay.
 Là trong phần sự ta rầy phải lo.
 Lo từ việc nhỏ việc to.
 Việc trong vũ trụ cũng do ở mình.

事 事 培 元 氣 其
 Sự Sự Bồi Nguyên Khí Kỳ
 Việc việc vun, đắp nguyên khí chính

人 必 壽 念 念 存 本
 Nhân Tất Thọ Niệm Niệm Tồn Bản
 người hẳn sống lâu nghĩ nghĩ giữ gốc

心 其 後 必 昌
Tâm Kỳ Hậu Tất Xương.
Lòng. người sau hẳn thịnh.

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Làm việc gì biết chăm bồi dưỡng khí, thì người ấy tất sống lâu, bưng nghì lúc nào cũng giữ được lòng thành, thì con cháu thế nào cũng thịnh vượng.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Hậu thì gộp hậu lễ trời.
Chăm bồi dưỡng khí thì người sống lâu.
Lòng lành không phải ngoại cầu.
Giữ lương tâm tốt phúc sau vững bền.

少 不 諷 誦 壯 不
Thiếu Bất Phúng tụng. Tráng Bất
Trẻ chẳng đọc sách kể rõ, lớn chẳng

議 論 老 不 教 誨 亦
Nghị Luận Lão Bất Giáo Hối, Diệc
Đàn luận, già chẳng dạy dỗ, cũng

可 謂 失 業 之 人 矣
Khả Vĩ Thất Nghiệp Chi Nhân Ấi.
Khả bảo rằng mất nghiệp của người ta vậy

粹語錄

Tuý - Ngữ - Lục

Dịch nghĩa : Người ta lúc còn trẻ không chịu phụng dưỡng, lúc lớn lên không biết nghị luận, lúc già không chịu dạy dỗ, thì cũng là một người thất nghiệp vậy.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nhỏ không học hỏi ngâm nga.
Lớn không nghị luận tham gia việc gì.
Già không dạy dỗ được cháu.
Cũng là thất nghiệp mong gì công danh.

大 丈 夫 當 容 人 不
Đại Trượng Phu Đương Dung Nhân, Bất
Người đại trượng phu nên dung người, chẳng

爲 人 所 容
Vi Nhân Sở Dung.
làm người ta bị dung.

司 馬 光
Tư - Mã - Quang

Dịch nghĩa : Người đại trượng phu nên có lượng bao dung người, chứ đừng để người khác bao dung mình.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Ta nên có lượng dung người.
Đừng nên nể lệ để người khác dung.
Dù trong những lúc khó khăn cũng.
Vẫn giữ tư cách khoan hồng trượng phu.

修身第十三篇

TU THÂN ĐỆ THẬP TAM THIÊN

名譽自屈辱中彰
 Danh Dự Tự Khuất Nhục Trung Chương.
 Tiếng khen tự mình khuất nhục trong rõ rệt.

德量自隱忍中大
 Đức Lượng Tự Ẩn Nhẫn Trung Đại.
 Đức độ lượng tự mình ẩn nhẫn trong lớn.

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Danh dự thường ở trong lúc khuất nhục mà nổi tiếng. Đức lượng thường ở trong lúc ẩn nhẫn mà rõ rệt.

GIẢI NGHĨA VẦN VẦN

Trừng tâm lắng lấy bao nhiêu.
 Bồi lòng khuất nhục bao chiều đáng cay.
 Lượng cao đức cả ai tây.
 Tự trong ẩn nhẫn có ngày về vang.

休恨眼前地窄
 Hưu Hận Nhãn Tiền Địa Trích.
 Đừng giận mắt trước đất hẹp.

退後一步自然寬
 Thoái Hối Nhất Bộ Tự Nhiên Khôn.
 Lại sau một bước tự nhiên rộng.

明心

Sách Minh - Tâm

Dịch nghĩa : Không nên phân nan trước mặt mình dặt quá chật hẹp. Minh cứ lùi lại một bước tự khắc thấy rộng rãi ngay.

GIẢI NGHĨA VẦN VẦN

Trước mặt đang ngại hẹp hòi.
 Lùi lại một bước thì rồi rộng rãi.
 Chớ nên chen lấn mới hay.
 Tâm điển rộng rãi có ngày thành thoải.

無以仇隙而語盡
 Vô Dĩ Cừ Khech Nhi Ngữ Tận.
 Không vì cừ hiềm khếch mà nói hết.

無以新交而歡盡
 Vô Dĩ Tân Giao Nhi Hoan Tận.
 Không vì mới mới giao mà vui hết.

二味

Sách Nhị - Vị

Dịch nghĩa : Không nên lấy chuyện thù hận, mà trách móc người ta đến quá lời. Không nên thấy mới mới giao tiếp với người ta mà đã quá vui.

GIẢI NGHĨA VẦN VẦN

Chớ khi giận dữ quá lời
 Chớ khi mới mới đã thôi quá vui
 Đắn đo gìn giữ tội lui.
 Trải bao cay đắng ngọt bùi mới thân.

任	難	任	之	事	要
Nhậm	Nan	Nhậm	Chỉ	Sự	Yếu
Làm	khó	làm	chúng	việc	cần

有	力	而	無	氣	處	難
Hữu	Lực	Nhĩ	Vô	Khí	Xử	Nan
Có	sức	mà	không	khí	ở	khó

處	之	事	要	有	知	而
Xử	Chỉ	Sự	Yếu	Hữu	Tri	Nhĩ
Xử	chúng	việc	cần	có	biết	mà

無	言
Vô	Ngôn
không	nói

格 言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Làm những việc khó làm, thì chỉ cần có sức cương nghị bền bỉ, mà chớ có khí khái sảng. Xử những việc khó xử, thì cần phải có hiểu biết mà không cần nói nhiều.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Khi làm những việc khó làm,
Chỉ cần nghị lực kiên cường khi chỉ.
Những việc khó xử phải suy.
Cố nên hiểu biết cần chỉ nói nhiều.

品行第十四篇

PHẨM HÀNH ĐỆ THẬP TỬ THIÊN

人	誰	無	過	過	而
Nhân	Thùy	Vô	Quá	Quá	Nhĩ
Người ta	ai	không	lỗi	lỗi	mà

能	改	善	莫	大	焉
Năng	Cải	Thiện	Mạc	Đại	Yên
Biết	đổi	hay	chẳng gì	lớn hơn	vậy

左 傳

Sách Tả Truyện

Dịch nghĩa : Người ta ai mà không có lỗi, nhưng lỗi mà biết đổi, thì còn hay nào bằng.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Người ta ai chẳng lỗi lầm
Nhầm mà biết hối chuyển cần sửa ngay.
Những người phục thiện xưa nay,
Lỗi mà biết đổi còn hay nào bằng.

酒	中	不	語	真	君	子
Tửu	Trung	Bất	Ngữ	Chân	Quân	Tử
Rượu	trong	chẳng	nói	thật	quân	tử

財	上	分	明	是	丈	夫
Tài	Thượng	Phân	Minh	Thì	Trượng	Phu,
Của	trên	rõ	ràng	ấy, phải	trượng	phu,
		增	廣	賢	文	
		Tăng	Quảng	Hiền	Văn	

Dịch nghĩa : Trong khi uống rượu mà ít nói, ấy thực là bậc quân tử. Trong khi dùng tiền bao giờ cũng phân minh, ấy thực là bậc trượng phu.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Rượu mà không nói lời hay,
Là bậc quân tử đang say đang ngẩn.
Xem, người xem chỗ dùng tiền.
Tiền tài mình bạch là hiền trượng phu.

措	所	學	于	所	行
Thố	Sở	Học	Vụ	Sở	Hành
Xếp đặt	nơi	học	đến	chỗ	làm
經	一	事	長	一	智
Kinh	Nhất	Sự	Trường	Nhất	Trí,
trải	một	việc	hơn	một	trí khôn,

左 傳

Sách Tả Truyện

Dịch nghĩa : Sinh bình mình học được những điều gì hay, thì nên đem ra thực hành. Người ta trải một lần biến cố thì lại thêm một phần trí khôn.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Bao nhiêu học hỏi công trình,
Đem ra thì thố mới thành khả năng.
Trải qua một việc khó khăn,
Mỗi lần trí tuệ lại tăng một phần.

貧	賤	是	苦	境	能
Bần	Tiền	Thì	Khổ	Cảnh,	Năng
Nghèo	hèn	là	khó	cảnh,	lòng

善	處	者	自	樂	富	貴
Thiện	Xử	Giả	Tự	Lạc,	Phu	Quý
khéo	xử	ấy	tự	vui,	giàu	sang

是	樂	境	不	善	處	者
Thì	Lạc	Cảnh	Bất	Thiện	Xử	Giả
là	vui	cảnh	chẳng	khéo	xử	người ấy

更	苦
Cảnh	Khó,
bền	khó,

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Nghèo hèn là một cảnh khổ, nhưng biết khéo xử thì lại thành ra vui, giàu sang là một cảnh vui, nhưng không khéo xử thì lại thành ra khổ.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Nghèo hèn cảnh khổ đã đành,
Người mà khéo xử lại thành cảnh vui.
Giàu sang cảnh thật dễ vui,
Nhưng không khéo xử lại eai là buồn.

勢	可	爲	惡	而	不
Thế	Khả	Vì	Ác	Nhì	Bất
Thế	khả	làm	ác	mà	chẳng
爲	即	是	善	力	可
Vì,	Tức	Thì	Thiện	Lực	Khả
làm,	bèn	ấy là	thiện	sức	làm
善	而	不	爲	即	是
Thiện,	Nhì	Bất	Vì	Tức	Thì
thiện	mà	chẳng	làm	tức	ấy là
					惡
					Ác,
					ác,
					格
					言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Gặp lúc có thể lực, có thể làm ác được mà không làm, thì tức là thiện rồi. Gặp lúc sức mình có thể làm những việc từ thiện được mà không làm tức là ác rồi.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Thế làm ác được không làm.
Tức là lòng thiện lại càng đáng yêu.
Sức làm thiện được bao nhiêu.
Không làm tức thì người điều ác rồi.

行	善	如	春	圓	之
Hành	Thiện	Như	Xuân	Huyền	Chi
Làm	thiện	như	xuân	vườn	của
草	不	見	其	長	日
Thảo,	Bất	Kiến	Kỳ	Trường	Nhật
cỏ,	chẳng	thấy	nó	lớn	ngày
					有
					Hữu
					có

所	增	行	惡	如	磨	刀
Sở	Tăng,	Hành	Ác	Như	Mà	Đao
chỗ	thêm,	làm	ác	như	mài	đao
之	石	不	見	其	消	日
Chi	Thạch,	Bất	Kiến	Kỳ	Tiêu	Nhật
của	đá,	chẳng	thấy	nó	mòn	ngày
有	所	損				
Hữu	Sở	Tồn				
có	chỗ	hao,				

格 言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Làm điều lành như cỏ vườn xuân, trông không thấy, mà ngày vùn lên thêm, làm điều ác như mài dao vào đá, trông không thấy mòn đi, mà ngày vùn mòn dần.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Làm lành như cỏ vườn xuân,
Trông không thấy lên, ngày dần dần thêm.
Làm ác mài dao đá mòn.
Trông không thấy khuyết ngày thêm mòn dần.

輕	諾	者	信	必	寡
Khinh	Nặc	Giả	Tín	Tất	Quả
Nhe	vàng dơ	ấy	tin	hẳn	ít.

面	是	者	背	必	非
Diện	Thì	Giả	Hối	Tốt	Phải
mặt	phải	ấy	lưng	tốt	trái,

明 心
Minh - Tâm

Dịch nghĩa : Người nào hay khinh xuất lời hứa, thì ít khi có tin nhiệm, người nào hay khen trước mặt, thì tất hay chê sau lưng.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Những người nhẹ dạ hứa xuống,
Giữ lời chẳng chắc thường được đầu,
Những người trước mặt khen nhau,
Sau lưng lại nói vung nhau cũng nhiều.

志	士	惜	日	短	愁	人
Chí	Sĩ	Tích	Nhật	Đoàn,	Sầu	Nhân
Bạc chí	sĩ	tiếc	ngày	ngắn,	sầu	người

知 夜 長
Tri Dạ Trường
biết đêm dài.

Dịch nghĩa : Người chí sĩ thường tiếc là ngày ngắn không đủ thì giờ để làm việc, người buồn không ngủ được nên mới biết là đêm dài.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Những người chí sĩ mưu toan,
Tiếc chưa xong việc ngày tàn đã qua,
Người buồn khi bóng xế tà,
Mới sầu dằng dặc đêm dài dài ghê.

君	子	富	好	行	其	德
Quân	Tử	Phú,	Hiếu	Hành	Kỳ	Đức,
Quần	tử	giàu,	muốn	làm	thừa	đức,

小	人	富	以	適	其	力
Tiểu	Nhân	Phú,	Đĩ	Thích	Kỷ,	Lực,
tiểu	người	giàu,	dùng	thích	thừa	sức,

二 味
Nhị Vị

Dịch nghĩa : Người quân tử ở cảnh giàu thì thích làm những việc có đức. Kẻ tiểu nhân ở cảnh giàu, thì chỉ hết sức làm những việc cùng xa cực dục.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Quân tử gặp cảnh giàu sang,
Thì đem đức độ cứu mạng cho đời.
Tiểu nhân cốt ở ngoài đời,
Được giàu chỉ thích chơi bời thỏa thuê.

賓	客	不	來	門	戶	俗
Tân	Khách	Bất	Lại	Môn	Hộ	Tục,
Bạn	khách	chẳng	lại	cửa	ngõ	tục,

詩	書	不	教	子	孫	愚
Thi	Thư	không	Giáo	Tử	Tôn	Ngũ
thi	thư	chẳng	dạy	con	cháu	ngu,
				明	心	
				Minh	Tâm	

Dịch nghĩa : Nhà nào mà không hay có khách khứa đến chơi thì nhà cửa có vẻ tẻ, ít phần thanh nhã. Có thì thư mà không dạy con cháu học thì con cháu thành ngu dốt.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Những nhà ít khách ra vào.
Là nhà tẻ phá ới nào kẻ chi?
Trong nhà sẵn có lễ thì.
Cháu con không dạy ngu si suốt đời.

水	至	清	則	無	魚	人
Thủy	Chi	Thanh	Tắc	Vô	Ngư,	Nhân
Nước	rất	trong	thời	không	cá,	người
至	察	則	無	徒		
Chỉ	Sát	Tắc	Vô	Đồ.		
rất	xét	thời	không	bạn.		

古	文
Cổ	Văn

Dịch nghĩa : Nước trong quá thì không có cá, người hay xét nét quá lắm thì không có đủ đẳng không có người giúp việc.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nước trong leo lẻo cá đàn.
Người qua xét nét dễ hầu có đàn.
Người trên rộng lượng thì hơn,
Bớt lòng tìm vết thì thương đang chế.

屈	己	者	能	處	衆	好
Khuất	Kỷ	Giả.	Năng	Nữ	Chung,	Hiền
Khuất	minh	ấy.	hay	xử trí	chàng,	muốn
勝	者	必	遇	敵		
Thắng	Giả,	Tất	Ngộ	Địch.		
hơn	ấy.	ắt	gặp	địch.		

Dịch nghĩa : Xử sự mà chịu khuất mình thì ở với ai cũng được. Nếu giữ cái nết kiêu căng, thì thường gặp những hạng hay đối địch với mình.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nhún nhường chịu khuất mình đi.
Đến khi xử trí ai thì cũng ưa.
Những người hiền thắng từ xưa.
Gặp tay địch thủ hẳn chưa dễ mà.

路	遙	知	馬	力
Lộ	Dao	Tri	Mị	Lực,
Đường	xa	biết	ngựa	sức,
事	久	見	人	心
Sự	Cửu	Kiến	Nhân	Tâm,
Việc	lâu	thấy	người	lòng
增	廣	賢	文	
Bồi	Tăng	Quảng	Hiền	Văn

Dịch nghĩa : Có đi đường xa mới biết được sức ngựa. Có trải việc đời lâu mới biết được hạng người ta.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Đường xa biết sức ngựa ngay.
Việc lâu mới biết kẻ hay người kém.
Ở đời càng trải mới quen.
Vừa qua lúc mới chớ nên vội bàn.

意	粗	性	躁	一	事
Ý	Thô	Tính	Táo,	Nhất	Sự
ý	thô	tính	nóng,	một	việc
無	成	心	平	氣	和
Vô	Thành,	Tâm	Bình	Khi	Hòa
không	thành,	lòng	bằng	khí	hòa
祥	駢	集			
Tường	Biên	Tập			
lành	liên	hợp			

格言

Sách Cách Ngôn

Dịch nghĩa : Những người thô莽, nóng nảy thì chủ làm nên được việc gì. Những người tâm khí hòa bình, thì làm gì cũng hay.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Những người nóng nảy thô sơ,
Suốt đời làm việc không bao giờ thành.
Những người tâm khí hòa bình,
Gặp nhiều may mắn tốt lành biết bao.

小	人	專	望	人	恩	恩
Tiểu	Nhân	Chuyên	Vọng	Nhân	Ân,	Ân
Kẻ tiểu	nhân	chăm	mong	người	làm ơn,	ơn
過	不	感	君	子	不	輕
Quá	Chẳng	Cảm,	Quân	Tử	Bất	Khinh
qua	chẳng	cảm,	quân	tử	chẳng	khinh

受	人	恩	受	則	難	忘
Thu	Nhân	Ân,	Thu	Tác	Nan	Vương
chịu	người	ơn,	chịu	thì	khó	quên
					擴	識
					Khoảng	Thức

Dịch nghĩa : Kẻ tiểu nhân chỉ chăm mong người ta làm ơn cho, nhưng khi đã chịu ơn rồi, thì không cần nhớ ơn nữa. Người quân tử không khinh dị chịu ơn ai, nếu khi có chịu ơn ai, thì không bao giờ quên.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Tiểu nhân chỉ chờ mong ơn,
Qua rồi chẳng nghĩ biết ơn chút nào.
Quân tử giữ vẻ thanh cao,
Không khinh-dị chịu kẻ nào làm ơn.
Nếu khi có phải chịu ơn,
Suốt đời để dạ khó quên được nào.

貧	賤	生	勤	儉	勤
Bần	Tiền	Sinh	Cần	Kiệm	Cần
Nghèo	hèn	sinh ra	siêng năng,	siêng nhặt,	siêng năng,

儉	生	富	貴	富	貴	生
Kiệm	Sinh	Phú	Quí	Phú	Quí	Sinh
siêng nhặt	sinh ra	giàu	sang	giàu	sang	sinh ra

驕	奢	驕	奢	生	貧	賤
Kiêu	Xa,	Kiên	Xa	Sinh	Bần	Tiểu
kiêu ngạo	xa hoa	kiên ngạo	xa hoa	sinh ra	nghèo	hèn

格言
Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Nghèo hèn thì sinh ra cần kiệm, cần kiệm thì sinh ra giàu sang. Giàu sang lại sinh ra kiêu kỳ xa hoa, kiêu kỳ xa hoa lại sinh ra nghèo hèn.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nghèo hèn nên phải siêng năng.
Siêng năng người ấy tất hăng giàu sang.
Rồi sinh xa xỉ tiêu hoang.
Lại lâm vào cảnh bần hàn như xưa.
Trong vòng luân quần không ngớt.
Ai mà biết được liệu cơ giữ gìn.

有	才	而	性	緩	定
Hữu	Tài	Nhĩ	Tính	Hoãn,	Định
Có	tài	mà	tính	hoãn,	Định

屬	大	才	有	智	而	氣
Tuộc	Đại	Tài,	Hữu	Trí	Nhĩ	Khí
thuộc	lớn	tài,	có	khôn	mà	khí

和	斯	爲	大	智
Hòa,	Tư	Vì	Đại	Trí,
hòa,	ấy	làm	lớn	khôn,

格言
Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Những hạng người tài mà tính khí hòa hoãn ấy là bậc đại tài. Những hạng người khôn ngoan mà khí hóa ôn hòa, ấy là bậc đại trí.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Có tài tình tình thông đạt.
Người tư cách ấy là trọng đại tài.
Khôn ngoan chỉ khi hòa hoãn.
Là bậc đại trí để ai sánh bằng.

仁	人	心	地	寬	舒
Nhân	Nhân	Tâm	Địa	Khoan	Thư,
Bậc nhân	người	tâm	địa	rộng	rãi,

事	事	有	寬	舒	氣	象
Sự	Sự	Hữu	Khoan	Thư	Khí	Tượng
việc gì	việc ấy	có	rộng	rãi	khí	tượng

故	福	集	而	慶	長	鄙
Cố	Phúc	Tập	Nhĩ	Khánh	Trường	Bỉ
cho nên	phúc	hợp	mà	phúc	dài,	kẻ bỉ phu

夫	胸	懷	苛	刻	事	事
Phu	Hung	Hoài	Hà	Khắc	Sự	Sự
phu	lòng	giữ	hà	khắc	việc gì	việc ấy
以	苛	刻	爲	能	故	祿
Đĩ	Hà	Khắc	Vì	Năng	Cố	Lộc
đúng	hà	khắc	làm	hay	cho nên	lộc
薄	而	澤	短			
Bạc	Nhi	Trạch	Đoản			
mỏng	mà	ơn	ngắn			

格言聯璧

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Người nhân tâm địa bao giờ cũng thư thái, nên làm việc thường có độ lượng khoan hồng, cho nên hưởng phúc được lâu dài.

Kẻ bỉ phu thì bao giờ bụng dạ cũng hẹp hòi, nên làm việc gì cũng lấy hà khắc làm hay, cho nên dù có được hưởng lộc vị cũng bạc bẽo mà không được bao lâu.

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Người nhân tâm địa khoan hồng,
 An nhàn khi tượng tâm lòng thủy chung.
 Cho nên phúc khánh trùng trùng,
 Giàu sung thọ khảo ứng dụng suốt đời.
 Bỉ phu bụng dạ hẹp hòi,
 Nhỏ nhen hà khắc cậy tài cậy hay,
 Cho nên ít gặp vận may,
 Dù có hưởng lộc xưa nay không bền.

融	得	性	情	上	偏
Dong	Đắc	Tính	Tình	Thượng	Thiên
Tan	được	tính	ình	trên	lên
私	便	是	大	學	問
Tư	Tiền	Thị	Đại	Học	Vấn
riêng	bền	ấy là	đại	học	vấn,
得	家	庭	中	嫌	隙
Đắc	Gia	Đình	Trung	Hiềm	Khích
được	nhà	cửa sản	trong	hiềm	khích
是	大	經	緯		
Thị	Đại	Kinh	Luân		
là	Bách đại	kinh	luân,		

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Làm tan được sự thiên tư trong tính tình, ấy là một bậc có học vấn lớn. Làm khỏi được sự hiềm khích trong gia đình ấy là một bậc có kinh luân lớn.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Dung hòa được bụng thiên tư,
 Bậc đại học vấn có dư tính tình.
 Tiễn được hiềm khích gia đình,
 Kinh luân bậc ấy mới thành người hay.



TRẦN-VŨ-ĐẾ, LƯƠNG-VŨ-ĐẾ, TỀ-CAO-ĐẾ
TÔNG-VŨ-ĐẾ, TUY-VĂN-ĐẾ, ẨM-VŨ-ĐẾ

博愛第十五篇

BÁC ÁI ĐỆ THẬP NGŨ THIÊN

當 厄 之 施 甘 於
Đương Ạch Chi Thi Cam ư
Đương tại ạch chung ra ngọt ở

時 雨 傷 心 之 語 毒
Thời Vũ Thương Tâm Chi Ngữ Độc
lúc mưa, đau lòng chung lời nói, độc

於 陰 冰
Ư Âm Băng
ở âm giá.

格言聯璧

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Làm ơn cho người ta trong khi túng thiếu, thì không khác gì đương trong cơn đại hạn mà gặp được trận mưa rào. Mỗi khi nói điều đau đớn như đâm vào ruột người ta, thì không khác gì như giá lạnh buốt đến xương tủy.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Giúp nhau trong lúc nguy nan.
Khắc nào đại hạn gặp cơn mưa rào.
Đau lòng câu nói biết bao.
Độc hơn giá lạnh thấm vào thịt xương.

以	恕	己	之	心	恕	
Đi	Thù	Kỷ	Chi	Tâm	Thù	
Đem	thù	minh	mà	lòng	thù	
人	則	全	交	以	責	人
Nhân	Tắc	Toàn	Giao,	Đi	Trách	Nhân
người	thời	toàn	giao	dùng	trách	người
之	心	責	己	則	寡	過
Chi	Tâm	Trách	Kỷ	Tắc	Quả	Quả
cái mà	lòng	trách	minh	thời	ít	lỗi,
		格	言	聯	璧	
		Sách	Cách - Ngôn	Liên - Bích		

Dịch nghĩa : Đem lòng khoan thứ cho mình mà khoan thứ cho người, thì sẽ toàn được giao đạo. Đem lòng trách người mà trách mình, thì sẽ ít được những sự nhầm lẫn

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Lòng tha mình để tha người.
Cảm thông như thể bạn bè toàn giao.
Trách mình trước, trách người sau.
Mình đã ít lỗi, bạn hầu vui chơi.

✍

存養第十六篇

TỒN DƯỠNG ĐỀ THẬP LỤC THIÊN

留	福	與	兒	孫	未	
Lưu	Phúc	Đư	Nhi	Tôn,	Vì	
Đề	phúc	cho	con	cháu,	chưa	
必	盡	黃	金	白	銀	種
Tất	Tận	Hoàng	Kim	Bạch	Cường,	Chủng
hẳn	hết thầy	vàng	vàng	trắng	quan tiền,	giống
心	爲	產	業	由	來	皆
Tâm	Vì	Sản	Nghiệp	Do	Lai	Giai
lòng	lắm	sản	nghiệp	bởi	lại	đều
美	宅	良	田			
Mỹ	Trạch	Lương	Điền,			
đẹp	nhà	tốt	ruộng,			

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Đề phúc cho con cháu, cũng chưa hẳn hết thầy như đề dành vàng gói bạc không bao giờ hết.
Giữ tâm lòng tốt làm sản nghiệp, rồi nhà sang ruộng tốt đều ở đấy mà ra cả.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Phúc lành để lại cháu con.
Còn hơn bạc chứa vàng chôn đầy nhà.
Vun giồng sản nghiệp của ta.
Nhà cao ruộng tốt gốc là lương tâm.

- 142 -

Giữ, đức, lòng từ
trách tại, làm phúc họ

少	成	若	天	性	也	習
Thiểu	Thành	Nhược	Thiên	Tính	Dã	Tập
Trẻ	Thành	bằng	trời	hình	vậy	tập

慣	若	自	然	也
Quán	Nhược	Tự	Nhiên	Dã
quen	bằng	tự	nhiên	vậy

擴 識

Khoảng - Thử

Dịch nghĩa : Người ta lúc mới sinh ra, nguyên là tính trời phú cho, sau mình học tập hay làm cái gì lâu quen đi thì thành tự nhiên.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Trẻ thơ trời phú tính mình,
Tập tành quen mãi lâu thành tự nhiên.

世	事	讓	三	分	天
Thế	Sự	Nhượng	Tam	Phân	Thiên
Đời	việc	nhường	ba	phần	trời

空	地	闊	心	田	培	一
Không	Địa	Khoát	Tâm	Điền	Hồi	Nhất
cao	đất	rộng,	Tâm	ruộng	vuốt thêm	một

點	子	種	孫	收
Điểm	Tử	Chủng	Tôn	Thu
điểm	con	giống	cháu	gặt.

格 言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Việc đời mình chịu nhún nhường, vài ba phần, thì lòng mình tự thấy khoan khoái, như ở nơi trời cao đất rộng. Tâm điền mình bồi bổ được một đôi phần, thì đời con cháu, là đời cháu được giữ ngày.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Việc đời nhường nhịn ba phần,
Trời cao đất rộng đầy phần vị tha.
Tâm điền bồi bổ thêm ra,
Đề cho con cháu cháu đủ giữ ngày.

有	補	於	天	地	曰
Hữu	Bổ	Ư	Thiên	Địa	Viết
Có	bổ ích	đôi với	trời	đất	gọi là

功	有	關	於	世	教	曰
Công,	Hữu	Quan	Ư	Thế	Giáo	Viết
công,	có	quan hệ	đôi với	đời	đạo	gọi là

名	有	學	問	曰	富	有
Danh,	Hữu	Học	Vấn	Viết	Phù,	Hữu
danh,	có	học	hỏi	gọi là	giàu,	có

廉恥曰貴是之謂
 Liêm Sĩ Việt Quý Thĩ Chi Vĩ
 ngay thẳng rầu hổ gọi là
 gọi là

功名富貴
 Công Danh Phú Quý
 công danh phú quý

格言聯璧

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Có bề leh cho trời đất gọi là công. Có quan hệ cho thế giáo gọi là danh. Có học vấn gọi là phú. Có liêm sỉ gọi là quý, nên người ta thường nói là : Công, Danh, Phú, Quý.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Giúp cho trời đất là công.
 Quan hệ thế giáo mới hòng có danh.
 Giàu về nghĩa lý học hành.
 Sang biết liêm sỉ giữ mình mới sang.
 Công, danh, phú, quý, về vang.

賢人多財損其志
 Hiền Nhân Đa Tài Tồn Kỳ Chí
 Bậc hiền người nhiều của tồn thừa chí

愚人多財益其過
 Ng愚人 Đa Tài Ich Kỳ Quá
 Ng愚人 người nhiều của thêm thừa lỗi

性理

Sách Tính - Lý

Dịch nghĩa : Người hiền mà nhiều của, cũng có hại đến chí hướng của mình. Kẻ ngu nhân mà nhiều của, chỉ thêm nhiều tội lỗi mà thôi.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Người hiền nhiều của thêm lo.
 Lo về chí hướng khó cho ững vàng.
 Kẻ ngu nhiều của sinh can.
 Xa hoa phóng túng càng mang lỗi nhiều.

心安茅屋穩性
 Tâm An Mao Ốc Ổn Tính
 Lòng yên nhà gèn. tính

定菜根香世事靜
 Định Thái Căn Rễ Hương Thế Sự Tĩnh
 định thái rau rễ thơm. đời việc lòng

方 見 人 情 淡 始 長
 Phương Kiến Nhân Tình Đạm Thủy Trường
 mới thấy, người tình một lâu.

明 心
 Sách Minh - Tâm

Dịch nghĩa : Lòng mình yên thì ở nhà gianh cũng yên, tình mình đạm thì ăn rau cũng thơm. Việc đời có tình mới dễ thấy, nhân tình cứ nhân nhạt thoang thoang thì mới được lâu dài.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Lòng yên nhà ở yên,
 Tình đạm ăn rau đến cũng thơm.
 Việc đời tình mới dễ xem,
 Nhân tình thoang thoang càng thêm lâu dài.

見 富 貴 而 生 諂
 Kiến Phú Quý Nhĩ Sinh Xiểm
 Thấy giàu sang mà sinh nịnh

容 者 最 可 耻 也 過
 Dung Giả Tối Khả Si Dĩ Ngộ
 đang ấy, cái đang xấu hổ vậy, gặp

貧 窮 而 作 驕 態 者
 Bần Cùg Nhĩ Tác Kiêu Thái Giả
 nghèo cùng mà làm kiêu ngạo

賤 莫 甚 焉
 Tiện Mạc Thâm Yếu
 hèn chẳng gì quá hơn

朱 子 格 言
 Bài Chu - Tử Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Thấy người phú quý mà ra vẻ xiểm nịnh thì rất đáng xấu hổ. Gặp người bần cùng mà ra dáng kiêu ngạo thì là một tư cách rất hèn.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Người đời dựa mình giàu sang,
 Là một thói xấu nói càng đáng sợ.
 Thấy người bần tiện xúc xú,
 Ra chiều kiêu ngạo thật là đáng khinh.

要 好 兒 孫 須 方
 Yếu Hảo Nhĩ Tôn Tu Phương
 Cần tốt trẻ con, nên

寸 中 放 寬 一 步 欲
 Thốn Trung Phương Khuan Nhất Bù Dục
 tấc trong buông rộng một bước muốn

成 家 業 宜 凡 事 上
 Thành Gia Nghiệp Nghi Phạm Sự Thượng
 nên nhà nghiệp nên hết việc trên

喫 虧 三 分
 Khiet Khuỷ Tam Phấn.
 ăn thiếu ba phần.
 (chịu thiệt)

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Muốn cho con cháu hay, thì trong bụng mình phải ăn ở, rộng rãi ra một chút. Muốn được thành cơ nghiệp, thì việc gì mình cũng phải chịu thiệt hai ba phần.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Muốn cho con cháu ra người,
 Tâm diên dễ dãi được thời mới hay,
 Gia nghiệp ta muốn dựng xây,
 Gặp việc phải chịu thiệt hai ba phần.

人 身 之 所 重 者
 Nhân Thân Chi Sở Trọng Giả
 Người ta mình chuộng chỗ ấy là

元 氣 國 家 之 所 重
 Nguyên Khí Quốc Gia Chi Sở Trọng
 Nguyên khí, nước nhà chuộng trọng

者 人 才
 Giả Nhân Tài.
 ấy là người tài.

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Trong thân thể người ta, quan trọng nhất là ở nguyên khí, nếu không có khí thì không sao sống được. Cũng như nhà nước thì trọng nhất là ở nhân tài, nếu không có nhân tài thì nước không thể trị được.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Thân người mà được khỏe khoắn,
 Là nhờ nguyên khí lưu thông chu tuần,
 Quốc gia mà được phú cường,
 Là nhờ những bậc cột rường tài ba.

衰 後 罪 孽 都 是
 Suy Hậu Tội Nghiệt Đều Thị
 Suy yếu môn sau tội lỗi muôn ác đều là

盛 時 作 的 老 來 疾
 Thịnh Thời Tác Đích Lão Lai Tật
 Thịnh vượng lúc tác đắc thực đắc, già lúc tật đau

病 都 是 壯 年 招 的
 Bệnh, Đều là trai trẻ tuổi gây thực

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Người ta ở đời, tội nghiệt sau khi sa sút, đều do lúc thịnh thời mình làm ra. Đến khi già hay sinh ra tật bệnh, cũng đều do lúc còn trẻ tự mình gây ra cả.

Sách Cách-Ngôn Liên-Bích

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Hồi say mới tới kéo dài.
 Là do lúc thịnh ác tại đã nhiều,
 Khi già tật bệnh bao nhiêu.
 Là do lúc trẻ quá chiều ăn chơi.

大 事 難 事 看 擔 當
 Đại Sự Nan Sự Khán Đảm, Đang,
 To, lớn việc khó việc xem gánh phũ

逆 境 順 境 看 襟 度
 Nghịch Cảnh Thuận Cảnh Khán Khâm Độ
 Nghịch cảnh thuận cảnh xem bụng dạ người lượng

臨 喜 臨 怒 看 涵 養
 Lâm Hỷ Lâm Nộ Khán Hàm Dưỡng
 đến, tới mừng tới, đến giận xem thấm thía nuôi

羣 行 羣 止 看 見 識
 Quần Hành Quần Chỉ Khán Kiến Thức
 bầy đi bầy đứng, thôi xem thấy biết

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Có gặp việc lớn, việc khó, thì mới biết cái tài đảm đang hơn người hay không. Có gặp những nghịch cảnh thuận cảnh, thì mới biết cái đo lường hơn người hay không? Có gặp lúc mừng lúc giận thì mới biết cái bụng hàm dưỡng của người ta. Có xem những lúc đi, đứng ăn ở với người khác, thì mới biết cái kiến thức của người ta.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Việc nào khó việc nào to.
 Đám đông xem cả mới biết làm.
 Nghịch không nản, thuận không huan.
 Thử xem tâm địa ruột gan thế nào?
 Mừng chán chỗ giận gặt gao.
 Thử xem hóm đường được bao nhiêu rồi.
 Bạn đi đứng bạn nằm ngồi.
 Thử xem kiến thức hơn người hay không?

求知第十七篇

CẦU TRI ĐỆ THẬP THẤT THIÊN

物	必	先	腐	也	而
Vật	Tất	Tiền	Hủ	Rã,	Nhi
Vật	ất	trước	nát	vậy,	mà
後	蟲	生	之	人	必
Hậu	Trùng	Sinh	Chi,	Nhân	Tất
sau	sâu	sinh	đấy,	người	ất
疑	也	而	後	讒	入
Nghi	Rã	Nhi	Hậu	Sàm	Nhập
ngờ	vậy,	mà	sau	dèm	vào
				蘇	軾

Lời ông Tô - Chưc.

Dịch nghĩa : Vật có thời nát thì giới họ mới sinh được, người ta có lòng ngờ vực trước, thì những lời dèm pha mới lọt vào tai được.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Vật kia có mục nát rồi,
Thì sau một mới lần hồi sinh ra.
Nghĩ mực trước ở lòng ta,
Thì mới có kẻ dèm pha lọt vào.

小	人	亦	有	好	處
Tiểu	Nhân	Diệc	Hữu	Hảo	Xử
Nhỏ	người ta	cũng	có	tốt	chỗ,

不	可	惡	其	人	並
Bất	Khả	Ô	Kỳ	Nhân	Tinh
chẳng	nên	ghét	thừa	người	điều

其	是	君	子	亦	有
Kỳ	Thị,	Quân	Tử	Diệc	Hữu
thừa	phải,	quân	tử	cũng	có

差	不	可	好	其	人
Sai,	Bất	Khả	Hảo	Kỳ	Nhân,
lầm,	chẳng	nên	gét	thừa	người,

飭	其	非
Sức	Kỳ	Phi.
che đậy	thừa	trái.

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Kẻ tiểu nhân cũng có chỗ tốt, không nên ghét nó mà bỏ điều tốt của nó ? Người quân tử cũng có lúc có nhầm lẫn, không nên vì yêu người mà che đậy sự trái thì mới công bằng.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Tiểu nhân cũng có điều hay.
Người tuy đáng ghét việc này nên khoan.
Quân tử cũng có sai khiên.
Chớ vì người tốt mà quên lỗi lầm.

推 古 驗 今 所 以
 Suy Cũ Nghiệm Kim Sở Dĩ
 Suy đời xưa nghiệm đời nay nhân đó mà

不 惑 欲 知 未 來 先
 Bất Hoắc Dục Tri Vị Lai Tiên
 chẳng hoặc ngại muốn biết chưa lại trước

察 己 往
 Sát Dĩ Vãng
 xét đã qua.

明 心

Sách Minh - Tâm

Dịch nghĩa : Biết suy việc đời xưa, để nghiệm việc đời nay, thì không hao giờ mà quáng. Muốn biết việc chưa tới, thì trước nhất phải xét những việc đã qua.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Suy đời xưa nghiệm đời nay.
 Thì không đến nỗi nhầm sai việc gì.
 Việc đời muốn biết trước khi.
 Xét qua kinh nghiệm lần thì rõ ngay.



HÂN-CHIÊU-LIỆT, HÂN-CAO-TÔ
 HÂN-QUANG-VŨ

勵志第十八篇

LỆ CHÍ ĐỆ THẬP BÁT THIÊN

知 人 者 智 自 知 者

Tri Nhân Giả Tri Tự Tri Giả
Biết người ấy khôn tự biết ấy

明

Minh
sáng suốt.

性 理

Sách Tính - Lý

Dịch nghĩa : Ở đời biết được người hay, người dở, ấy là người khôn. Minh tự biết mình hay, hay dở, cũng là người sáng suốt.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Biết người hay dở là khôn
Biết mình hay dở lại còn là minh
Chẳng biết người chẳng biết mình
Vu vơ á các kẻ khinh người cười

人 老 心 未 老 人 窮
Nhân Lão Tâm Vị Lão Nhân Càng
Người già lòng chưa già người càng

志 莫 窮
Chí Chẳng Càng
chỉ chẳng càng.

增 廣 賢 文

Bài Tăng Quảng Hiền Văn

Dịch nghĩa : Người già nhưng lòng không già, vẫn có chí tấn thủ để giúp đời. Người ta giúp lúc còn quần chưa đạt nhưng chí dưng càng, cứ hăng hái luyện rèn, sao cũng có lúc gặp thời để mà phát triển.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Người già nhưng bụng chưa già.
Gắng lòng tiến thủ đem ra giúp đời.
Khốn cùng khi chưa gặp thời
Chớ nản nản chí sau rồi có phen.

心 慎 雜 欲 則 有
Tâm Thận Tạp Dục Tác Hữu
Lòng cẩn thận lẫn lộn muốn thì có

餘 靈 目 慎 雜 見 則
 Dư Linh Mục Thận Tạp Kiến Tế
 thừa thiêng mắt kín đáo lẫn lộn thấy thì

有 餘 明
 Hữu Dư Minh
 có thừa sáng

格 言 聯 璧

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Lòng mình đừng nghĩ tập nham, thì tự
 linh tinh lúc nào cũng dư thừa. Mắt ta đừng có trông bậy, thì
 tự nhiên nhãn lực lúc nào cũng sáng suốt.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Lòng ta kiêng bớt dục tình.
 Tinh thần đầy đủ tinh linh đổi dời.
 Mắt kiêng xem bậy khỏi hao.
 Tinh anh sáng suốt để vào việc hay.

水 之 流 也 習 而
 Thủy Chi Lưu Dĩ Tập Nhi
 Nước chảy vậy quen mà

不 已 以 成 大 川 人
 Bất Dĩ Dĩ Thành Đại Xuyên Nhân
 chẳng thôi để mà nên lớn sông người

之 學 也 習 而 不 已
 Chi Học Dĩ Tập Như Bất Dĩ
 chừng học vậy quen như chẳng thôi

以 成 大 賢
 Dĩ Thành Đại Hiền
 để mà nên đại hiền

性 怯 理

Sách Tính Lý

Dịch nghĩa : Nước chảy mãi mà không thôi, thì lâu
 thành sông lớn. Người học mãi mà không thôi, thì thành bậc
 đại hiền.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nước mà chảy mãi không thôi.
 Chứa thành sông lớn lâu rồi hóa to.
 Người mà học mãi chân lư.
 Lâu ngày đạt tới quý mà đại hiền.

世 上 無 難 事 人 心
 Thế Thượng Vô Nan Sự Nhân Tâm
 Đời trên không khó việc người ta lòng

自 不 堅
 Tự Bất Kiên
 tự mình chẳng bền

增 廣 賢 文

Tăng Quảng Hiền Văn

Dịch nghĩa : Ở đời không có việc gì khó cả, chỉ tại
 người ta không chịu kiên gan mà làm thôi.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Việc đời có khó gì đâu.
 Mình không kiên nhẫn để lâu khó nên.
 Nên ta cần chỉ cho bền.
 Chớ có lui bước tự nhiên cũng thành.

不 自 反 者 看 不
Bất Tự Phản Giả Khán Bất
Chẳng Tự xét lại ấy xem chẳng

出 一 身 病 痛 不 耐
Xuất Nhất Thân Bệnh Đau Bất Nại
ra một mình bệnh tất đau đớn, chẳng chịu

煩 者 做 不 成 一 件
Phiền Giả Tổ Bất Thành Nhất Kiện
phiền ấy tổ bất thành nhất cái

事 業
Sự Nghiệp.
việc sự nghiệp.

格言聯璧

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Những người không chịu để ý xét mình, thì không bao giờ biết được nét xấu của mình. Những người không chịu quen được những sự phiền phức, thì suốt đời không làm nên được sự nghiệp gì.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Người không tự xét lại mình,
Thì không biết được lỗi mình ở đâu.
Người không gan dạ bền lâu,
Một đời sự nghiệp dễ hầu chẳng nên.

世 路 風 霜 吾 人
Thế Lộ Phong Sương Ngô Nhân
Đời đường gió sương, ta người

鍊 心 之 境 也 世 情
Luyện Tâm Chí Cảnh Dã Thế Tình
luyện lòng chí cảnh vậy, đời tình

冷 煖 吾 心 忍 性 之
Lãnh Nhiệt Ngô Tâm Nhẫn Tính Chí
lạnh ấm, nóng ta lòng nhẫn tính, chẳng

地 也
Địa Dĩ.
đất, chốn vậy.

格言聯璧

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Đường đời có gặp những sự éo le, ấy là cái hoàn cảnh để cho người ta rèn luyện tâm tính. Thói đời hay nóng lạnh, ấy là cái trường hợp để cho người ta nhẫn nại cho thành người lịch duyệt vậy.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Đường đời giông tố sương sa,
Lòng ta luyện lọc hóa ra tính trường.
Thói đời nóng lạnh thất thường,
Lòng ta nhẫn nại là đường vĩnh quang.

持躬第十九篇

TRÌ CUNG ĐỆ THẬP CỬU THIÊN

省	費	醫	貧	彈	琴
Tỉnh Đời	Phi phí	Y chữa	Bào, nghèo,	Đàn gảy	Cầm đàn
醫	躁	獨	卧	醫	淫
Y chữa	Tào, vội, nóng,	Độc mọi	Ngọa nằm	Y chữa	Dâm, dâm dục,
飲	醫	愁	讀	書	醫
Àm uống	Y chữa	Sầu, sầu,	Độc đọc	Thư sách	Y chữa
寡	慾	醫	心		
Quả ít	Dục lòng muốn	Y chữa	Tâm, lòng,		

格言聯璧

Cách - Ngôn - Liên - Bích

Dịch nghĩa : Muốn chữa bệnh nghèo, thì nên bớt những sự tiêu pha hoang phí. Muốn chữa tình nóng nảy thì nên chơi dẫu để đi dưỡng tính tình. Muốn chữa sự dâm dục, thì nên nằm một mình. Muốn chữa sâu thì nên uống rượu say, nên. Muốn chữa tục thì nên đọc sách. Muốn chữa cái tâm mình thì nên ít thị dục.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Hết tiêu xa phí chữa nghèo.
Chữa tình nóng nảy hãy theo tiếng đàn.
Muốn xa sắc dục dâm hoang.
Chỉ bằng độc tức là phương nhiệm mầu.
Độc Rượu khi uống để giải sầu.
Độc sách chữa tục là của cổ truyền.
Chớ nên sắc dục thêm phiền.
Khóan dung thư thái giữ gìn chữ tâm.

有	事	如	無	事	鎮	定
Hữu Có	Sự việc	Như như	Vô không	Sự, việc,	Trấn trấn	Định định
方	可	消	局	中	之	危
Phương mới	Khả khả	Tiên tiên	Cục cục	Trung trong	Chung chung	Nguy, nguy,
無	事	如	有	事	提	防
Vô không	Sự việc	Như như	Hữu có	Sự, việc,	Đề đề	Phòng phòng
纔	可	拜	意	外	之	變
Tài xảy	Khả khả	Nhĩ nên	Y ý	Ngoại ngoại	Chi chương	Biến biến

二味

Sách Nhị Vị

Dịch nghĩa : Lúc có việc thì mình phải trấn định như là lúc không có việc, chớ có hoang mang, thì mới thoát được những sự nguy hiểm. Lúc vô sự mình cũng cần đề phòng như những lúc xảy ra việc, thì mới tránh được mọi sự biến cố có thể xảy ra những khi không ai ngờ.

Sách Nhị Vị

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Có việc trấn tĩnh như không.
Mới hay thoát được nguy vong bất kỳ.
Dù khi không có việc gì.
Cũng nên phòng bị khỏi bề tai ương.

經	一	番	挫	折	長
Kinh	Nhất	Phiên	Tỏa	Chiết	Trường
Trải	một	phen	đập	gãy	nhơn

一	番	見	識	容	一	番
Nhất	Phiên	Kiến	Thức	Dung	Nhất	Phiên
một	phen	kiến	thức	chứa đựng	một	phen

橫	逆	增	一	番	器	度
Hoành	Nghịch	Tăng	Nhất	Phiên	Khi	Độ
ngang	ngược	thêm	một	phen	đồ	độ

格 言 聯 璧

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Người ta ở đời, hề bị một phen tỏa chiết, thì lại thêm một phen hiểu biết ra. Qua một phen bị hoành nghịch, thì khi độ mình lại thêm cao lên.

Sách Cách-Ngôn Liên-Bích

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Việc đời tỏa chiết một phen.
Thì phần kiến thức lại thêm tinh thần.
Trải qua ngang ngược một lần.
Lại thêm khi độ mảy phần thêm lên.

智	者	千	慮	必	有
Trí	Giả	Thiên	Lự	Tất	Hữu
Khôn	ng	nghìn	nghĩ	hẳn	có

一	失	愚	者	千	慮	必
Nhất	Thất	Ngu	Giả	Thiên	Lự	Tất
một	lỗi	ngu	ng	nghìn	nghĩ	hẳn

有	一	得
Hữu	Nhất	Được
có	một	được.

漢 書

Sách Hán - Thư

Dịch nghĩa : Người khôn thì ngàn điều tất cũng có một điều nhầm. Người ngu thì ngàn điều tất cũng có một điều phải.

GIAI NGHĨA VĂN VẦN

Người khôn khôn đến tuyệt vời
Nghìn điều tất cũng một vài điều sai.
Người ngu dốt chẳng có tài.
Nghìn điều tất có một vài điều hay.

事	在	人	為	而	成
Sự	Tại	Nhân	Vì	Nhi	Thành
Việc	ở	người	lần,	mà	hẳn
之	者	天	福	從	天
Chi	Giả	Thiên	Phúc	Tòng	Thiên
chúng	ng	giời.	phần	lời	trời

而	召	之	者	人
Nhĩ	Triệu	Chi	Giả	Nhân.
mà	vời	chưng	ấy	người.

二 味

Sách Nhị - Vị

Dịch nghĩa : Việc thì do người ta làm ra, nhưng thành hay không thành cũng do một phần ở trời, Hạnh phúc do trời ban cho nhưng được hưởng phúc là do ở người có làm điều phải thì mới được phúc lành.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Việc đời bởi người làm ra.
 Nên chăng trời có giúp ta mới thành.
 Phải Chờ trời ban xuống phúc lành.
 Những người nào có lòng thành mới nên,

愛	人	不	親	反	其
Ái	Nhân	Bất	Thân	Phản	Kỳ
Yêu	người	chẳng	thân	trở lại	thừa

仁	治	人	不	治	反	其
Nhân.	Trị	Nhân	Bất	Trị	Phản	Kỳ
nhân.	trị	người	chẳng	trị	trở lại	thừa

智	禮	人	不	答	反	其
Trí	Lễ	Nhân	Bất	Đáp	Phản	Kỳ
trí khôn	lễ	người	chẳng	đáp	trở lại	thừa

敬	行	有	不	得	皆	反
Kính	Hành	Hữu	Bất	Đắc	Giới	Phản
kính	làm	có	chẳng	được,	đều	trở lại

求	諸	己
Cầu	Chư	Kỷ.
tìm	chưng	mình.

性 理

Sách Tính - Lý

Dịch nghĩa : Mình yên người mà người vẫn không thân với mình, thì mình phải xét lại xem mình ăn ở đã phải đạo nhân chưa ? Mình trị người mà người không chịu phục sự cai trị của mình thì mình phải xét lại xem mình đã được là người trị chưa. Mình giữ lễ với người, mà người ta không đáp lễ lại, thì mình xét xem mình đã hết lòng kính thành chưa ? Làm việc gì mà chưa được, thì cần xét lại mình là hơn.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Thân người, người lại chẳng thân.
 Xét mình xem chữ đức nhân thế nào ?
 Trị người người chẳng xem sao ?
 Lễ người người vẫn làm vào.
 Xét xem chữ kính mình nào đã xong.
 Ở mà chưa được vâng lòng.
 Hãy nên giữ lại xét trong thân mình.

小	人	固	當	遠	然
Tiểu	Nhân	Cố	Đương	Viễn,	Nhiên
Tiểu	nhân	vốn	nên	xa,	song le

斷	不	可	顯	爲	仇	敵
Đoạn	Bất	Khả	Hiển	Vì	Cừu	Địch,
đứt	chăng	khá	rõ	làm	cừu	địch,

君	子	固	當	親	然	亦
Quân	Tử	Cố	Đương	Thân,	Nhiên	Diệc
quân	tử	vốn	nên	thân,	song le	cũng

不	可	曲	爲	附	和
Bất	Khả	Khúc	Vì	Phụ	Hòa,
chăng	khá	uỷ khúc	làm	phụ	hòa.

格言聯璧

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Kẻ tiểu nhân vốn nên xa, nhưng cần phải kín đáo để tránh sự cừu địch oán thù. Người quân tử vốn nên thân, nhưng không nên phụ họa để mất sự ngay thẳng công bằng.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Tiểu nhân ta phải nên xa,
Nhưng chớ hở lỗ sinh ra thù hận.
Quân tử thì vẫn nên thân,
Nhưng chớ phụ họa kèm phần thẳng ngay.

識	時	務	者	爲	俊	傑
Thức	Thời	Vụ	Giả	Vì	Tuấn	Kiệt
biết	thời	việc	ấy	là	Tuấn	kiệt

昧	先	機	者	非	明	哲
Muội	Tiền	Cơ	Giả,	Phải	Minh	Triết,
lỗi	trước	cơ hội	ấy,	chăng	sáng	khôn

格言聯璧

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Những người sáng suốt việc đời, mới là bậc Tuấn kiệt. Những người không đoán biết trước được cơ trời, thì không phải là bậc minh triết. Thí dụ như ông Trương-Tử-Phong và ông Khổng-Minh mới xứng đáng là bậc Tuấn-Kiệt và bậc Minh-Triết.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Những người sáng suốt cuộc đời,
Ấy là Tuấn-Kiệt lỗi với thông minh.
Kẻ không biết trước giữ mình,
Phải đâu minh-triết mưu danh trên đời.

晚	食	以	當	肉	安
Vãn	Thực	Dĩ	Đương	Nhục,	An
Muộn	ăn	để	đương	thịt,	gên

步	以	當	車	無	罪	以
Bộ	Dĩ	Đương	Sa,	Vô	Tội	Dĩ
bước	để mà	đương	xe,	không	lỗi	để mà

當	貴	清	靜	貞	正	以
Đương	Quý.	Thanh	Tĩnh	Trinh	Chính	Đĩ
đương	quí,	trong	sạch	ngay	thẳng	đề mà
自	娛	歸	真	返	樸	則
Tự	Ngu	Quy	Chân	Phản	Phác	Tắc
tự	vuí,	về	thật	lại	chất phác	thời
終	身	不	辱			
Chung	Thân	Bất	Nhục.			
tròn	minh	chẳng	nhục.			

囊 賸

Sách Nang - Thừng

Dịch nghĩa : Ăn muốn khi đói, ngon miệng cũng như ăn thịt. Tuong tủa đi bộ thấy khoan khoái cũng như đi xe. Giữ mình không tội lỗi thì thân vẫn quý. Thanh nhàn ngay thẳng lấy làm vui quý về châu lý, trở lại sự chất phác ở thì suốt đời không nhục.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Muốn ăn bụng đói ngon cơm.
 Kèm gì thịt tốt chủ thơm ngon lành.
 Không cần xe pháo bận mình.
 Bộ hành đúng đỉnh lại thanh chóc chán.
 Thà rằng vô tội làm dân.
 Xét mình trong sạch là thân quý rồi.
 Thôi thà chất phác ở đời.
 Suốt đời không nhục để thời ai khinh.

公	生	明	偏	生	暗
Công	Sinh	Minh.	Thiên	Sinh	Âm.
Chung	sinh	sang.	lệch	sinh	lời,
端	慤	生	通	詐	偽
Đoan	Khắc	Sinh	Thông.	Té	Ngụy
thẳng	tốt	sinh	thông.	đối	sinh
塞	誠	信	生	神	誇
Tắc.	Thành	Tín	Sinh	Thần.	Khoá
lấp.	thật	tín	sinh	thần.	Bản
生	惑				
Sinh	Hoặc.				
sinh	mê hoặc.				

二 味

Sách Nhị - Vị

Dịch nghĩa : Công làm thì mòn sáng suốt. Thiên tư thì sinh tối tăm. Ngay thẳng thì làm gì cũng trôi chảy. Đối trá thì làm gì cũng ngăn trở. Thành tín thì có tình thần. Khoe khoang thì sinh mê hoặc.

Sách Nhị - Vị

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Công bằng tự thấy sáng ngời.
 Nếu mà thiên lệch trí thời tối tăm.
 Thẳng ngay tự thấy thong dong.
 Nếu mà đối trá thì lòng tắc đẽ.
 Thành tín tự khắc thần trí.
 Khoe khoang làm luống ắt thì mê man.

富	貴	如	傳	舍	惟
Phù	Quý	Như	Chuyển	Ná,	Đuy
Giàu	sang	như	trợ	nhà,	chỉ có
謹	慎	可	得	久	居
Cẩn	Thận	Khả	Đắc	Cửu	Cư,
cẩn	thận	nên	được	lâu	ở,
賤	如	敝	衣	惟	勤
Tiền	Như	Tệ	Y,	Đuy	Cần
hèn	như	rách	áo,	chỉ có	siêng
可	以	脫	却		
Khả	Đĩ	Thoát	Rhước,		
khả	đề mà	thoát	khỏi,		

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Sự giàu sang như cái nhà trọ ở trên đời, duy có người nào cần thận thì mới ở được lâu. Sự nghèo hèn như cái áo rách, duy có người nào cần kiệm thì mới thoát khỏi được.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Giàu sang nhà trọ trên đời,
Ai hay cần thận ấy thời ở lâu,
Nghèo hèn như áo rách,
Ai hay cần kiệm mới hẳn thoát chằng.

德	薄	而	位	尊	智
Đức	Bạc	Nhi	Vị	Tôn,	Trí
Đức	mỏng	mà	ngôi	cao,	trí
小	而	謀	大	力	小
Tiểu	Nhi	Mưu	Đại,	Lực	Tiểu
nhỏ	mà	lô	lô,	sức	nhỏ
任	重	鮮	不	及	矣
Nhậm	Trọng	Tiền	Bất	Cáp,	Hỷ,
đảm nhiệm nặng,	ít	chẳng	kịp	vội,	
			易	繫	辭
			Kinh	Dịch	Hệ
					Từ

Dịch nghĩa : Đức mỏng mà ở ngôi cao, trí nhỏ mà lo làm việc lớn, sức yếu mà gánh việc nặng, thì ừ khó thành công vậy.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Đức bạc mà ở ngôi cao,
Trí nhỏ mà muốn mưu vào việc to,
Sức hèn gánh nặng đang lo,
Nếu không lượng sức khó dễ thành công.

有	德	者	必	褒	而
Hữu	Đức	Giả	Tất	Bao,	Nhi
Có	đức	ấy	hẳn	khôn	trẻ
善	自	此	可	勸	有
Thiện	Tự	Thử	Khả	Khuyến	Hữu
thiện	tự	đấy	khả	khuyến,	có
					罪
					Tội
					lỗi

者	必	貶	而	惡	自	此
Giả ấy	Tất hẳn	Biếm, chê,	Nhì mà	Ác kẻ ác	Tự tự	Thử đây

可	懲
Khả đáng	Trừng, trừng phạt.

春秋

Sách Xuân Thu

Dịch nghĩa : Người có đức tốt phải được ban khen, thì tự nhiên nhiều người khuyến khích mà làm điều hay. Kẻ có tội tất phải trừng phạt, thì những kẻ ác tự nhiên biết dằn mình mà không dám làm càn.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Có đức cần phải khen lao.
Tự nhiên khuyến khích đồng bào phải theo.
Có tội phải trị gặt gao.
Tự nhiên kẻ ác buộc vào phải dằn.

機	者	禍	福	所	由
Cơ Mây móc	Giả ấy	Họa họa	Phúc phúc	Sở chỗ	Do bởi

伏	人	生	於	機	即	死
Phục nấp,	Nhân người	Sinh sống	Ư ở	Cơ mây móc	Tức bèn	Tử chết

於	機	也	巧	者	聖	神
Ư ở	Cơ mây móc	Đã vậy	Nảo ảo trá	Giả ấy	Thánh thánh	Thần thần

所	最	忌	人	有	大	巧
Sở nơi	Tối rất	Kỵ kiêng	Nhân người	Hữu có	Đại lớn	Nảo khôn

必	有	大	拙	也
Tất hẳn	Hữu có	Đại lớn	Chuyết dốt	Thì, vậy.

格言

Sách Cách - Ngôn

Dịch nghĩa : Những người cơ tâm thì họa phúc này sẵn đó, nên đã sống vậy, cơ tâm thì tất có lúc chết vậy cơ tâm. Những người xảo quyết thì thành thần rất ghét, nên khéo làm vụng nhiều.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Cơ tâm họa phúc bởi người.
Thiện sống ác chết có trời không sai.
Xảo quyết thần thánh đang ai.
Khôn quá hóa dại khuyên ai khéo mà.

成	事	莫	說
Thành	Sự	Mạc	Thuyết
Nên	việc	đang	nói
覆	水	難	秋
Phục	Thủy	Nan	Thu
Đồ	nước	khó	thì

增 廣 賢 文
Tăng Quảng Hiền Văn

Dịch nghĩa : Việc đã quá nhớ rồi, thì không nên nói đến nữa. Nước đã dành đủ rồi, thì khó có thể hết lại được nữa.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Việc đời đã trôi chảy ra.
Nói đi nói lại cũng là thừa thớt.
Nước kia đã đủ mất rồi.
Còn thu sao được lại thời phải vãn.

無	稽	之	言	勿	聽	弗
Vô	Kê	Chi	Ngôn	Vật	Thính	Phất
Không	xét	chứng	lời nói	chớ	nghe	chàng
詢	之	謀	勿	庸		
Tuân	Chi	Mưu	Vật	Dung		
hỏi	chứng	mưu mô	chớ	đang,		

書 經 大 禹 謨

Thư Kinh Đại Vũ Mò

Dịch nghĩa : Những lời nói không có kẻ cừ. Không có câu cứ, thì chớ nghe, mưu làm việc gì mà cứ tự nhiên không chịu bàn bạc với ai, thì chớ dùng.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Nói không kẻ cừ chớ nghe.
Mưu chưa bàn tính e-dè chớ dùng.
Những lời khôn ngoan cáo phổ thông.
Xưa kia Đế Thuấn bảo ông Vũ rồi.

經	目	之	事	猶	恐
Kinh	Mục	Chi	Sự	Do	Khủng
Trải qua	mắt	chàng	việc,	còn	sợ

未	真	背	後	之	言	豈
Vì	Chân,	Hối	Hậu	Chi	Ngôn,	Khởi
chưa	thật,	lưng	sau	chàng	nói,	hư

足	深	信
Túc	Thâm	Tin.
đủ	sâu	tín.

明 心

Sách Minh - Tâm

Dịch nghĩa : Những việc đã qua mắt còn sự chưa thực, nữa là những lời nói sau lưng chớ nên quá tin.

GIẢI NGHĨA VĂN VĂN

Việc đời lắm chuyện e lo.
Dầu rằng qua mắt còn e ngại.
Nữa là những sự tối tăm.
Sau lưng nào chắc không làm mà tin.

功	崇	維	志	業	廣
Công	Sùng	Duy	Chi	Nghiệp	Quảng
Công	cao	chỉ	chỉ,	ngiệp	rộng

維	勤	惟	克	果	斷	乃
Duy	Cần	Đuy	Khắc	Quả	Đoán.	Nãi
bởi vì	siêng,	chỉ vì	hủy	quyết	đoán,	bèn

罔	後	艱
Võng	Hậu	Gian.
không	sau	khó khăn.

書	經	周	官
Kinh	Thư	Thiên	Quan

Dịch nghĩa : Thành công rực rỡ là do mình lập được chí lớn, Cơ nghiệp được to tát là do sự siêng năng cần mẫn. Mình làm cố quyết đoán, thì sau khỏi xảy ra những sự khó khăn.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

*Công cao vì lập chí to.
Làm nên cơ nghiệp cũng do siêng cần.
Việc làm cố có lần chần.
Quyết tâm sáng suốt khỏi phần gian nan.*

循	天	理	則	不	求
Tuân	Thiên	Lý	Tắc	Bất	Cầu
Theo	trời	lẽ	thời	chẳng	cầu

利	而	自	無	不	利	徇
Lợi,	Nhĩ	Tự	Vô	Bất	Lợi,	Tuân
lợi,	mà	tự	không	chẳng	lợi,	theo

人	欲	則	求	利	未	得
Nhân	Dục	Tắc	Cầu	Lợi,	Vì	Đàn
người	lòng muốn	thời	cầu	lợi,	chưa	được

而	害	己	隨	之
Nhĩ	Hại	Dĩ	Tùy	Trì,
mà	hại	đã	theo	đầy,

明	心	寶	鑑
Sách	Minh	Tâm	Bảo
			Giám

Dịch nghĩa : Việc đời cứ theo lẽ phải mà làm, thì dù mình không cầu lợi mà tự nhiên việc gì cũng thấy lợi. Nếu mình theo lòng riêng mà cầu lợi, thì lợi chưa chắc đã được mà đã thấy hại ngay.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

*Kinh doanh phải lẽ mà cầu.
Dù không cầu lợi lợi hầu tới ngay.
Theo lòng ham muốn xô ngay.
Lợi thì chưa thấy hại ngay đến mình.*

生	事	事	生	何	日	了
Sinh	Sự	Sự	Sinh	Hà	Nhật	Liễn,
Sinh	việc	việc	sinh	nào	ngày	rồi.

害	人	人	害	幾	時	休
Hại	Nhân	Nhân	Hại	Kỷ	Thời	Hưu,
hại	người	người	hại	mấy	lúc	thời.

冤 家 宜 解 不 宜 結
Oan Gia Nghi Giải Bất Nghi Kết,
Oan nhà nên cởi chẳng nên thắt,

各 自 回 頭 看 後 頭
Cac Tự Hồi Đầu Khan Hậu Đầu,
đều tự quay về đầu xem sau đầu,

明 心

Sách Minh Tâm

Dịch nghĩa : Hễ sinh việc thì việc lại sinh, biết bao giờ hết. Hễ hại người thì người hại mình, biết bao giờ rồi. Oan gia chỉ nên cởi ra chứ không nên buộc vào. Ta nên quay đầu lại xem sau này ra sao.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Ở đời sinh sự sự sinh,
Hại người người hại mình rồi từ xưa.
Oan gia chớ để dây dưa.
Cởi ra cho thoát chớ đưa thắt vào.
Khuyên ai nên sớm hồi đầu,
Trước mà ở phải thì sau hay liền.



好 義 第 二 十 篇

HIẾU NGHĨA ĐỆ NHỊ THẬP THIÊN

臣 功 以 朝 廷 之
Thần Công Di Triều Đình Chi
Bầy tôi khéo lấy triều đình chung

事 爲 事 奴 僕 以 家
Sự Vi Sự Nô Bộc Di Gia
việc là việc, nô lệ đũa ư lấy nhà

主 之 事 爲 事 天 下
Chủ Chi Sự Vi Sự Thiên Hạ
chủ chung việc là việc, thiên hạ

無 不 一 之 事 矣
Vô Bất Nhất Chi Sự Hĩ,
không chẳng một chung việc vậy.

格 言 聯 璧

Sách Cách Ngôn Liên Bích

Dịch nghĩa : Trong một nước mà những người chức việc biết coi việc nước như việc nhà, người nô bộc biết coi việc chủ như việc mình, người nào cũng tự biết bổn phận làm việc, thì thiên hạ không còn một việc gì không vào một mối được.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Bầy tôi coi việc Triều đình,
Như việc nhà mình chớ có bỏ tha.
Đầy tớ coi việc chủ nhà,
Như việc mình vậy tỏ ra trung thành.
Tự nhiên thiên hạ thái bình.
Trăm gương một mối một thành lợi ư.

爭 先 徑 路 機 關 惡
 Tranh Tiên Kinh Lô Cơ Quan Ác,
 Giành trước lối đường máy cửa, ác

後 近 語 言 滋 味 長
 Hậu Cận Ngữ Ngôn Tư Vị Trường,
 sau gần nói nói ngon mùi dài,

邵 康 節

Lời ông Thiệu - Khang - Tiết

Dịch nghĩa : Những kẻ mạnh lối dễ tranh bước trước mà cầu danh lợi, thì trong bụng thường có những cơ tâm gian ác, không bằng những người ăn nói ngay thật, thì có vẻ đậm đà mãi về sau.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Tranh đua lối tắt mà đi,
 Vào con đường ác hay gì mà theo.
 Sao bằng ăn ở biết điều,
 Về sau thăm thía, có chiều bền lâu.

塑 像 棲 神 盍 歸
 Tô Tượng Thê Thần Hạp Qui
 Tô tượng thờ thần, sao không về

奉 親 造 院 居 僧 盍
 Phụng Thân Tào Viện Cư Tăng Hạp
 thờ cha mẹ, làm chùa ở, sư sao không

往 救 貧
 Vãng Cứu Bần,
 đi cứu kẻ nghèo.

格言聯璧

Sách Cách - Ngôn Liên - Bích

Dịch nghĩa : Những người cứ chăm tỏ tượng, cầu thần, sao không về phụng dưỡng cha mẹ mình có hơn không? Những người hay làm chùa rước sư sao không dễ tiền mà cứu kẻ nghèo khổ có hơn không?

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Đức chuông tỏ tượng thờ thần,
 Thà về phụng dưỡng đấng thần của mình.
 Rước sư đón tiền làm đình.
 Sao bằng cứu kẻ cùng đinh nghèo hèn.

才 爲 世 所 珍 德
 Tài Vi Thế Sở Trân, Đức
 Tài là đời đề mà quý trọng, đức

爲 人 所 重
 Vi Nhân Sở Trọng,
 là người đề mà trọng vọng.

二 味

Sách Nhị - Vi

Dịch nghĩa : Người có tài thì bao giờ đời cũng phải quý, Người có đức thì bao giờ người ta cũng phải trọng.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Nam sông chung đức anh tài.
 Kinh luân quý báu trên đời kinh gài.
 Những người đức hạnh đủ điều.
 Là bậc mô phạm ai hầu dân khải.

陰	陽	和	而	後	雨
Âm	Dương	Hòa	Nhì	Hậu	Vũ
Khi âm	khí dương	hòa	mà	sau	mưa

澤	降	夫	婦	和	而	後
Trạch	Giáng,	Phu	Phu	Hòa	Nhì	Hậu
nhuần	xuống,	chồng	vợ	hòa	nhì	sau

家	道	成
Gia	Đạo	Thành,
nhà	đạo	thành.

胡	隆	宇	性	理
Lôi ông Hồ	-	Long	-	Vũ ở Sách
				Tính - Lý

Dịch nghĩa : Trong trời dất khí âm khí dương cô hòa, thì sau mưa gió mới thuận được. Trong gia đình vợ chồng có hòa thuận, thì sau gia đạo mới thành được.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Âm dương trời đất thuận hòa,
Mới mong mưa móc chan hòa khắp nơi.
Vợ chồng nhà cửa yên vui,
Mới mong gia đạo thành thời mọi bề.

以	富	貴	而	下	人
Ở	Phù	Quý	Nhì	Hạ	Nhân
Lấy	giàu	sang	mà	hạ	người

何	人	不	尊	以	富	貴
Hà	Nhân	Bất	Tôn	Đĩ	Phù	Quý
nào	người	chẳng	lớn,	lấy	giàu	sang

而	愛	人	何	人	不	親
Nhì	Ái	Nhân,	Hà	Nhân	Bất	Thân,
mà	yêu	người,	nào	người	chẳng	thân,

擴	識
Khoảng	Thức

Dịch nghĩa : Mình là bậc giàu sang mà tự biết hạ mình xuống, đề tiếp xúc với đời, thì người nào mà chẳng tôn kính mình. Mình là bậc giàu sang mà biết yêu quý người, thì ai mà chẳng muốn thân với mình.

GIẢI NGHĨA VĂN VẦN

Giàu sang vì biết hạ mình
Thì ai mà chẳng chân thành kính người.
Giàu sang biết quý yêu người,
Thì ai mà chẳng tới lui thân mình.

CÁCH NGỒN BẢO LỤC

Mục lục

Bài tựa

Bài bát

Thơ mừng

Thiên

Trang

I	書問	Độc thư	Độc sách	11
II	身察行	Học vấn	Công phu học hỏi.	18
III	立觀	Lập thân	Xây dựng danh giá	30
IV	慎	Quan sát	Xem xét sự vật	41
V	即應	Thân hạnh	Cần thận mọi việc	54
VI	用樂	Tiết tháo	Bền lòng vững chí.	74
VII	自處	Ứng biến	Đối phó biến cố	79
VIII	自修	Dụng nhân	Hiểu biết dùng người	89
IX	品博	Lạc thiên	Vui theo đạo trời	93
X	存求	Tự miễn	Tự mình cố gắng	99
XI	勵持	Xử thế	Cư xử với đời	108
XII	好義	Tự lập	Tự mình xây dựng.	120
XIII		Tu thân	Sửa mình nuôi tính.	124
XIV		Phẩm hạnh	Phẩm cách nét na.	127
XV		Bác ái	Tình nghĩa yêu thương.	143
XVI		Tôn dưỡng	Tôn tâm dưỡng tính	145
XVII		Cầu tri	Tìm tòi hiểu biết	156
XVIII		Lệ chí	Gắng gỏi chí khí.	160
XIX		Tri cung	Tập luyện giữ mình	166
XX		Hiếu nghĩa	Ưu làm nghĩa vụ	185

ĐÍNH CHÍNH

TRANG VÀ DÒNG	BẤ IN	XIN ĐỌC LẠI
Trang 2 dòng 7	Hiền	Hiền
Trang 7 dòng 5	Bao h ^ư	Thừa 1 chữ bao
Trang 50 dòng 27	Xương	Quang
Trang 67 dòng 7	Thư	Thư
Trang 68 dòng 9	Lộ	Lo
Trang 70 dòng 5	Cần	Cần
Trang 71 dòng 15	Hu 訃	Kiệt 訃
Trang 74 dòng 25	Thác	hào
Trang 75 dòng 25	Lĩnh	Lĩnh
Trang 78 dòng 8	Định	Dịch
Trang 79 dòng 2	Biên	Biển
Trang 79 dòng 18	Một một	Thừa chữ một
Trang 100 dòng 11	Đường	Đường
Trang 101 dòng 21	ét	Nét
Trang 106 dòng 13	Không	Khôn
Trang 145 dòng 2	Đường	Dưỡng
Trang 150 dòng 12	Ngon	Ngon
Trang 163 dòng 7	怯	性
Trang 169 dòng 20	Giảng	Giảng
Trang 171 dòng 18	Xem	Thừa chữ xem
Trang 174 dòng 13	Bộ	Bộ
Trang 174 dòng 13	Xé	Xe

hạt

Dịch-giả Xuất-Bản và Phát-Hành

Địa chỉ Hạnh-Lâm 23 Đinh-tiên-Hoàng, Dakao - SAIGON

Thơ và ngân-phần xin đề Ô. Nguyễn - văn - Minh

Sẽ lần lượt xuất - bản :

- Thế - giới danh - nhân cách - ngôn.
- Thái - Tổ bí - truyền mạch - quyết.
- Vương - Thúc hòa mạch - quyết.
- Hán - Việt Tự - điển
- Từ - Nguyên giản - yếu.
- Bản thảo (dược - tính) Bắc - Nam.
- Đường - thi trích - dịch.
- Hiếu - Kính
- Chiêm - tinh.
- Chu - Tử cách - ngôn.
- Hòa - chính gia - truyền địa - lý.
- Gia - truyền vận - niên.
- Thương - hàn - Luận.
- Tập bệnh đơn - khoa
- Âm - dương luân - giải.



ĐI

Giấy-phép số 2274/X.B. Saigon ngày 2-11-1960
H. Đ. K. O. Nha Thông Tin Nam Phần

NHÀ IN - XUẤT-BẢN

MẠNH - CHẤT

600, Phan-dinh-Phùng - SAIGON

GIÁ BÀN

Tại SAIGON

Được inb. NĂM và TRUNG-THIAN

Mua ở
Họa Sĩ THIẾT BỊ